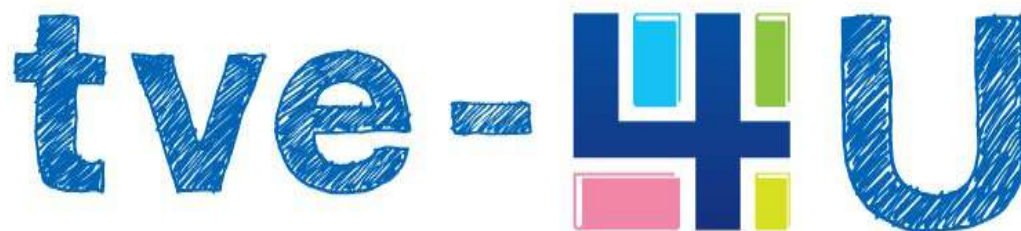


VĂN - HÀ

Tán-Thuật
BÃI SÂY KHỞI NGHĨA
(1 8 8 3 - 1 8 9 7)



A - CHAU



CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Tên sách : TÁN-THUẬT BÃI SẬY KHỜỈ NGHĨA

(1883-1897)

(Lịch-sử tiểu-thuyết)

Tác giả : VÂN-HÀ

Nhà xuất bản : Á-CHÂU

Năm xuất bản : 1951

Nguồn sách : tusachtiengviet.com

Đánh máy : tmtuongvy, TiMon, Chau1011, ElvisRey,
Lê Gia Thụy, Amovo, nonliving, nth_9195, blacktulip161,

Aprilicious, meyeusoi, Duonghuyen, Vũ Đình Hòa,

Forgetmenot, Hanna Lê, Robinson1412,

Trúc Quỳnh Đặng, Mekhoaibi

Kiểm tra chính tả : Nguyễn Xuân Huy,

Dương Văn Nghĩa, Ngô Thanh Tùng

Biên tập ebook : Thư Võ

Ngày hoàn thành : 20/08/2019

**Ebook này được thực hiện theo dự án phi lợi nhuận « SỐ HÓA 1000
QUYỂN SÁCH VIỆT MỘT THỜI VANG BÓNG » của diễn đàn TVE-
4U. ORG**

**Cảm ơn tác giả VÂN-HÀ và Nhà xuất bản Á-CHÂU đã chia sẻ với bạn
đọc những kiến thức quý giá.**

MỤC LỤC

I

II

III

IV

V

VI

VII

VIII

IX

X

XI

XII

XIII

XIV

XV

XVI

XVII

XVIII

XIX

XX

XXI

XXII

MẤY DÒNG THAY ĐOẠN KẾT

VÂN-HÀ
TÁN-THUẬT
Bãi Sậy khởi nghĩa (1883-1897)
(Lịch-sử tiểu-thuyết)
Á-CHÂU

**BÀI 29 : PHONG-TRÀO CÁCH-MẠNG TỪ
NAM CHÍ BẮC**

MIỀN BẮC : NGUYỄN-THIỆN-THUẬT



I. Lúc thiếu thời, ông nổi tiếng văn hay võ giỏi. Lớn lên, đỗ Cử-nhân, ra làm quan đời Vua Tự-Đức, Ông được bổ Tán tương quân-vụ, nên người ta gọi ông là Tán-Thuật.

II. Bỏ quan, lập chiến-khu : Sau khi Kinh-thành Huế thất thủ, ông cỡi áo từ quan, chiến-khu ở Bãi-Sậy (Hưng-Yên) để chống Pháp. Bãi-Sậy chiến-khu vô cùng hiểm-trở với những ao đầm sâu rộng, lau sậy um-tùm, những đường hầm chằng-chịt đào sâu đủ. Lối vào là một con đường nhỏ hẹp, quanh co, đầy chạm-bẫy. Ông lại được Đề-đốc Tạ-Hiện và nhiều văn-thân theo bày vẽ mưu-kế và tập-luyện binh-sĩ.

III. Chiến-thuật tiêu mòn giặc : Nguyễn-thiện-Thuật liên-kết với các nhóm nghĩa-binh vùng lân-cận, nay đánh thành này, mai phá đồn nọ, làm Pháp phải tổn-thất nặng-nề. Pháp nhiều lần cất binh đến đánh nhưng lần nào cũng hao binh mất súng, mà không phá được chiến-khu. Pháp phải tặng ông danh-hiệu là « Vua Bãi-Sậy ».

IV. Chiến-đấu đến cùng : Pháp cho người viết thư dụ hàng, ông không trả lời. Pháp sai Tổng-đốc Hải-Dương là Hoàng-cao-Khải đi đánh dẹp. Biết rõ địa thế, Hoàng-cao-Khải cất đại-binh đến bủa vây chung quanh Bãi-Sậy...

I

CUỐI thế-kỷ thứ 19.

Một bức màn đen tối bao phủ kín khung trời Việt-Nam. Dân-tộc lao-đao khác chi con thuyền gặp bão táp giữa trùng-dương. Những thủy-thủ quốc-gia, kẻ chèo người lái, gắng công gắng sức đẩy, nhưng thuyền vẫn trùng-triềng trong bể sóng mênh mông nguy-hiêm.

Dân-tộc âm thầm nhỏ lệ !

Hồi đó, trước làn sóng cơ-khí của Tây-phương, người Việt bờ ngõ. Họ lạ lùng như đứng trước những quái-tượng của thiên-nhiên.

Họ sợ-hãi lắm. Tuy thế, tiếng gọi của nhiệm-vụ trước giang-sơn nguy-biến đã gieo vào lòng họ một nghị-lực đầy tin-tưởng. Một số đông đứng lên, không quản khó khăn, lặn mình vào thời cuộc.

Thế là trong hầu khắp đất nước, cảnh chém giết hãi hùng diễn ra liên-tiếp.

Tang tóc ngập trời !

Quân Pháp đã bước vào đất nước !

Nguyễn Triều lúng-túng, người thế này người thế khác, không có một giải-pháp gì khả dĩ cứu vãn tình-thế nguy vong đến nơi !

Trong toàn quốc, sĩ-khí ngùn ngụt ngất trời. Bao nhiêu nhà nho hoặc quăng bút cầm gươm, hoặc bỏ cả thi cống thi nghè về nơi thôn-dã ẩn nấu để sống nốt cuộc đời thúc-thủ tui-nhục mình. Nhân dân lao-nhao, lo ngại, tưởng như đứng trước cảnh đất lở trời nghiêng nhưng họ cũng quen dần đi.

Loạn lạc đã hàng trăm năm nay rồi. Nào Trịnh-Nguyễn tranh giành ; nào Tây-Sơn khởi nghĩa ; nào quân Thanh xâm chiếm ; nào cuộc tranh hùng máu chảy thành sông giữa nhà Nguyễn và nhà Tây-Sơn. Tài-sản quốc gia vì thế mà kiệt quệ. Dân quê nghèo khổ, sợ đói rét hơn là sợ giặc-giã. Bởi thế, tuy khắp đất nước lúc này lâm vào cảnh khói đạn tươi bời, họ chỉ lo âu lúc

đầu, rồi lại kiên nhẫn trong công việc đồng áng, mặc cho thế-sự xoay vần. Họ vẫn cười, nhưng trên đôi mắt hiền-hậu chất-phác thấy long lanh màu lệ.

Muốn yên ổn làm ăn, vì chẳng còn có phương-châm gì khác, nhưng nào có được yên !

Khi các thành-đô cùng các thị-trấn các tỉnh đã lọt vào trong tay quân Pháp, các nghĩa-sĩ Việt-Nam len lỏi về khắp thôn quê. Họ lại tụ-tập, lại kéo cờ chống Pháp. Những nơi thôn-õ của bao lũy tre, xưa nay vẫn lặng lẽ, bình thản trước gió sương, nay bỗng nhiên biến thành nơi hội-họp của nghĩa-quân, và rồi ra sẽ phải tan-tác tươi-bời !

Hưởng ứng với phong-trào trời dậy khắp bốn phương, ông Nguyễn-thiện-Thuật, con chim bằng của vùng xuôi xứ Bắc, cũng quyết tung cánh bay cao, chí những mưu đồ nghiệp lớn.

BÃY-SẬY ở Hải-Dương là nơi sào-huyệt vô cùng bí-mật và hiểm-hóc của con chim trời đó.

II

ÔNG Nguyễn-thiện-Thuật sinh năm 1841 (Tân-Sửu), giữa năm Vua Thiệu-Trị lên ngôi Hoàng-đế. Vừa ra đời, ông đã phải hô-hấp mùi thuốc súng khét lẹt của làn sóng văn-minh Tây-phương, từ ngoài khơi thoang thoảng bay vào nội địa. Sinh trưởng trong nề nếp nho-phong, quê ông thuộc làng Xuân-Dực, tổng Bạch-Xam, huyện Mỹ-Hào, tỉnh Hưng-Yên. Năm ông lên 6 tuổi, các cụ thân sinh ra ông đã rước thầy nuôi trong nhà để dạy ông học.

Ông Thuật, dáng người khỏe mạnh, nét mặt khô-ngô. Suốt cả quãng đời nấu sủ sôi kinh, ông đã tỏ rõ cái khí-độ của mình. Cụ Đồ, thầy dạy ông học thấy ông linh lợi khác thường nên đã nhiều lần vượt râu mím cười, tự đắc nhìn ra quãng trời xa mà mừng tượng thấy sự hiển-hách hiên-ngang của học trò mình sau này.

Một buổi chiều mùa đông, ông Thuật ngồi hầu chuyện thầy học bên chiếc hỏa-lò quạt nước. Người thanh-niên quắc-thước ấy kính cẩn nâng cốc trà thơm mà thầy học vừa ban cho. Mùi thơm sen ướp thoang thoảng khắp gian phòng ; Cụ Đồ vẫn trầm-mặc ngồi nguyên giữa giường. Cụ như mãi theo đuổi một viễn-vọng, có lẽ cụ nghĩ tới cảnh quốc phá gia vong đã mở màn trên dải đất yêu-dấu của cụ. Điều thuốc-lào cụ cầm tay vo viên từ lúc này, mãi tới giờ cụ mới nhẹ nhàng bỏ vào điều. Chiếc đèn dầu nhỏ tí hầu như gần tắt lại được kê lên, cụ châm đóm, thông thả kéo một hơi dài. Tiếng kê gòn liên hồi của chiếc điều trặc khảm trai, bịt bạc vừa dứt, thì khói ở miệng cụ tỏa ra và từ-từ bay không khác gì một đám mây mỏng giữa trời lặng gió. Đám khói lan rộng dần ra, bám sát vào cái cột treo lủng lẳng câu đối sơn son thiếp vàng, bị chia ra làm hai mảng rồi dần dần tan biến trong gian phòng tịch-mịch.

Thuật nguyên ngồi lặng thinh. Tai ông vẫn như nghe thấy rất nhiều động tĩnh trong cái yên lặng của hai thầy trò. Hôm nay ông ngồi dai, chắc có một tâm-sự muốn băm thầy để xem tôn-ý ra sao. Cụ Đồ cũng hiểu như vậy,

nhưng cụ vẫn lặng lẽ, tuy rằng tinh-thần của cụ vẫn lắng nghe tiếng động trong lòng người học-trò mà cụ hằng yêu quý nhất.

Cái đức yên lặng trong suy-nghĩ của cụ đã thành một thói quen và bao quát nhiều ý-nghĩa.

Đến đây, thấy lòng nóng như lửa, hai mắt sáng lên, ông Thuật đứng dậy.

Vừa nghe thấy tiếng « bầm thầy », cụ Đồ ngoảnh lại nhìn thẳng vào học-trò, ôn tồn hỏi : « Con có điều gì muốn hỏi thầy ? Con cứ ngồi xuống ».

Ông Thuật lại lễ-phép ngồi xuống nguyên chỗ cũ, ông khẽ thưa : « Bầm thầy, con tuy còn nhỏ tuổi, nhưng lòng thật lấy làm quan ngại trước cảnh quốc-gia biến chuyển ! »

Cụ Đồ bỗng phác một cử-chỉ luống cuống và cảm-động, nhưng rồi cụ lại điềm-tĩnh nghe : « Bầm, nước nhà ngày nay có khác chi chiếc nhà mục nát, chỉ một trận gió nhỏ là đủ tan tành. Bên trong thì giặc-giã tứ tung, dân tình cực khổ, bên ngoài thì sức mạnh Tây-phương dòm ngó ».

Cụ Đồ gật đầu, nét mặt cụ vừa như thoáng hiện qua một ý-tưởng thương tâm. Hai con mắt già căng thẳng trong hai vành kính trắng, cụ đồng-dục nói : « Thầy biết cả. « Quốc-gia khuyh nguy, thất-phu hữu trách », huống hồ là mình ! »

Cụ thở dài, trút nhẹ nỗi cảm-xúc trong lòng. Cụ tiếp : « Thầy già rồi, cái tay cầm bút nhẹ nhàng đã quen thói đi rồi. Trách nhiệm ! Ôi ! Trách-nhiệm ! »

- Bầm, con bấy lâu được thầy truyền đạo Thánh-hiền, cũng mong có một ngày thành-đạt để khỏi phụ công thầy dậy bảo. Nhưng nay cơ-đồ nghiêng ngửa mà chỉ khư khư với khoa bảng riêng mình, con e kẻ sĩ như thế thì rồi phải mang trong lòng nhiều hận !

- Con có ý-tưởng gì khác ?

- Trình thầy, ngoài giờ đèn sách cho kịp kỳ thi, con xin phép thầy cho con được coi binh-thư và thao-luyện võ-nghệ, cho kịp thời.

Cụ Đồ vuốt chòm râu dài bạc phơ. Cụ cười, hai mắt chăm chú nhìn học-trò, tỏ vẻ biểu đồng tình. Nhưng ông Thuật lại lo lắng, sợ thầy cố-chấp mà khinh thường vũ-biên như trăm nghìn ông khoa-bảng khác chẳng.

Không, cụ Đồ vui vẻ giơ hai tay khăng-khieu ra. Cụ muốn nói, nói thực nhiều, thật to, nhưng cụ vẫn chưa nói gì ! Ông Thuật vẫn hồi-hộp, trong chờ đợi lời chỉ giáo của thầy.

Cụ lại pha trà, rót ra hai chén. Hơi thơm thanh-khiết lại tỏa ra. Cụ uống một chén còn một ban cho học-trò. Uống xong, cụ khẽ đập-tay vào vai Thuật và vui vẻ nói : « Con nghĩ phải. Văn hay khó bình được giặc, chữ tốt khó lui được thù. Các bậc khai-quốc công-thần đời xưa đều là văn-võ kiêm toàn cả đấy chứ ! Hoài-bảo của con làm cho thầy rất hài lòng ».

Được thầy ưng-thuận sở-nguyện của mình, Thuật sung-sướng cáo từ thầy bước ra.

Cụ Đồ lại một mình với trai phòng yên lặng. Cụ xếp lại chồng sách, một cái gia-tài đối với cụ quý hơn cả tiền vàng bạc-nén. Tay vờ điếu thuốc lào, cụ lẩm-bẩm : « Ta biết thằng Thuật là người có chí lớn mà ! »

Năm 18 tuổi, ông Thuật đỗ Tú-tài. Ông trúng khoa thi hương năm 1871.

Tiếng tăm ông Cử Thuật văn-võ kiêm toàn đã lừng lẫy trong huyện Mỹ-Hào. Người ta thường gọi ông là ông Cử Xuân-Dực.

Quả xứng với những điều mà thời bấy giờ ca tụng ông. Ông là một người thông-minh đĩnh-ngộ, lại có sức khỏe và trí dũng hơn người. Gặp việc khó khăn, ông biện bạc rất trôi chảy và đối phó rất mau chóng.

Tiếng đồn ông Cử Thuật còn trẻ mà đã văn-chương lỗi lạc, vũ-nghệ tinh-thông, đến tai ông Tổng-đốc Hải-Dương. Vị quan đầu tỉnh đó liền cho vời ông đến sảnh-đường.

Sau buổi hội kiến này, ông Thuật được các quan đầu tỉnh đều tỏ lòng mến tài và lưu tâm cất nhắc từ đấy.

Ít lâu, ông Thuật được gọi ra giữ chức Bang-tá.

Trước khi lên đường nhận công-vụ, ông Thuật đến thăm và chào thầy học. Lúc này cụ Đồ đã già nua lắm rồi. Cụ không dậy học nữa mà chỉ quanh quẩn với mấy chậu lan « Bạch-ngọc ». Hễ có học-trò tới thăm, cụ lại đem thời-sự hay đạo-ngĩa ra luận bàn.

Hôm nay, Thuật lại chơi, cụ mừng lắm hỏi ngay : « Thế nào? nhà người bao giờ lên đường nhậm chức ? »

Ông Thuật rất đỗi ngạc nhiên, chẳng hiểu vì sao cụ lại biết tin mình ra làm quan. Ông cúi đầu kính cẩn chào thầy và thưa : « Con sang chào thầy, rồi nay mai lên đường ạ ».

Cụ Đồ cười xòa, vuốt chòm râu bạc. Bằng một giọng dò hỏi, cụ nói : « Ta biết Bang-tá đâu có phải là điều ước-nguyện của nhà người, nhưng nó là bước đầu ».

Bang-Thuật chỉ cười khẽ không đáp, theo thầy bước vào nhà.

Cụ Đồ lại lên giường chễm-chệ ngồi như ngày cụ còn dậy học. Cụ chỉ ghé bảo ông Thuật ngồi, rồi gọi người nhà pha nước.

Cuộc ẩm trà đàm luận giữa thầy trò Thuật thực là nồng nàn mật thiết.

Lần này, cụ khác hẳn những lần gặp Thuật trước. Xưa cụ nói rất ít, nhưng hôm nay cụ nói rất nhiều, mà bầu tâm-sự của cụ vẫn như chưa vơi chút nào. Cụ vẫn thường ngẫm-ngĩ : Nếu cụ như ai thì cũng vông lọng nghênh-ngang, nhưng khốn nỗi hai con mắt cụ không nhìn thấy cái sung sướng trên sự lầm-than khổ-sở của mọi người. Óc cụ không hề tính toán để mưu lấy hạnh-phúc cho riêng mình. Cụ học giỏi, lâu lâu thiên kinh vạn quyển nhưng chưa hề lều chõng một lần nào. Suốt cả một đời dậy học, cụ cam chịu tiếng đồ gàn mà người đời thường mệnh danh cho cụ.

Cụ yêu quý Thuật vì người học-trò này với cụ có nhiều tư-tưởng gặp nhau. Bởi thế, thấy Thuật sắp lên đường đi vào hoạn-lộ nên cụ bắt ngay vào chuyện thời sự để giúp ý-kiến cho trò mình : « Tình thế nước ta nguy-ngập lắm rồi, con ạ ! Sự học-thuật và sinh-hoạt của thiên-hạ đã tiến bộ nhiều. Sự cạnh-tranh quyền-lợi của các nước cũng đang vào thời-kỳ kịch liệt ».

Ông Thuật ngồi khoanh tay chăm-chú nghe không khác gì khi xưa nghe thầy giảng sách.

Cụ Đồ lim-dim cặp mắt sâu hoắm, cất cao giọng nói, như gieo vào bầu không khí ướp lan thơm quanh cụ, một hần học thương tâm : « Thế mà chán quá cho những người giữ cái trách-nhiệm chính-trị trong nước, chỉ chăm chú vào việc từ-chương. Hễ động bàn tới quốc-sự thì phi Nghiêu, Thuấn lại Hạ, Thương-Chu. Việc của hàng nghìn năm cũ rích đem áp dụng vào lúc này : nhân-tình và thế-cục đã khác trước nhiều. Như vậy, thắng làm sao được mà chẳng bại. Họ không chịu nhìn xa nghe rộng nguy mất ! »

Cụ lại ngồi thừ ra nghĩ ngợi. Ông Thuật thấy trong lòng xao-xuyến. Ông như hiểu rằng : « mình có một chí lớn, có một tâm huyết nhưng chẳng biết đường tiến thân thế nào cho hợp lý ». Ông lặng lẽ nhìn thầy học như phủ lên cụ già một kính trọng chân thành.

Sau mấy phút trầm ngâm của hai thầy trò, cụ lại hạ giọng nói : « Ấy các triều-thần bây giờ phần nhiều là thế cả. Các ông ấy cứ nghe ngệch cho mình là hơn người, còn thiên-hạ là dã-man. Hễ ai có suy-xét nghĩ đến công cuộc cải-cách thì y như là bài bác, cho là chủ-trương bậy, bại hoại cả kỷ cương. Họ tự đắc quá, bởi thế nên những người biết đành làm câm giả điếc khoanh tay mà chờ đợi sự sụp vong. Nguy cấp vô cùng mà đã ai mở mắt ra đâu ! »

Nghe lời thầy nói đến đây, ông Thuật thấy ngượng nghịu vì ông vừa tự cảm thấy : Mình rồi đây thang mây nhẹ bước, khéo đến cũng như các Ngài mà thầy học mình đương mặt sát. Ông ngập-ngừng nói : « Bẩm, với chức nhỏ mọn của Triều-đình, con lo lắng không biết có thực hiện nổi được một phần hoài bão của thầy ? »

- Ấy cũng có kẻ tự nghĩ rằng mình đã có quyền cao tước trọng thì tất là tài giỏi hơn người, chứ không hiểu rằng : tài giỏi đâu có ở tuổi nhiều, tuổi ít, khôn ngoan đâu có ở quan to quan nhỏ. Cái phẩm-giá bất tử của con người ta cốt ở tư-tưởng học thực, chứ không phải ở mũ cao áo dài hay biệt-thự nguy nga.

Lê dân đồ thán, tình thế nguy cấp đến nơi rồi mà vẫn khư khư tồn cố. Cơ đồ tan nát mất !

Nghe cụ nói, ông Thuật nao núng trong thâm tâm. Cụ đã già lão lắm rồi. Cái chí khuông-phù của cụ không đạt, khiến cho lòng niên-thiếu của Bang-Thuật cũng phải bùi-ngùi.

Cuộc đàm luận kéo dài mãi. Thầy cứ nói không ngơi ; trò cứ nghe không chán.

Đến khi ông Thuật cáo lui ra về, cụ đồ lom-khom chống chiếc gậy trúc đưa chân ra tận ngõ. Cụ còn níu học-trò lại dặn thêm rằng : « Thầy chỉ mong cho trò đạt được một phần tư-tưởng chung của thầy trò ta. Trò nên vì dân vì nước, đừng bắt chước thói thường uống tài trí của mình mà không lưu lại cho hậu-thế được chút gì cả. Ý thầy thiên nghĩ : chết vinh còn hơn là sống nhục ».

Thuật vái cụ từ biệt ; Cụ trở lại phòng trà, ngậm-ngùi cho thế-sự ít người tri-kỷ.

III

GIÓ bụi tung trời !

Sáu tỉnh trong Nam đã thành nhượng-địa. Người Pháp bắt đầu hoạt-động ráo-riết ngoài Bắc, riêng có ở Trung là quyền-chính còn hoàn-toàn trong tay Triều-đình Huế. Nhưng sự thực, người Pháp còn đợi khi nào thấy rõ thái-độ kháng-cự của Triều-đình ta là dùng đến võ-lực.

Còn Triều-đình Huế, mặc dầu đã ký những điều-ước tháng 3 năm 1874, lúc nào cũng nhằm nhằm tìm những phương-kế khôi-phục đất đai đã mất. Những chữ ký với nhau lúc ấy quả là không có một giá-trị và hiệu-lực gì, vì cả hai bên đều thiếu hẳn thiện chí.

Tin Đại-úy Francis Garnier hạ thành Hà-Nội, cụ Nguyễn-Tri-Phương tuân-tiết đang làm cho Triều-đình Huế phẫn-nộ trước sự thiếu chân-thành của người Pháp. Tiếp đến tin Francis Garnier bị tử trận do toán nghĩa binh mai phục tại Cầu-Giấy chặn đánh bất thành linh.

Bởi những tin tức dồn dập đó, cuộc đàm-phán Việt-Pháp hầu như bị bế-tắc.

Ngoài Bắc, giặc-giã nổi lên tứ tung, kẻ xưng hùng, người xưng bá. Người Pháp tuy đã trả lại quyền-chính cho ta nhưng vẫn đóng quân tại Hà-Nội.

Tiêu-Viên là một tên bộ-hạ tối đặc-lực của Đại-úy Francis Garnier. Khi Đại-úy chiếm đóng thành-đô và lần lượt đánh các tỉnh nhỏ thuộc miền Trung-châu, Tiêu-Viên đã tỏ ra người được việc và có tín-nhiệm. Các đồn của người Pháp được đặt khắp nơi để giữ gìn an ninh, trật tự. Tiêu-Viên được cử làm chủ đồn Kim-Môn.

Quyền hành tới tay, Viên mở rộng phạm-vi hoạt-động để tỏ tài và lòng trung của mình với chủ.

Đến nay, Đại-úy tuy bị tử trận, Viên vẫn cậy vào súng đạn đầy đủ trong tay, tự cho mình là nhất khoảnh. Các đồn ải khác đều rút về Hà-Nội hay vào

trong Nam, chính quyền đã trả lại cho các viên-chức Nam-Triều. Riêng có Viên quyết ở lại để mưu đồ ác nghiệp. Y cũng đắp đồn đào lũy, cũng bắt lính, dôn lương. Thế lực mỗi ngày một mạnh. Dân chúng hạt Kim-Môn và mấy hạt lân cận oán thán vô cùng vì Viên đã ỷ thế làm nhiều điều bạo ngược. Chẳng những y ngang nhiên chống lại với các cơ-quan thuộc Nam-Triều mà y còn dấn lên chủ-trương Bình-đẳng, Bác-ái, Tự-do của đội quân viễn chinh Pháp quốc.

Triều-đình Huế không thể làm ngơ trước sự khởi loạn ấy. Vua Tự-Đức khép y vào tội phản quốc, lên án tử hình.

Bản án vắng mặt ấy thi-hành thế nào nổi, khi tội nhân là một cường-đồ có súng ống, có quân đội ?

Các ông chủ tỉnh Hải-Dương bèn cho triệu Bang-Tá Nguyễn-thiện-Thuật và hạ lệnh cho ông đem quân dẹp bắt giặc Tiêu-Viên để thi hành bản án của nhà vua.

*

Gươm giáo lên đường !

Viên tướng trẻ tuổi Nguyễn-thiện-Thuật, đeo thanh gươm trường làm nổi bật hẳn bộ võ-phục gọn-gàng. Ông ngồi trên con ngựa hồng trông thật là hiên-ngang oai-vệ.

Lệnh xuất quân được truyền ra bằng một hồi loa vang trong yên lặng. Đoàn quân chinh phạt chỉnh-tề trong hàng ngũ tiến thẳng về phía phủ Nam-Sách và đóng lại ở một làng có lũy tre chắc chắn xung quanh. Địa-điểm quân-sự này đóng sát ngay đất Kim-Môn, nơi mà Tiêu-Viên đương hoành-hành dữ-tợn.

Rồi một đêm cảnh vật dưới màu trăng bàng bạc. Trên đường xuyên dọc các làng đã vắng tanh vắng ngắt. Chỉ còn thừa thớt ở một vài nhà trong xóm, tiếng chày giã gạo nhịp nhàng. Bỗng thấy qua khúc sông con, chiếc đò nhỏ, lẳng lẳng mang đám khách dạ hành bên kia bờ sang. Lần lượt bước lên, không một tiếng xì-xào, đoàn họ năm người đi dưới trăng, gươm sáng long

lanh bên sườn. Họ băng băng qua hết làng nọ, xuyên vào làng kia, chỉ để lại đặng sau, tiếng chó sủa nghi-ngờ.

Đồn Kim-Môn bao bọc một hàng rào mắt cáo rất kiên cố, sừng sững trên một khoảng đất rộng. Nhà cửa xung quanh đều bị phá sạch, để đứng trong đồn để nhìn ra xa.

Khuya dần, thỉnh thoảng mấy tiếng trống cầm canh buông lẳng vào đêm.

Sương xuống nhiều, năm người dạ hành bí-mật tản ra mỗi người một lối, nhưng đều bò sát đất, tiến cả vào tận hàng rào. Và chỉ một thoáng họ lẫn đâu mất cả.

Tiếng trống cầm canh vẫn bình thản. Chỉ thấy ba bóng đen đã lọt vào phía trong hàng rào. Họ đã tụ họp nhau cả trên vòm cây nhãn lù lù ngay giữa sân trại. Một bóng đen trườn như con rắn lên mãi ngọn cây, nhô đầu ra ngoài lá. Bỗng thấy ở dãy nhà bên trái có ánh đèn bật sáng, chiếu qua khe cửa ra ngoài. Một lát, cửa ở một phòng từ từ mở. Một tiểu-đội lính của Tiêu-Viên binh phục gọn ghẽ, kẻ súng người dao bước ra. Chúng xếp hàng một dưới ngay gốc nhãn.

Trăng khuya đã khuất sau lũy tre xa tít ; gió tiễn trăng từ xa lại, khua động những chòm cây túp lá. Tiếng sột sạt trên cây nhãn, làm cho bọn lính đứng dưới nhón-nhác, dán mắt nhìn lên.

Một tên nói : « Có người nấp trên cây ! Khôn hồn xuống đi nào ! »

Một tên khác nói : « Người vào đây để tự tử à ! »

- Thì bắn một phát súng lên, có biết ngay.
- Bắn cái gì để nguyên cho anh em người ta ngủ.
- Anh nào trèo lên xem !

Mấy bóng đen trên chòm cây lo lảng, nằm dán vào cành cây, nín thở, nhìn xuống không chớp mắt, đề phòng.

May vừa lúc ấy người cai lặt-đặt bước ra. Hắn chỉnh đốn lại hàng ngũ rồi dẫn toán lính tuần-cảnh ra thẳng lối cổng đồn.

Chúng vừa ra khỏi, thì ba bóng đen cũng thoăn thoắt trên cây trụt xuống. Khi bám sát tường, khi bò sát đất, ba bóng người chẳng khác gì ba con rắn tìm mồi trong đêm tối. Vòng quanh xem xét tình hình phòng-thủ của trại giặc một lượt, ba bóng người lại dò dẫm trở ra phía bờ rào lúc nãy.

Lại thấy xuất hiện đủ năm bóng người ẩn-hiện trong sương lần theo bờ ruộng. Khi đã xa đồn trại, mấy bóng đứng thẳng lên, rảo bước về phía đường mà bọn lính tuần-cảnh vừa hút qua.

Đến một ngã ba đường cách đồn Kim-Môn độ hơn năm trăm thước, bọn dạ hành đứng lại xì-xào. Kiểm rút ra, đường gân tay nổi lên chắc nịch, họ chia nhau tản mát.

Những phút im lặng như tờ ! Cây đa tán với ngã ba đường, đương âm-thầm trong đêm khuya, giữa những tiếng dế kêu rì rạc, thì bọn lính tuần-cảnh đã trở lại.

Lúc ra đi, chúng im lặng và bí-mật bao nhiêu thì lúc về chúng trò chuyện âm âm bấy nhiêu. Chúng yên-chí rằng đồn Kim-Môn của chúng, nguyên trong kiên cố, không ai dám dòm ngó.

Tiếng cười nói đang ha-hả, bỗng từ trên cây đa lao xuống, bốn phía ruộng xung quanh nhảy lên. Năm bóng người dạ hành vũ lộng năm thanh đoản kiếm làm cho tiểu-đội lính tuần-cảnh của Tiêu-Viên không kịp chống cự chạy tán-loạn. Mấy đứa đầu rơi, bụng thủng toang lãn ra đất. Những tên thoát chết, chạy một mạch về gần tới cửa đồn, liền quay súng nhắm bóng cây đa bắn. Tiếng súng nổ vang xé tan cảnh trời đêm tịch-mịch. Lính trong đồn thấy biến hấp-tấp kéo ra và hùng hổ lùng khắp mọi nơi.

Nhưng, những bóng đen bí-mật đã biến xa rồi ! Họ dong hai tên lính của Tiêu-Viên mà họ đã cố tình bắt sống, đi thực nhanh về phía làng xa. Họ mặc cho càn quét nội cỏ vướng vít những linh hồn quân khốn kiếp và những tiếng súng nổ vu-vơ hăn-học phía sau lưng.

Sau đêm phá năm bộ-hạ gan dạ mạo-hiểm vào thám-thính nội tình đồn Kim-Môn và bắt sống được hai tên lính của đối-phương, ông Bang-Thuật lượm được nhiều tài-liệu cần thiết cho công cuộc phá giặc. Đồi ba phen, ông đã đốc thúc quân lính vây đồn giặc công phá, nhưng kết cục đều phải rút lui vì đạn ở trong bắn ra ngoài rất quá.

Nếu ông ra lệnh cho quân đội đánh tràn vào thì sào-huyệt của Tiên-Viên khó mà đứng vững được. Song ông e rằng trước khi thắng thì những viên đạn vẫn minh kia sẽ làm cho đội quân đầu-tiên của ông bị hao binh tổn tướng. Ông chủ-trương thắng mà vẫn giữ được toàn lực-lượng.

Không đường đường khai chiến với đối-phương nữa, ông bao vây đồn Kim-Môn bằng cách cho quân đóng lẩn trong dân chúng ở các làng chung quanh. Mục-đích của ông là ngăn ngừa không cho binh lính của giặc ra ngoài quấy nhiễu dân gian. Giặc không làm ăn gì được tất nhiên sẽ lâm vào tình trạng cạn lương-thực.

Hễ một tốp quân nào của Tiên-Viên lẩn mò vào các làng mạc là bị mất tích. Lương-thực không khuân về được thành kho ăn mỗi ngày một cạn. Tiên-Viên căm thù lắm. Hãn bèn họp 15 đồng bọn thân tín để bàn nhau mưu kế đối xử. Sau buổi bàn tán đó, chúng quyết định rằng phải quây một phiên chợ cách đồn độ 5 cây số để giải quyết vấn đề kho cạn. Tiên-Viên sẽ tự cầm quân đem đại binh đi, nếu gặp quân Thuật thì cũng quyết một trận sống mái. Nếu thuận tiện, bọn Tiên-Viên sẽ tràn vào các làng bắt cóc một số người giàu có để sau cho chuộc dần lấy lương-thực.

Kế-hoạch đã sắp sẵn đâu vào đó, chỉ còn chờ tới ngày phiên chợ sẽ đem ra thi hành.

Mặt trời lên cao, một dải nắng vàng tỏa khắp thôn quê. Trên đường các làng, người đi tấp-nập, nào gánh, nào đội kéo nhau lũ lượt về cả phía chợ bên sông.

Phiên chợ hôm nay đông quá ; Người bán, người mua vào ra nhộn-nhip chẳng khác gì một phiên chợ gần ngày Tết.

Khi ấy, cũng đến thẳng buổi, chợ vừa lúc đông nhất thì bỗng có mấy tiếng súng nổ ngay giữa chợ. Mọi người luống cuống lo sợ, mặt ai nấy tái mét như chàm đố và chỉ một phút sau ai cũng hiểu là giặc đã vây kín chung quanh chợ rồi !

Binh-lính Tiêu-Viên chia các lối canh gác, còn bao nhiêu ập cả vào chợ, nét mặt hầm-hầm dữ-tợn. Một cuộc vơ-vét diễn ra, làm cho kẻ mua người bán trong chợ như di vỡ tổ, lạy van như cốc đế. Nửa giờ sau, thương hại cho những người trong chợ chỉ còn có hai bàn tay trắng, ngơ-ngác nhìn nhau.

Bỗng nhiên cục diện xoay hẳn lại. Một số đông quân lính của ông Bang-Thuật giả làm người đi chợ, kẻ dao, người súng không biết họ vừa mới lấy ở đâu ra, bất thành tình đánh úp tràn vào binh lính của Tiêu-Viên.

Cuộc xung sát và vật lộn vô cùng kinh khủng ! Những người dân đi chợ, cả đàn bà, đang xót xa mắt của thấy thế cũng lẫn sả vào trợ chiến. Tiêu-Viên cùng lũ bộ-hạ thân tín đóng ngoài ngõ chợ thấy biến, chĩa súng bắn bừa vào trong chợ. Chúng hò hét toan xông vào thì bị ngay làn sóng người căm giận đang tràn ra như nước lũ ngăn lại. Đạn luôn luôn tự phía bọn Tiêu-Viên bay ra. Mười người lính trong đội quân ông Thuật và một số thường dân vừa vì trúng đạn gục xuống thì tự đám đông người hiện ra những thanh kiếm được sử dụng một cách vô cùng linh động. Những thanh kiếm rẽ hẳn một đường máu trong đám quân giặc và loang loáng bao vây lấy Tiêu-Viên. Bọn giặc cũng rút kiếm ra đối địch. Cuộc giáp kiếm chưa đầy 5 phút thì Tiêu-Viên cùng lũ đồng-bọn thân tín của y đều toang đầu vỡ mặt chết và bị thương gục cả xuống.

Thế là giặc Tiêu-Viên, quân cướp chợ tan. Dân chúng hoan hỉ được trả lại của cải.

Đoàn quân chinh phạt của ông Bang-Thuật toàn thắng, kéo thẳng vào đồn Kim-Môn sau khi đã bêu cao đầu tên phản quốc ở ngã ba đường.

*

Vì có công trừ được giặc Tiêu-Viên, ông Bang-Thuật được thưởng Quận-công Bội-tinh và thăng chức Tri-phủ.

Giữ chức Tri-phủ Từ-Sơn, ông Nguyễn-thiện-Thuật đem hết tài trí ra che chở cho dân được yên-ổn làm ăn. Ông thực là một ông quan thanh-liêm, công-minh và có tài cai-trị.

Những việc kiện cáo dù rắc rối tới đâu, những vụ án-mạng dù bí-mật tới đâu, ông cũng kiên tâm đem hết tài trí ra khám xét và phân xử rất công-minh. Ông lại thẳng tay trừng trị những cường-hào ỷ quyền thế đè nén dân đen. Bởi thế dân chúng hạt Từ-Sơn được hưởng ân đức ông nhiều lắm.

Công việc cứu giúp dân vẫn còn được ghi mãi tới giờ trong lòng những người của hạt Từ-Sơn. Nhất là, người ta không thể nào quên được việc trừ khử tên đại cường-hào trong Phủ, khi mà ông mới về nhậm chức chưa đầy một năm.

Biết trong phủ có hạng người thường quấy nhiễu dân tình ; chúng làm nhiều điều bậy bạ, ông phủ Thuật cùng mấy bộ-hạ thân tín giả làm người đi buôn về các thôn quê xem xét.

Trong hạt có tên cựu chánh-tổng vào bậc đại phú. Y cậy thế giàu sang, vả lại, ỷ thế giao thiệp với các quan trên nên hà-hiếp dân quá lắm. Tên cường-hào nay nghiêm nhiên hoành hành tự coi mình như ông chúa-tể trong một vùng không còn kiêng nể gì ai. Sức lực của đám dân cày khỏe mạnh đã tạo nên cho y những cánh ruộng thẳng cánh cò bay. Những mồ-hôi nước mắt mọi người đã góp lại trong kho tàng nhà y : nào thóc gạo, lụa là, vàng bạc, châu báu, thôi thì chẳng còn thiếu thức gì là không có.

Dân cực lắm, nhưng hễ tỏ ý chống lại y là lời thôi to ngay, thành ai cũng chỉ đành ngậm bồ hòn làm ngọt.

Tai hại và đau khổ nhất cho những gia-đình có con gái đẹp. Bất cứ con gái hay đàn bà, tên cường-hào đó đã cho là sành sạch mắt thì lập tức ở giữa sân nhà mỹ-nhân ấy có cái gậy cắm để làm hiệu. Khi thấy có cái gậy báo của tên gian ác ấy thì ngay đêm đó, bố mẹ, anh, em, chồng, con bồng bế, dắt díu nhau đi một nơi khác, chỉ để riêng người đẹp ở lại mà thôi. Tên cường-hào gian ác kia sẽ tới và ngang nhiên qua một đêm thỏa lòng dục vọng.

Ai muốn yên thì phải theo đúng sở thích của y, nếu trái thì tai-vạ tày đình xảy đến ngay.

Dân chúng căm ghét y lắm, thật là thâm-thù, nhưng tuyệt không có ai dám nho nhoe. Biết bao nhiêu gia-đình đau khổ ngấm ngấm. Biết bao nhiêu thiếu-nữ, thiếu-phụ đã gầy mòn vì tủi nhục, tự vẫn vì uất ức.

Một hôm về dịp đầu xuân, ông Phủ Thuật cùng bọn lính-cơ đi về các làng mạc để xem dân tình sinh sống ra sao.

Qua một làng nọ đang vào đám, cờ xí rợp trời, trống chiêng dậy đất, ông Phủ Thuật hỏi một người dân vừa gặp thì người ấy trả lời : « Bẩm Cụ, làng chúng con cứ vào xuân-tiết là làm lễ tế thần và rước cụ Chánh-cựu ra để dân làng tế chúc thọ một thế ».

Ông Phủ chưa kịp hỏi thêm thì người lý-trưởng sở tại và mấy người huynh-dịch trong làng nhìn thấy vội vàng chạy ra đón mời vào đình.

Ông Phủ Thuật thấy bên cạnh bàn thờ thần kê một cái sập sơn son thếp vàng, có quây chiếc màn hồng điều. Mở màn ra xem, ông thấy một người trạc độ 50 tuổi, mặc quần áo đỏ, đầu chít khăn nhiễu cũng màu đỏ. Người đó chắp tay cúi chào ông Phủ, nhưng vẫn ngồi nguyên giữa sập như một vị thần sống.

Ông Phủ Thuật giận lắm quay ra, vì ông đã biết rõ tên cường hào này lắm rồi. Ông truyền bảo lý-trưởng và tất cả kỳ-lý có mặt ở đấy phải theo ông về phủ-đường có việc công thượng khẩn.

Khi đã biết rõ ràng đầu đuôi những hành động gian ác của tên đại cường hào ấy, ông Phủ Thuật, một mặt tư lên cấp trên, một mặt ông bắt huynh-dịch và dân đình ký giấy đầu đơn kiện y.

Xếp đặt công việc đâu vào đấy, ông lập tức đem lính tới vây nhà tên cường-hào đó. Bắt được y, ông hạ lệnh chém đầu ngay. Các kho tàng của cải đều ghi hết vào biên-bản và niêm-phong cả lại.

Tên cường-hào đã bị ghép vào tội dôn lương tích cốc ngấm ngấm mưu phản. Thế là cả một kiếp ngang tàng hống hách, cả một cơ nghiệp lớn lao,

bổng chốc bị tan như mây khói.

Được ít lâu về sau, khi tội chết của tên cường-hào đã được công khai tuyên-bố, ông Phủ Thuật bèn đem chia các của cải thu cho những người đã bị y hà-hiếp vợ-vét trước kia. Một số ruộng đất cũng được giao lại cho những người xưa kia bị ức bán.

Cả hạt Từ-Sơn trút được những nỗi lo âu sợ hãi. Từ đó, không còn tên nào dám giở trò hà hiếp dân gian. Trộm cướp cũng không xảy ra nữa. Nhân dân được yên-ổn làm ăn.

Tiếng tăm công-minh và mẫn-cán của ông Phủ Thuật lừng lẫy trong khắp miền xuôi xứ Bắc.

*

Năm 1881, ông từ già Phủ Từ-Sơn trong sự lưu-luyện chân-thành của lòng người trong hạt. Ông nhận chức Tán-Tương-Quân-Vụ theo Nguyên-Soái Hoàng-kế-Viêm đi dẹp giặc khách đang quấy rối suốt từ Bắc-Giang lên tới Sơn-La.

Vẫn mang trong lòng một chí lớn, ông Tán-Thuật không bỏ lỡ một dịp nào mà không bành-trướng thế-lực của mình.

Trong thời gian dẹp giặc, những công việc chính của ông là tỏ chí cả của mình để thu hút nhân tài và gây thêm vây cánh. Bởi thế, bọn giặc khách chỉ vì mền tài, phục đức ông mà về hàng rất nhiều. Công việc dẹp loạn không phải khó nhọc mấy.

Sau khi đã dẹp yên giặc-giã ở hai vùng Bắc-Giang, Sơn-La rồi, ông được phong chức Chánh-Sứ coi 16 Châu thuộc hai tỉnh Sơn-Tây và Hưng-Hóa.

Phụng Sắc-chỉ Vua Tự-Đức, ông Chánh-Sứ, gắng công đôn-đốc khai khẩn ruộng đất giữa hai tỉnh Hòa-Bình và Sơn-La. Chẳng mấy chốc mà quốc-gia đã có thêm những cánh đồng bát ngát. Công vụ này, ông đã thành công và mang lại cho nước nhà một nguồn lợi lớn lao và vô tận.

Xét công trạng ông đã nhiều, tài đức ông đã tỏ rõ, Vua Tự-Đức phong ông giữ chức Tổng-đốc Hải-Yên (Tổng-đốc coi ba tỉnh Hải-Dương, Hải-Phòng, Quảng-Yên), kiêm chức phó nguyên-soái đạo quân Đông-Bắc.

IV

TRỐNG tan hầu, buông từng tiếng một, rồi thu hồi để chấm dứt một ngày nhộn nhịp của công-môn.

Ông Chánh nhảy tót lên mình ngựa, oai-vệ giữa hai tên người nhà điều tráp chạy gần theo.

Thầy Lý vội vàng ra quán trọ để gặp những nhân sự còn đợi chung quanh mâm rượu đặt trên giường.

Những người dân có việc trước tụng-đình, anh hí-hởn, anh thẹn-thùng đi tản mát ra khắp các ngã đường.

Cánh cổng dinh Tổng-đốc Hải-Yên bằng những tấm lim dày từ từ đóng lại. Dinh-thự nguy-nga ấy sau một ngày hoạt-động, giờ như mệt mỏi nặng-nề đi vào đêm tối.

Trăng lên, gió mát, mang theo mùi thơm lúa chín. Cảnh vật đương lắng chìm vào yên lặng của một đêm hè. Tiếng đế rên rì như những oan hồn vọng từ đáy lòng quả đất hòa với tiếng « Quốc » đổ hồi như chiêu hồn nước đang siêu bạt trong thời chinh chiến. Tiếng động ban đêm đã gợi trong lòng nhiều người bao nỗi quan-hoài khó ngủ.

Hai cánh cổng lim vừa được đóng lại lúc ban chiều, giờ lại sịch mở rộng. Ông Tổng-đốc Nguyễn-thiện-Thuật cùng hai em là Hai-Kế và Lãnh-Giang cưỡi ba con ngựa tiến ra ngoài. Tiếng chân ngựa gõ đều qua dẫy phố vắng, rồi biến vào sương đêm.

Đằng sau, tiếng trống cầm canh vắng vắng.

Tới một làng cách tỉnh-ly không xa mấy, ba ông cho ngựa đi thong thả rẽ vào trong xóm.

Ông Tổng-Kinh, chủ-nhân chiếc trại hẻo lánh này đã đứng chờ sẵn ở ngõ. Ba anh em ông Thuật xuống ngựa, giao cho mấy tên người nhà ông Tổng-Kinh đứng đó. Sau khi hai bên thi lễ rồi, ba ông theo chủ-nhân đi qua sân vào thẳng nhà chính.

Chiếc nhà này năm gian, lợp ngói, cột, xà tuyền bằng gỗ gụ nhẵn bóng. Kiến trúc thô sơ tỏ ra nó đã được dựng lên từ lâu đời.

Đến hai mươi người trong đó, ai cũng khăn áo chỉnh-tề, đang trò chuyện. Thấy ba người vào, mọi người đều đứng lên vái chào và một phút yên-lặng chiếm cả năm gian nhà.

Muốn làm tan cái không-khí yên-lặng của mấy gian nhà cổ, ông Thuật vui vẻ nói : « Chư Tiên-sinh khỏe mạnh cả chứ. Nước non đang chờ mong ở sức khỏe của chúng ta nhiều lắm ».

Mọi người lại vui vẻ, ngồi xung quanh chiếc điều khảm và bộ trà quần ấm. Những câu chuyện dở được trở lại. Hơi nước thơm như hòa cùng sĩ-khí bao phủ lấy mọi người.

Mấy đĩa đèn dầu nam thiếu ánh sáng cũng đủ soi rõ nét mặt cương-quyết của nhóm người yêu nước...

Ông Tống-Kinh, sau khi khêu bắc đèn cho cháy thêm sáng, chấp tay trịnh-trọng nói : « Xin thỉnh Nguyễn Đại-nhân cùng chư vị xuống nhà ngang vì đã tới giờ ».

Mọi người bỏ dở những câu chuyện đang nói, vội đứng dậy lần lượt theo sau chủ-nhân bước ra.

Ở nhà ngang đã được kê một chiếc bàn dài, ghế dựa đặt liền xung quanh. Mặt bàn phủ tấm thảm màu xanh biếc. Một cái lư-hương nhỏ được kính cẩn đặt ở giữa bàn có khói trầm thơm phơn phớt bay lên. Gió nhẹ của đêm khuya mang vào trong nhà thơm mát của những bông lan « Bạch-ngọc » ngoài hiên.

Khi mọi người đã yên tọa trong phòng họp rồi, không-khí của nhà ngang như đượm một vẻ oai linh kỳ lạ.

Ai cũng đều có một cảm giác giống nhau là mình đang có trên vai một trách-nhiệm thiêng liêng và... vô cùng quan-trọng.

Những câu khẳng-khái, những lời tiết-tháo, những cử-chỉ anh-hùng, những tâm-hồn trung-liệt, đều là những tính-chất của cuộc hội-nghị này.

Có những phút bàn luận sôi nổi, tưởng như mọi người đang xông-pha giữa trận tiền.

Có những phút yên-lặng, mọi người say sưa nhìn xa xa trong tưởng-tượng những luồng kiếm sáng tung-hoành.

Nét mặt ai cũng tỏ vẻ quyết-liệt, họ đã ở trên đôi môi dấy một nụ cười tin-tưởng ở ngày mai, một ngày huy-hoàng của Dân-tộc.

Đêm đã gần tàn !

Ông Tổng-đốc Nguyễn-thiện-Thuật bế mạc cuộc nghĩa lại bằng những lời tâm-huyết biểu dương một tinh thần oanh liệt : « Nước còn hay mất là trông vào khí của quốc-gia còn hay mất. Nước mất mà biết nhục, ấy là nước vẫn còn. Chư Tiên-sinh đây đã quyết tâm vì nghĩa lớn, hãy nỗ lực đem tài kinh-luân hoạt-động cho kỳ thành công. Quên mình vì Dân-tộc, đó là nghiệp báu của các bậc anh-hùng tức là của cuộc hội-nghị đêm nay vậy. Chúc chư vị Tiên-sinh thành công ».

Mắt mọi người đều sáng ngời trong tin-tưởng và lúc này mùi trầm thơm đã thấm thấu vào tận những tâm hồn thanh khiết của những bậc đã quyết chí đem thân hện cùng tiền đồ dân-tộc.

V

NĂM 1882 Đại-tá hải-quân Pháp Henri-Rivière tự nhiên đem quân ra Bắc. Hành-động đó làm cho cụ Tổng-đốc Hoàng-Diệu lo ngại và nghi kỵ rất nhiều ở người Pháp. Cuộc hội-kiến giữa ông Tuần-phủ Hoàng-hữu-Xứng và Đại-tá đã nảy ra nhiều ý-kiến bất đồng. Bởi thế nạn binh đao đã tới thời-kỳ khó mà tránh được.

Thăng-Long như chìm trong thảm-đạm !

Sức phòng-thủ mỏng manh của đoàn người yêu nước tuy đổ dồn cả vào việc giữ thành, cứu nước đấy, nhưng người Pháp sẽ gây hấn, thành sẽ mất là điều mà các nhà cầm quyền Việt-Nam ở xứ Bắc không còn nghi-ngờ gì nữa.

Quả nhiên, 5 giờ sáng ngày mồng 8 tháng 3 năm Nhâm-Ngọ (1882), bức tối-hậu-thư của Đại-tá Henri-Rivière gửi cho cụ Tổng-đốc Hoàng-Diệu hạn đến 8 giờ ngày hôm đó, quân-đội Việt-Nam phải giải giáp và các võ-quan phải có mặt đông đủ tại Đồn-thủy đời lệnh.

Thăng-Long âm-thầm đời giờ thay chủ !

Đúng 8 giờ sáng, giữa lúc Đại-diện chính-quyền Việt-Nam đang xuống thành để ra thương-thuyết, thì quân Pháp nã súng, bắn phá thành.

Mười một giờ thành đổ !

Các quan văn võ bỏ chạy tán loạn, chỉ còn để lại trên cành cây, xác cụ Hoàng-Diệu lủng lẳng ẩn hiện trong khói đạn mịt mù !

Không trọn trọng-trách với Quốc-gia, cụ Hoàng chẳng thể mở mắt nhìn nước mất thành tan. Cụ đã chết trong khói đạn bằng chiếc thừng. Cái chết nghĩa khí này đã thổi một nguồn sinh lực trong khắp quốc dân và là một cái chết không bao giờ chết.

Hạ xong thành Hà-Nội, Đại-tá Henri-Rivière đem quân chiếm các tỉnh : Hưng-Yên, Thái-Bình, Nam-Định, v.v... Trong khi ấy, cụ Tiết-chế Hoàng-kế-Viêm và Phó-soái Nguyễn-quang-Bích sai tướng Lưu-vĩnh-Phúc đem

quân về đóng ở phủ Hoài-Đức. Toán quân này uy hiếp Hà-Nội rất hăng ; Quân Đại-úy Berthe Villers phải cố sức cầm cự trong thế-thủ.

Được tin Hà-Nội đang bị quân Việt-Nam phản công từ ngoài đánh vào, Đại-tá Henri-Rivière vội rút quân từ Nam-Định về.

Hai toán quân của Đại-tá và của Đại-úy hợp lực chia đường đánh vào phủ Hoài. Đại quân vừa kéo tới Cầu-Giấy thì bị phục binh Việt-Nam bắn bất thành-linh như mưa.

Vì bất ngờ nên Đại-tá Henri-Rivière bị trúng liền mấy viên đạn tử trận ; Đại-úy Berthe Villers cũng bị thương nặng và quân đội bị thiệt hại khá nhiều. Vì thế, các tướng-tá dưới quyền Đại-úy và Đại-tá, đứng trước thế kháng chiến cực hăng của đối-phương không dám tiến nữa, đành phải rút cả quân về thành.

Trận đại thắng do Tướng Lưu-vĩnh-Phúc chỉ huy này là một áp lực mạnh mẽ khiến cho lòng người tin tưởng vào công cuộc chống Pháp.

Rất nhiều người của tứ phương đã đứng ra mộ lính đồn lương, chỉ những mong để lại trong lòng dân tộc bốn chữ anh-hùng hào-kiệt.

Thời đã đến, ông Nguyễn-thiện-Thuật vẫn mang bao hoài-bảo trong lòng, không thể ngồi yên được nữa. Chí của ông là vì dân vì nước, ông cũng như bao nhiêu nghĩa-sĩ thời bấy giờ, không thể không quan tâm đến cảnh quốc phá gia vong ! Cánh chim bằng quyết vỗ mạnh bay cao !

Một buổi sáng mùa hè, hai ông Kế và Giang hộ-vệ bao nhiêu gia đình đi về phía Đông-Triều.

Ra khỏi cổng dinh, ông Tổng-đốc Nguyễn-thiện-Thuật còn ngoảnh lại, đôi mắt thường sáng trong mà lúc này đục lè. Ông ngậm ngùi đau xót vì chỉ ngày mai hay mấy hôm nữa là cùng : dinh-thự uy-nghi kia sẽ là nơi ngụ của người khác ; Dân chúng hiền lành mà ông chần dặt bấy lâu nay sẽ quần quai trong tay người.

Đoàn người ngựa vừa đi vừa nghỉ cả một ngày trời. Đêm đến họ vẫn còn lê gót trên đường trường và lẫn vào bóng tối của rừng sâu.

Ít ngày sau, các nho-sỹ và thân-hào đã cùng ông Thuật mưu lo việc lớn cũng dần dần kéo cả về Đông-Triều. Người nào cũng mang theo một số trai tráng và quân-nhu.

Bọn giặc khách xưa kia đầu hàng ông, vẫn đóng quanh vùng này để bành-trướng thế-lực. Ông bèn hợp tất cả lại thành một đội quân hơn 500 người. Ông cùng tướng-tá không quản khó nhọc để hết tâm trí trưởng thành quân đội.

Đằng đằng ngót một năm trời, toán quân của ông đã thông hiểu chiến-pháp và đã có một tinh-thần chiến đấu. Ai nấy nức lòng quyết tâm vì Dân-tộc.

Thấy quân đội đã trưởng thành một cách khả quan, ông Thuật bèn, một mặt phái các nho-sĩ đi khắp mọi vùng để gây một phong-trào phục quốc trong nhân dân, một mặt họp các tướng-tá để định ngày khởi sự.

*

Đêm ngày 12 tháng 11 năm 1883, một đêm của mùa đông giá lạnh.

Ở mấy làng thuộc phủ Nam-Sách, tự nhiên xuất hiện một toán quân cũng khá đông.

Toán quân này đi đêm rất tài tình. Trời tối đen như mực mà họ vẫn dò dẫm đi về phía tỉnh lỵ Hải-Dương. Mặc gió mưa lạnh buốt thấu xương, toán quân dạ-hành vẫn ngậm tăm qua hết làng này sang làng khác và vẫn giữ được yên giấc ngủ làng quê.

Tiếng trống cầm canh khoan mau từ trong thành vang vào đêm khuya, bình thản. Toán quân ấy đã bố trí quanh thành mà trong ngoài vẫn yên-lặng như tờ.

Chỉ còn đợi đội quân cảm tử tìm lối đột nhập vào trong là bốn phía sẽ nổ súng ập vào cướp thành.

Mọi người hồi-hộp ! Cảnh máu đổ, đầu rơi chỉ còn giây phút sẽ diễn ra !

Bỗng ở vòng ngoài, một loạt súng nổ dữ-dội ! Té ra là toán quân Tán-Thuật chiến phía hậu vừa chạm trán với đội quân Pháp đi tuần, trở về.

Hai bên chẳng rõ quân số nhau nhiều ít thế nào, thấy động là nổ súng bắn tràn. Những tiếng súng, đột ngột làm cho đội quân vây-thành hoảng-hốt chẳng hiểu đầu đuôi ra sao ? Từ trong thành tiếng kèn báo-động nổi lên : binh lính choàng dậy, hốt ha hốt hoảng dưới sự điều khiển của viên Thiếu-úy người Pháp.

Bên ngoài, ông Tán-Thuật ra lệnh cho quân lính nổ súng đánh thành. Nhưng quân đội Pháp bên trong cũng vừa kịp bố-trí phòng giữ. Lại có bọn lính khố-xanh, lính-cơ trung thành, nên các binh sĩ Pháp vẫn gan dạ giữ vững vị-trí mình. Mưa đạn vẫn từ ngoài tới-tấp bay vào ; súng trong cũng vẫn chưa hề nao-núng.

Toán lính ngoài của Tán-Thuật do Hai-Kế chỉ huy đang sẵn đuổi toán quân tuần-cảnh ráo riết. Những cảnh vật lộn, đâm chém kinh khủng rải rác khắp mấy xóm lân cận. Ở đây súng không nổ nữa, chỉ có tiếng chân chạy huỳnh-huỵch và tiếng sang sảng của giáo mác.

Thành Hải-Dương dần dần lâm vào thế nguy ! Đối-phương càng thấy tấn công dữ-dội. Đạn từ ngoài bắn vào hết loạt này đến loạt khác. Bao nhiêu đồng đội đã bị trúng thương đang dẫy dựa trong vũng máu, nhưng quân Pháp vẫn can đảm cầm cự quyết ngăn không cho quân Thuật tràn vào.

Đội cảm-tử quân Tán-Thuật mấy lần toan vượt tường vào thành nhưng đều bị trúng đạn của đối-phương, không thể nào lọt qua được.

Trời gần sáng, quân ông Thuật hăng máu lắm rồi, họ hò hét ầm ầm xông vào sát cửa thành đánh phá.

Cổng thành sập đổ đến nơi ! Tuy một số nghĩa-binh đã quy, mà sức công phá của họ càng khủng khiếp. Thành trì Hải-Dương chỉ còn đợi giờ phút là lọt vào tay họ. Quân đội Pháp núng thế nhiều, đạn bắn ra thấy rời rạc.

Cũng vừa lúc ấy, toán quân Tán-Thuật tự nhiên cũng ngừng không công phá nữa. Họ bắn thừa thớt và rút lui dần ra xa. Phút chốc họ đã biến cả

vào trong các làng mạc đang ủ-rũ dưới mưa bay.

Nửa giờ sau, trời sáng rõ ; quân Pháp từ Bắc-Ninh kéo tới nơi tiếp viện.

Tiếng súng của đội quân chưa mệt mỏi, nổ vang trời, nhưng đối-phương không thấy có một tiếng súng trả lời.

Họ đã rút đi hết, chỉ để lại một chiếc thành toi-bời sau một đêm khói lửa, và suốt mấy ngày sặc mùi tử khí hôi tanh.

VI

CÁC tỉnh về hạ-lưu sông Hồng-hà thường hay bị nạn lụt. Hàng năm cứ đến mùa nguồn đổ về nhiều là hết mọi người lo âu.

Họ khiếp lắm ! Vì họ nhỏ nhiều mồ-hôi xây dựng và cũng đã khóc nhiều phen trước cảnh hung-tàn của nước cuộn cuộn tự sông cái tràn vào.

Cái cảnh đê vỡ thì thực không còn cảnh nào thảm-khốc cho bằng. Quân giặc giết người còn chán tay, vợ-vét của cái nhiều lắm, rồi cũng có lúc không cần nữa, nhưng ngọn nước hung hãn kia, khi mà đã phá được thành đê, tràn vào thì : Ôi thôi ! Tất cả đều bị cuốn theo và tan nát !

Có những cây to mà người ta trèo lên lánh nạn tưởng là chắc chắn nhất, nhưng nước chảy xiết mạnh, cây cối rung chào-chào như đang bị vùi dập trong cơn phong vũ. Thế rồi người cũng cứ dần dần rụng xuống khác chi những quả chín lìa cành, thực là bi-thảm.

Bốn phía mênh mông. Đồng áng, cỏ cây, súc vật đều sạch sành sanh cả. Cát phù-sa và đá sỏi bị làn nước đưa vào làng mạc và các cánh đồng, làm lấp bờ, lấp ngõ, nghẽn đường.

Vì thế, sau trận lụt, những người còn sống sót của vùng không may đó, đều lâm vào đói khổ. Chẳng biết tới bao giờ, họ mới dựng được tí cửa tí nhà, cấy được sào khoai, sào lúa.

Bãi-Sậy là cái dấu vết của một trận lụt kinh khủng do khúc đê Văn-Giang thuộc tỉnh Hưng-Yên bị vỡ. Dân cư của bao nhiêu làng qua cơn thủy-lạ này mất hết tài sản, chẳng còn lấy một mảy may gì để sinh sống. Nước rút ra rồi, nhưng phù-sa đã phủ khắp mặt đất.

Với những bắp tay gân guốc, những người dân bị nạn đó rất có thể gây dựng lại cơ đồ. Nhưng khổ cho họ, bữa ăn cần thiết cho ngày đầu tiên khi trở về, cũng chẳng còn biết đào đâu ra nữa. Như thế hỏi họ còn giữ giới được việc gì ?

Họ đành bất lực bỏ làng ra đi, mặc cho lau sậy mọc đầy. Chẳng bao lâu mà cả một vùng bị lụt giập đê Văn-Giang đã biến thành Bãi-Sậy rậm rạp và họa hoẫn mới có một vài bóng người đi lại.

Dân bị lụt lang thang không nhà cửa, không sinh kế. Lại gặp phải thời buổi nhiễu-nhương, giặc-giã tứ tung, chỉ còn một đường là theo các hảo-hán đang xưng hùng xưng bá khắp nơi, miễn sao nuôi nổi được thân mình.

Nhằm vào cái kết quả tàn khốc này, ông Đồng-Quế người xã Thọ-Bình đã thu thập một số trai-tráng nạn nhân của thủy-lạo, lập thành một đội quân. Lúc khởi thủy, ông thường đem quân đi các vùng xa cướp của nhà giàu để nuôi quân và tích trữ lương thực. Thế lực sau dần dần mạnh, Đồng-Quế ngang nhiên chống với người Pháp dù rằng Triều-đình Huế đã công-nhận sự Bảo-hộ của chính-phủ Pháp.

Mưu đồ nghiệp lớn, tất nhiên phải có một căn-cứ quân-sự để thủ hiểm. Ý định của Đồng-Quế là đóng quân ngay ở đồng bằng để chống với quân Pháp vì ở các miền thượng-du đã có rất nhiều thủ-lĩnh cũng đang tích-cực hoạt-động rồi.

Bãi-Sậy là nơi ông lựa chọn và kiến-thiết rất công phu ; nó đã biến thành một sào-huyệt vô cùng bí-mật.

Từ đây chiến-khu Bãi-Sậy được ghi vào trang lịch-sử tranh-đấu của dân-tộc Việt-Nam. Nó là một khu đất danh-dự của tỉnh Hưng-Yên và lại là một kỳ công của dòng sông Nhị.

Sau ít lâu im hơi lặng tiếng, đảng Đồng-Quế chỉ nghĩ đến sự bành-trướng thế-lực và tổ-chức sào-huyệt cho thật chu-đáo. Các đảng-viên cũng như các binh lính tốn bao công sức để hoàn thành chiến-lũy này.

Nhìn xa, người ta chỉ thấy bát ngát một rừng sậy mọc um-tùm và có lẽ là người ta chỉ mừng tượng thấy những túp lều tre dựng rải rác trong đám sậy dày là nơi ra vào của đảng Đồng-Quế.

Họ đã nhầm ! Không phải chỉ có thế mà thôi đâu ! Nếu họ được một đảng-viên của đảng Đồng-Quế cho theo thì họ sẽ được do một lối đường

hầm đi xuống. Sau khi qua những đường ngách ngang dọc tối om, tất họ phải ngạc nhiên trước một tổ-chức dương-gian dưới âm-ty.

Công cuộc kiến-tạo chiến-lũy này thật là vô cùng vĩ-đại ! Đường hầm như mắc cửi mà cửa hầm thì thực là vô cùng bí-mật. Không một ai có thể vào lọt trong Bãi-Sậy, vì chỉ có người của đảng Đồng-Quế mới rõ dấu hiệu mà tìm lối xuống hầm. Ngoài ra, còn ai dám bén mảng đến nơi nguy-hiểm này !

Ở ngay Bãi-Sậy đã chi-chít cạm bẫy ; người lạ lần mò vào thì đừng hòng mà ra nữa ! Nói đến dưới hầm, những gốc cây sậy kia thì thực là nói tất cả nguy-hiểm và bí-mật.

Người đảng Đồng-Quế quen thuộc với đêm tối. Bởi thế nên họ đi lại hay ăn ở dưới hầm như thường. Chỉ một chút ánh sáng của đĩa đèn dầu nam cũng làm cho họ nhận rõ sự vật xung quanh. Chỗ này kho lương, chỗ kia phòng họp, nơi quân đóng, nơi ăn ngủ, chốn ẩn nấp, đâu ra đấy, chẳng khác gì một tổ chức thành-trì trên mặt đất vậy.

Trong lòng Bãi-Sậy cũng như dưới hầm, chỗ nào cũng hình như chực nuốt sống ăn tươi những người muốn thám hiểm cơ-quan của đảng Đồng-Quế.

Những phút đặc chí, trong công trình kiến tạo của mình, đảng Đồng-Quế tự coi như một đoàn thể Diêm-Vương, khinh thường tất cả cái gì không thuộc vào phạm-vi Bãi-Sậy.

*

Bãi-Sậy ban ngày im lìm với nắng mưa, gió, bụi, ít khi thấy bóng người. Cứ tối đến một lúc những bóng người tự các cửa hầm bí-mật nhô lên hết toán này đến toán khác. Họ đi đánh đồn này, phá lũy nọ, gây nên không biết bao nhiêu là chuyện kinh thiên động địa.

Đại-bản-doanh đóng ở trung-tâm Bãi-Sậy. Tiếng quân reo, tiếng ngựa hí, nhưng hết thấy tiếng động đều biến mất tằm vào cái cảnh hoang-vu của lau sậy, không hề lọt ra ngoài lấy một tiếng ngân nhè nhẹ.

Đối-phương của đảng Đồng-Quế cứ nghe thấy tiếng Bã-Sậy là hú vía. Vì đã rất nhiều lần, từng toán quân vừa Pháp vừa Nam tiến vào nơi sào-huyệt đó, nhưng chưa có một lần nào có lấy một người ra thoát.

Bã-Sậy đã bí-mật, càng ngày lại càng bí-mật !

Nhưng nếu cứ lờ đi, thì đảng Đồng-Quế càng phát triển và càng hoành-hành dữ-tợn. Để lâu, e thế-lực đảng này lan rộng ra thì khó mà dẹp được. Đại-úy Donnier nhận mật lệnh từ Hà-Nội, quyết mở một trận lớn tổng công phá sào-huyệt của đảng Đồng-Quế.

Đại-úy hành quân từ Hải-Dương xuống, bài-binh bố-trận theo như chiến-thuật đã định, bao vây Bã-Sậy.

Không thấy một bóng đối-phương nào ! Đạn chỉ bí-mật từ trong sậy bay vèo ra, thừa thốt thôi, nhưng chẳng viên nào là viên không trúng đích.

Quân Pháp cũng như quân Nam, không ai dám cả gan xông vào, chỉ đứng ngoài nã từng loạt súng không đầu vào những đám sậy hoang rậm-rạp.

Đánh mãi, chỉ thấy phí đạn, mệt quân, không ăn thua gì, Đại-úy Donnier đành phải rút quân đi.

Cũng từ đấy, người Pháp đặc-biệt chú-ý đến Bã-Sậy nên luôn luôn đem quân tới đánh.

Trong thời-kỳ giằng co của quân-đội đôi bên thì nhân dân tỉnh Hưng-Yên lâm vào tình cảnh vô cùng điêu đứng. Có nhiều lần nhà binh Pháp bắt những trai tráng vùng xung quanh Bã-Sậy, tra khảo để hỏi lối ra vào. Nhưng nào ai có thể biết được ! Ví dù có biết, cũng không ai dám hé nửa lời. Bởi vì cứ một ai tò-mò hay bép-xếp những câu có thể tiết-lộ một phần bí-mật của Bã-Sậy là lập tức bị quân Đồng-Quế trừng phạt một cách kinh khủng ngay. Có một lần, dân đình bị xung phong dẫn đường cho quân Pháp tiến vào Bã-Sậy. Rẽ đám sậy dây chi-chít âm-u, họ đều chung một cảm-tưởng là dẫn thân vào chỗ chết ! Đạn bên ngoài vẫn hăn học như dội vào những cây sậy âm thầm mà bên trong vẫn im lìm... Những người dân sợ quân Pháp đằng sau, khiếp quân Bã-Sậy đằng trước, họ như những cái xác không hồn, thất thểu bước bừa vào và... thỉnh thoảng lại một người bị gục xuống vì một

viên đạn vô tình. Vào sâu một quãng độ hai trăm thước, toán lính đi sau bỗng sửng-sốt, họ ngạc nhiên vì lũ người đằng trước chẳng thấy đâu nữa ! Chẳng biết trong lòng những cam bẫy của Bã-Sậy, chúng còn sống hay đã chết cả rồi !

Những viên đạn ác-nghiệt lại thấy bắn nhiều hơn tước, cứ bí-mật bay ra và nguy-hiểm khôn lường được !

Quân lính Pháp – Nam mất hết cả tinh-thần chiến đấu. Bộ chỉ huy phải cho lệnh rút lui.

Bã-Sậy lại nghênh ngang nổi bật lên giữa cảnh đồng rộng sông dài.

Sáng hôm sau, mặt trời lên đã cao, người ta thấy một chiếc cột làm bằng một bó nứa chẻ đôi buộc bụng ra ngoài chôn ngay ở ngã ba đường, nơi nhiều người qua lại.

Toán lính Bã-Sậy trói chân tay một người đàn ông vào cột nứa đó mà họ bảo là người đã chỉ đường cho người Pháp đánh Bã-Sậy. Một cái thùng buộc vào người tội nhân mắc lên cái còng ở trên đầu cột.

Thế rồi tiếng kêu van não-nuột rú lên, khi cái thùng được kéo lên thả xuống. Cứ thế cho tới khi nứa sắc xé rách tay, rách mặt, rách đùi, rách bụng tội nhân. Y đã chết dần trong sự khiếp sợ của những người qua lại.

Khi mà tội nhân đã chết rồi, bọn lính thi hành án vùi chôn xác bên đường rồi kéo đi. Chiếc cột với nắm mồ mới rơi vào cảnh tịch-mịch của ngã ba đường lúc giữa trưa.

Lệnh của đảng Đồng-Quế nghiêm-khắc là như vậy ! Bất cứ quân hay dân hễ ai có công thì trọng thưởng mà ai có lỗi thì bị trừng phạt. Chỉ đường cho người Pháp thì không tài nào mà tránh được chiếc cột nứa với ngã ba đường.

Vì thấy, nên nhân dân không còn ai dám hờ môi răng lạnh gì công việc của ông chúa Bã-Sậy. Và cũng vì thế mà Bã-Sậy vẫn giữ nguyên được vẻ oai hùng bí-mật rùng-rã bao nhiêu năm.

VII

DÂN Hưng-Yên ấp ủ trong lòng bao nhiêu là vinh-dự và cũng chứa chấp trong tâm bao nỗi dạn dầy uất-hận.

Trải mấy nghìn năm, mang bao nhiêu tên, đến mãi năm Minh-Mệnh thứ 11 (1831), Sơn-Nam trấn đối ra Hưng-Yên tỉnh.

Khi người Pháp sang bình định xứ này, thì tỉnh Hưng-Yên thực là một tỉnh dẫn đầu phong-trào phản-đối ở vùng xuôi xứ Bắc.

Chiếm được tỉnh Hưng-Yên rồi, mà chính-phủ Pháp vẫn để quyền cai trị trong tay nhà binh cho mãi đến năm 1886. Đồn chốt nguyên đặt rải rác khắp các nơi trong hạt thế mà vấn-đề an-ninh chỉ là trong viễn vọng.

Về mặt Đông do các đội quân bản xứ đóng : Cai-Nênh, Duyên-Hà, Ứng-Lôi, Phủ-Cừ.

Về mặt Bắc do quân Pháp và quân Phi-Châu đóng : Kim-Động, Phó-Nham, Khoái-Châu, Bình-Phù, Ân-Thi, Lục-Điền.

Lực-lượng bố trí như vậy mà an-ninh vẫn không sao đặt được. Dân chúng lâm trong vòng lửa đạn thực là trăm cay nghìn đắng, chẳng còn biết kêu ai ! Nay đồn này bị đánh úp, mai lũy khác bị phá tan. Khí-giới và lương-thực luôn luôn bị quân Bãi-Sậy cướp mất.

Đồn-Quế lại được toán quân của ông Nguyễn-thiện-Thuật kéo về đóng ngay ở huyện Mỹ-Hào làm vây cánh.

Cá thêm vây, hùm thêm vuốt, hai toán quân này làm mưa làm gió trên khắp tỉnh Hưng-Yên và mấy tỉnh lân cận. Tỉnh Hưng-yên như không còn là của người Pháp nữa.

Thế-lực của vị lãnh-tụ Cần-vương Nguyễn-thiện-Thuật hồi này đã bắt đầu lừng lẫy. Suốt từ Hưng-Yên sang tới Hải-Dương, lên Bắc-Ninh, Phủ-Lạng-Thương, theo dọc hai dòng sông Thương và sông Lục-Nam, không một chỗ nào là không có quân ông chiếm đóng.

Nhờ vào địa thế đóng quân đó, ông Thuật tổ-chức một toán binh chuyên chở khí-giới từ ngoài nước vào được rất nhiều và rất dễ dàng.

Lưu-Kỳ chỉ huy đội quân người Khách là một cánh tay phải của ông, đã dẫn binh lính hai chính-phủ Pháp – Nam vào những tình-trạng rất hiểm-nghèo.

*

Hồi ấy, tuy xứ Bắc đã vào tay người Pháp rồi nhưng sự cầm cự ở nhiều nơi của các lãnh-tụ Cần-vương, và quân-đội Trung-Hoa vẫn còn đóng rất đông ở mạn Lạng-Sơn, Cao-Bằng và Lao-Kay.

Trong khi đàn-áp lực-lượng kháng-chiến của quân-đội chính-phủ Việt-Nam, chính-phủ Pháp mở cuộc thương-thuyết ngoại-giao với Trung-Quốc. Nhờ có Trung-tá Hải-quân Pháp Fournier quen với một người Đức là Détring làm quan Tàu coi về Thương-chánh ở Quảng-Đông, Détring là bạn thân với Lý-hồng-Chương, đã làm trung-gian cho sự điều-đình Pháp – Hoa này.

Ngày 18 tháng 4 năm Giáp-Thân (1884), Trung-úy Fournier đại-diện nước Pháp và Lý-hồng-Chương đại-diện Trung-Quốc lập hiệp-ước tại Thiên-Tân.

Đại-lược hiệp-ước đó nói rằng : Nước Trung-Hoa thuận rút quân đóng tại Việt-Nam về và thuận công nhận những bản giao-ước mà chính phủ Việt-Nam đã ký với chính-phủ Pháp.

Dàn xếp với Trung-Quốc xong, chính-phủ Pháp lập tức cử ông Patenôtre và ông Rheinart ra Huế cùng Triều-đình Việt-Nam thương-nghị.

Lẽ tất nhiên, lần này người Pháp tỏ rõ thái-độ chinh-phục Việt-Nam. Các đại-biểu Pháp cương-quyết giữ vững lập-trường của chính-phủ họ và nhất định đi đến toàn thắng.

Còn Triều-đình Huế suy-nhược, đứng trước thế cờ bí, chẳng còn biết làm thế nào mà bước sang thế quân bình, để cho cuộc thương-thuyết giữ

được tinh-thần bình đẳng. Người tính thế này, người tính thế khác, quần quanh trong giải-pháp cũ rích lỗi thời.

Chưa biết ăn nói với người Pháp ra sao, Triều-đình Huế bên trong lâm vào tình trạng rối bết : Một phái chủ-hòa, một phái chủ-chiến đã gây thành một mầm chia rẽ thương tâm khiến cho triều chính đã suy yếu lại càng suy yếu.

Bọn chủ-hòa cũng chẳng biết hóa thế nào để khả dĩ bảo-tồn được quyền-lợi của xứ-sở, chỉ biết là không đánh nhau nữa, mất thì thôi !

Bọn chủ-chiến cũng chẳng có một kế-hoạch gì, chỉ biết nước của mình, nhà của mình mà kẻ khác đến chiếm thì đánh. Chết hết thì thôi, tan nát hết không cần !

Bởi sự chia rẽ và thiếu sáng suốt đó, nên Triều-đình Huế đã bị hoàn toàn thất bại trước sự khôn ngoan và tài giỏi của người Pháp.

Đến ngày 13 tháng 5 năm Giáp-Thân (6-6-1884), một tờ hiệp-ước ra đời. Ông Patenôtre cùng ba ông Nguyễn-văn-Tường, Phạm-thân-Duật và Tôn-thất-Phan ký kết.

Hòa-ước này là một bản văn-tự mà Triều-đình Huế công nhận cuộc bảo-hộ của Pháp và chia nước ra làm hai khu vực : Trung-kỳ và Bắc-kỳ, mỗi kỳ có một cách cai trị khác nhau : « Tuy trong hòa-ước cũng có nhiều điều tôn kính nền độc-lập của Việt-Nam, nhưng quyền chính sau cứ dần dần lọt vào tay người Pháp, Triều-đình Huế chỉ còn giữ cái hư vị mà thôi ». (V.N.S.L. của T.T.K.)

Bằng vào các hiệp-ước trên, quân Pháp đặc biệt chú-ý đến việc tổ-chức nền cai trị xứ Bắc và phái quân đóng giữ các nơi, nhất là miền thượng-du và trung-châu.

Chắc vào những điều-ước Thiên-Tân, thì quân-đội Trung-Hoa đã rút cả về nước họ rồi, quân Pháp thẳng đường toan kéo vào đóng-giữ thành Lạng-Sơn.

Không ngờ bọn quân Khách thuộc quân-đội của ông Nguyễn-thiện-Thuật vẫn còn đóng quanh quần vùng này, phục kích giữa đường đánh úp, làm cho toán quân Pháp chiếm đóng Lạng-Sơn bị tan rã. Tàn quân Pháp rút đi, thì toán quân Khách này xuất đầu lộ diện đường hoàng chiếm đóng lấy.

Ông Nguyễn-thiện-Thuật lúc này ở Hưng-Yên nhận được tin báo thắng trận, vội vàng cùng một toán quân nhỏ kéo đi gấp đường lên Lạng.

Sau khi xem xét địa-hình, địa vật của vùng này, ông Thuật cấp tốc bố-trí khắp mọi mặt để bảo-vệ đất đai mới chiếm được.

Nhân lúc đối-phương vừa thất trận, tinh-thần còn hoang mang, ông liền hạ lệnh tiến quân đánh thành Tuyên-Quang. Tỉnh này có thể đất rất hiểm-yếu. Rừng sâu, núi đá đều là những thành trì thủ hiểm cho những toán quân đánh lén đánh úp. Lại có sông Thanh-Giang dùng để chuyên chở khí-giới từ Trung-Hoa sang. Khi giao chiến mà bị dồn vào thế cùng thì quân-đội có thể rút sang Quảng-Đông, Quảng-Tây cũng tiện.

Lệnh của nhà linh-tụ Cần-vương Nguyễn-thiện-Thuật vừa truyền ra, tướng-tá, binh lính ai nấy súng đạn sẵn sàng, đợi giờ xuất quân.

*

Trời nhiều sương mù-mịt, toán quân Tấn-Thuật này phần nhiều là người Khách lặng lẽ đi trong chướng khí của rừng núi đêm khuya. Họ luôn trong cây, len khe núi, khi ẩn khi hiện chẳng khác một đoàn âm-binh bí-mật !

Vào khoảng quá nửa đêm, toán quân ấy đã mai phục xung quanh thành Tuyên-Quang, chỉ chờ hiệu-lệnh là nổ súng phá thành. Ông Thuật và tướng-tá không định đánh ban đêm, để cho quân nghỉ ngơi lại sức, đợi trời sáng sẽ khởi sự.

Khí đất của buổi tinh sương, vẫn còn phủ kín cả một vùng. Tiếng trùng rên-ri thâu đêm chùng đã mỏi. Cảnh vật đương đổi màu và xa xa tiếng gà rừng vội-vàng gáy sáng.

Mũi súng đã quay cả về thành, toán quân vây ngoài dỡ cơm năm thịt khô ra ăn và khi lòng họ thấy sôi lên với thú giết giáo cướp cờ thì một phát súng nổ vang trời, trúng vào cột cờ vừa lờ mờ hiện ra trước mặt. Lập tức đạn từ bốn phía như hần-học rót vào thành.

Sau mấy tiếng đồng-hồ, những viên đạn vùn vụt trong ngoài mắc cử trên không trung. Thành Tuyên-Quang lâm vào tình-thế vô cùng nguy-hiểm.

Viên quản Bobillot và một số binh lính gan dạ trong nhiệm-vụ đã bị qui dẫn trước luồng đạn của đối-phương.

Đại-úy Dominé, tuy thấy thành trì bị uy-hiếp quá dữ-dội và binh lính bị hao hụt đã nhiều, vẫn cương quyết cầm quân chống giữ. Một điều mà ông e ngại nhất trong lúc này là nếu bọn lính « bản xứ » ở trong làm phản tất thành mất và người Pháp nào có mặt ở đây khó toàn được tính mệnh.

Ông là người thông-minh bình-tĩnh, nên lúc nguy nan vẫn sáng suốt chỉ huy. Vì thế, binh lính không bị mất tinh-thần chiến-đấu. Họ đặt nhiều tin-tưởng vào ông và hy-vọng sẽ thắng. Đồng lòng chịu cực khổ, ăn chẳng kịp ăn, ngủ chẳng kịp ngủ, họ quyết tâm cầm cự để chờ viện binh tới.

Hai ngày ròn-rã mà vẫn chưa hạ nổi được thành, đoàn quân ông Thuật nóng máu ran khắp người, họ hò hét vang lừng, lăn sả vào một cách kinh khủng ; họ đã sửa soạn để xung-phong vượt thành.

Nòng súng đã nóng quá rồi ! Cánh xung sát bằng gươm giáo sắp thay thế. Thành Tuyên-Quang chỉ còn trong giờ phút sẽ tươi bời trong máu.

Bỗng chiến-cục tự nhiên xoay hẳn lại ! Chẳng rõ từ đâu đạn đại bác ầm ầm rơi khắp xung quanh thành. Quân ông Tán-Thuật choáng váng vì tiếng súng đại bác long trời nổ ngay bên cạnh. Biết là quân Pháp đã từ các nơi kéo tới cứu nguy, ông Thuật bèn lập tức ra lệnh cho các tướng-tá chỉnh-đốn lại quân-đội đang tối tăm mắt mũi vì những phát đại bác nguy-hiểm, rồi rút lui dần dần về các ngã.

Đại-úy Dominé nghe tiếng súng lớn, biết ngay là đã có viện-binh và lại thấy quân-đội đối-phương lẻ tẻ rút đi, ông bèn hô quân mở cửa thành tiến ra ngoài, nhưng không còn thấy một bóng địch nào nữa !

Mãi ngoài xa, cách đây chừng độ dặm cây số, cuộc giao tranh giữa toán quân rút lui của Thống-Soái Nguyễn-thiện-Thuật và Thiếu-tướng Négrier vừa từ Lạng-Sơn kéo tới, diễn ra một cách vô cùng ác liệt.

Trong lúc toán quân ông Thuật vây hãm thành Tuyên-Quang thì Thiếu-tướng Négrier được lệnh đem quân đánh lấy lại Lạng-Sơn. Sau một ngày giao chiến, toán quân Khách đóng ở đây bị tan vỡ. Négrier lưu lại một số quân, còn bao nhiêu gấp đường kéo thẳng tới cứu nguy toán quân Tuyên-Quang. Gần tới nơi thì gặp quân ông Thuật rút lui, thế là hai bên bắn nhau dữ-dội. Một giờ sau, quân-đội đôi bên giáp lá cà giao chiến. Thây chất ngổn ngang ! Tiếng rên-rỉ của binh-lính bị thương bị thấm lẫn trong những tiếng va chạm của gươm đao sang sảng.

Thật là một trận kịch liệt và kinh khủng chưa từng có từ khi ông Tán-Thuật khởi-nghĩa.

Đại úy Dominé nhằm nơi súng nổ cũng vừa kéo quân tới. Ông Thuật tự lượng không thể nào đối chọi được với thế địch quân quá hùng hậu, ông phải ra lệnh cho quân mình vừa đánh vừa rút lui về phía rừng núi.

Đề-Vinh chỉ huy toán cảm-tử quân đứng lại chiến đấu bảo-vệ cho đại-quân rút lui. Viên tướng trẻ tuổi này tỏ ra vô cùng gan dạ. Vinh cùng toán quân của chàng như chôn chân trong địa-điểm, liều chết trước làn mưa đạn của đối-phương.

Xung tở, đột hữu, Đề-Vinh hô quân cầm cự rất có quy củ. Nhiều người trong đội cảm tử quân này đã chiến đấu một cách anh dũng phi thường. Mỗi người nấp vào một gốc cây, họ đã ngăn hẳn bước tiến của quân Pháp đang ồ ạt như chẻ tre. Nhờ thế, chủ-tướng của họ đã rút thoát vào rừng với một số tàn quân.

Ban mai, quân Đề-Vinh hết đạn ; quân Pháp thấy tiếng súng của đối-phương rời-rạc, bèn lập tức tiến lên, vẫn nổ súng ran như pháo. Đề-Vinh thấy thế địch hăng và đông quá, không thể nào dùng gươm giao mà chống lại được, hô quân bỏ các gốc cây tháo chạy. Nhưng một số cảm-tử quân, tình nguyện đi ngược lại luồng đạn của đối-phương và những người anh-hùng

vô-danh ấy đã làm chùn bước tiến mạnh của đội quân Pháp, để cùng tan thây trong khói đạn.

Sau mấy trận giao tranh khốc liệt này, quân đội Pháp tuy bị thiệt-hại quá nặng nề nhưng vẫn là đội quân thắng trận. Còn toán quân tinh nhuệ của ông Thuật vẫn thường làm mưa làm gió trên khu vực Lạng-Sơn, Tuyên-Quang thì hầu như bị tan vỡ. Quân Khách tìm đường trốn về Tàu một số đông ; Quân ta chạy lạc lõng chưa làm cách gì mà thu-thập lại được.

Ông Nguyễn-thiện-Thuật cùng một số bại quân chạy bừa vào rừng thẳm và ở đấy người anh-hùng đã phải chịu bao nhiêu nỗi gian lao cực khổ. Thế nhưng cánh chim bằng chưa mỏi. Khoảng không-trung bát ngát kia vẫn hẹn những ngày xoải cánh tung bay !

VIII

MÀN đêm buông dần !

Tiếng trùng khi khoan, khi mau như khúc đàn muôn điệu tiễn biệt một chuỗi ngày qua, những ngày ấy lại là những ngày của đạn nổ gươm reo !

Cảnh âm-u huyền-bí của rừng sâu !

Hình sắc hiên ngang hùng-vĩ của núi cao !

Tất cả, lúc này mờ mờ trong sương chiều, và... chìm hẳn vào đêm lại càng gợi trong tâm-trí người ta nhiều tưởng-tưởng kỳ-lạ !

Trong đây là một xã-hội không danh không lợi.

Trong đây là một nơi ấp-ủ những linh-hồn cao khiết và là nơi nghỉ chân của những bậc khuấy nước chọc trời.

Ai là người đã sống những đêm trong trong rừng thẳm thì mới biết ở ngoài kia người ta ồn-ào chen-chúc đáng thương !

Ai là người đã đứng trên đỉnh núi cao, dưới bóng trăng vắng vặc, mới nhận thấy chung quanh là tất cả sự tầm thường.

Lắng nghe suối chảy ngàn đời – Ngắm những bông hoa rừng trăm sắc muôn hương – Ngắt những quả chín không ai ngăn cản mà chỉ có đàn chim hàng ngày thăm hỏi.

Có lạc lẻo vào chốn sơn-lâm mới tận hưởng được kỳ thú của trời đất.

Cảnh vật, cái gì cũng như kể lể thực nhiều với nhau những tâm-sự của mình, nhưng người ta ngây-ngô, hiểu sao hết nỗi lòng của núi rừng trùng điệp ấy. Họ ra, chỉ biết đem mình hòa với nhịp thiên-nhiên để hưởng lấy một chút nồng say trong quăng đời không gợn dục.

Sáng hôm ấy, ánh nắng vàng nhạt vừa bắt đầu nhảy múa trên chòm cây ngọn núi. Gió nhẹ nhàng thổi tới ào-xào trong cành lá và làm rụng rơi xuống những hạt sương đêm trong vắt.

Buổi bình-minh ấy đã đẹp lại càng đẹp bội phần khi nổi bật lên bóng dáng một thiếu-nữ của rừng xanh đang tung tăng đi tới :

*« Núi cao ta ngắm cuộc đời,
Rừng xanh ta hát thương người làm trai !
A ha ! buồn cái kiếp ngai,
Những ai đau xót đất đai về người !
Trần ai, ai khóc, ai cười ?
Mà ai lặn độn phương trời vì ai ?
Trăm năm một tiếng than dài ! »*

Tiếng hát trong như thủy tinh và gọi rất nhiều nỗi u-ẩn trong lòng, đã làm tan phút trầm ngâm của Đê-Vinh, viên tướng bại trận đang ngồi ủ-rũ dưới gốc dừa bên suối.

Chàng vừa vớt nước trong lên mặt rửa cho sạch những bụi bậm của chiến chinh. Lòng chàng đang suy nghĩ lao lung, chưa biết xử-trí thế nào để cho chủ-tướng thoát lưới quân Pháp đang chằng kín khắp ngả. Tim chàng như se lại trong căm thù khi nghĩ đến bọn người thân tín của chàng nay đã làm mồi cho quạ rừng chó sói. Đội quân của chàng đã từng mang lại bao nhiêu chiến công oanh liệt, giờ chỉ còn trơ có chàng và mấy người, cũng đang rên rỉ ở rừng sâu vì những vết thương trầm trọng.

Tiếng hát vừa xong khiến tráng-sĩ ngơ-ngác nhìn : Bên kia suối một cô gái bên sườn đeo đoản đao, xách chiếc lẵng thồ.

Đê-Vinh tự nhiên có một cảm giác vừa nhanh chóng chiếm đoạt tâm-hồn. Phong cảnh xung quanh đột nhiên biến thành một bài thơ tuyệt hữu tình, làm cho lòng tráng-sĩ bớt nặng trĩu sau chuỗi ngày lặn lội trong rừng gươm mưa đạn.

Chàng choàng tay vợ lấy khẩu súng để bên cạnh, túi đạn bên mình lèng-sèng. Người con gái thấy động nhìn sang, và im bật tiếng hát.

Chợt thấy một chiến-sĩ, nào súng, nào gươm, nàng cảm thấy rờn rợn ! Bước đi đang mạnh bạo bỗng dè dặt. Hai má thẹn hồng, nàng vừa rón rén đi

vừa nhìn chiến-sĩ, miệng gượng cười không khác gì bông hoa rừng nở trong màn sương bạc.

Lòng nàng hoang mang chẳng biết ai kia là hạng người nào ? Nàng càng bối rối khi Đền-Vinh, hai mắt trố trố nhìn nàng như phủ lên người nàng một mớ hào quang dịu dịu.

Ở kia ! Tráng-sĩ lại nhẹ nhẹ bước trên các mô đá ở lòng suối lần sang ! Nàng toan rảo bước đi, nhưng một cảm-giác là lạ như níu nàng lại !

Một phút sau, cử chỉ nàng bỗng trở nên bạo dạn, tay mân mê cán dao, nàng chăm chú nhìn khách lạ, hỏi : « Thưa ông, chắc ông muốn hỏi thăm tôi điều gì ? Ông lạc đường chăng ? »

Đền-Vinh cũng đã sang qua suối. Chàng cũng thấy luống-cuống vì chưa biết trả lời sao cho tiện. Lại thấy thiếu-nữ luôn luôn đề-phòng, chàng tự nghĩ người thiếu-nữ này chẳng phải là một cô gái tầm thường. Chàng khẽ nói : « Tôi là người lương-thiện bị lạc vào rừng, lần mò mãi mới ra tới đây, xin cô đừng e ngại mà phải đề phòng ».

Thiếu-nữ lúc đó mới vội để ý đến cử chỉ của mình, thì ra nàng đang giữ miếng võ thế-thủ. Nàng vội buông cán dao, nét mặt đỏ lên và tươi cười nói : « Thế ra ông bị lạc. Ông đi đâu hay về đâu bây giờ ? »

- Chẳng giấu gì cô, tôi là một quân-nhân bị bọn giặc Tán-Thuật đánh đuổi rất quá nên chạy lạc vào rừng. May gặp cô đây, mong cô chỉ đường cho thoát lúc hiểm-nghèo này !

Những nét niềm nở vui tươi nở trên khuôn mặt xinh xắn vừa xong, bỗng biến đâu cả, nàng nói : « Tôi có bao giờ ra khỏi vùng này đâu mà biết lối chỉ cho ông được ! » Dứt lời, nàng rảo cẳng bước đi.

Đền-Vinh như bị rơi xuống hố sâu, chàng đứng thừ ra. Nhưng chỉ một phút sau, chàng hiểu ngay là mình đã nhân danh một cách không hợp lòng người. Chàng vội cầm cổ chạy theo cô gái, túi đạn xóc lên và tiếng chân huỳnh-huỳnh nghe như tiếng vó ngựa lồng : « Này cô, cô hãy đứng lại, kéo lờ một dịp giúp người mà cô đang muốn làm ! »

- Ô hay ! Đã bảo tôi không biết gì kia mà !

Đề-Vinh thấy thiếu-nữ cứ bước tràn, chàng nắm cánh tay nàng níu lại. Cô gái giựt ra, rút dao hăn-học nói : « Cái ông này hay nhỉ, làm mất cả buổi của người ta ! »

Đề-Vinh bình-tĩnh nói : « Được lắm ! cô có thể dùng dao đó giết tôi đi, may cho tôi khỏi lọt vày tay quân Pháp ».

- ???

- Bất tất tôi cần phải dè dặt ! Những tiếng hát lúc nãy chẳng đã biểu lộ tâm-hồn cô đó sao ?

Thiếu-nữ càng bỡ ngỡ, nàng không nói gì. Nàng ngắm Đề-Vinh tự đầu tới chân, chăm-chú như muốn tìm lấy một vật chứng-minh gì ở người chàng : Thấy ngôn-ngữ, cử-chỉ của chàng là có vẻ bao hàm một cái gì quắc thước. Nhất là đôi mắt sáng quắc, long lanh trên nét mặt đanh và dày dặn kia đã làm cho nàng tin rằng người đứng trước mặt không tầm thường !

Nghĩ thế, nàng bỗng nhiên bốt lạnh nhạt và tươi cười hỏi : « Nhưng ông là ai với được chứ ? »

- Tôi là tên giặc... của người Pháp... là Đề-Vinh, là bộ-hạ của Thống-soái Nguyễn-thiện-Thuật.

- Ông Đề-Vinh ?

- Vâng tôi là Đề-Vinh...

Như người đã biết từ trước, nàng nói : « Là người đã không biết bao lần xông-pha nơi rừng gươm mưa đạn, từng chịu bao nhiêu gian-lao nguy-hiểm và cũng đã từng làm cho địch quân nhiều lần thất-điên bát-đảo ? »

Đề-Vinh thấy thiếu-nữ nhắc lại quãng đời hoạt động của mình, chàng ra chiều hả dạ lắm. Nhưng bỗng một u-ám lại đến phủ chiếm tâm-hồn chàng. Lòng se lại, chàng đau đớn nghĩ tới chủ tướng và các anh em đồng đội đang nóng lòng chờ chàng nơi rừng thẳm để rõ tình địch bên ngoài.

Gặp thiếu-nữ đây là một hồng-phúc cho bọn chàng, chàng không thể bỏ lỡ dịp may mà chẳng cùng nàng giải bày tâm-sự mình, một tâm-sự chung của những người thương nước yêu nòi.

Điều đó, chàng tưởng trong lúc loạn-ly, trước thế giặc mạnh như nước vỡ, thì rủ được người theo mình hay giúp đỡ mình là một điều cực khó khăn. Ai mà chẳng muốn yên thân ! Và nếu có ai còn nghĩ tới « Sơn-hà xã-tắc » thì cũng chỉ đến thở ngán than dài. Hễ trông thấy bọn phản-đối thì tưởng mình đã sắp bị vạ lây đến nơi rồi.

Nhưng sáng nay, khác với nhiều lần đã vấp phải, Đê-Vinh thấy lòng héo hắt của mình vừa như được một trận mưa xuân tưới mát dịu. Thiếu-nữ đã gặp gỡ chàng bằng cả cái nghĩa của câu « thanh-khí tương phùng ».

Thiếu-nữ đây là con một ông đồ nho. Cha nàng không rõ quê quán ở đâu, chỉ biết ở một tỉnh về vùng xuôi, lên đây từ hồi còn niên thiếu. Mỗi khi đã có tuổi mới đẹp duyên cùng mẹ nàng, một cô gái Thổ đảm đang. Kết tinh của hai dòng máu, nàng bẫm tính từ tâm của người mẹ và chí khảng-khái của người cha.

Đê-Vinh và nàng đã hiểu nhau, đi vào những chuyện thực nông nàn và thi vị. Một lát sau, chàng mới để ý tới vẻ đẹp của bông hoa rừng núi, người vừa phủ bụi còn bám trên mảnh áo xác-xơ của chàng. Nàng không đẹp lắm, nhưng đôi mắt sáng trong và phúc-hậu cứ như phủ khắp lên người chàng một mền thương, niềm mền thương của người chị hiền.

Cảnh thổ núi rừng xung quanh lúc này, không một màu sắc gì, không một tiếng động gì là không liên quan đến sự tôn sắc đẹp của cô gái rừng xanh.

Tráng-sĩ và giai nhân ngồi bên bờ suối trong, họ thủ-thỉ với nhau tất cả mọi ngậy ngất của tâm và hồn.

Mỗi lời nói lúc này, nếu không là một câu thơ hùng tráng thì là một điệu nhạc du hồn...

Càng quý mến nhau, chóng kính phục nhau, vì họ đã sẵn gặp nhau trong lý-tưởng.

Mặt trời lên cao, hai người bịn-rịn chia tay trong quyến luyến để mỗi người đi vào một nhiệm-vụ.

Đề-Vinh mang theo vào rừng sâu nhiều hy-vọng đặt ở người tình ; chàng cũng không quên mang theo chiếc lẵng đầy xôi mà nàng vừa trao tặng.

Còn cô Pheng, người thiếu-nữ, vui như con chim non cất cánh, bỏ dở cuộc hành-trình trở lại mái tranh trong xóm. Chân dùng-dằng bước đi, nàng còn quay lại nhắc : « Sớm mai, ba em và em sẽ tới đây để theo tráng-sĩ vào yết-kiến chủ soái. Thực sớm kia đấy ! »

Vinh mỉm cười : « Nhưng giai-nhân chớ quên cho biết rõ ràng những điều, tôi đã thay Nguyễn-đại-Nhân ủy-thác nhá ».

Chân bước đi nhưng mặt đều ngoảnh lại, cho tới khi chàng và nàng khuất sau những rặng cây bên đường !

Dòng suối thiên-nhiên với nước trong, với rặng dừa xanh, từ nay cũng mang một kỷ-niệm rất êm đềm.

IX

NGAI vàng đặt ở Triều-đình Huế hồi này bị nghiêng ngửa lắm rồi !

Tệ nhất là bọn quyền-thần đã gieo bao nhiêu thảm-họa nát bét khiến cho chính-sự rối lung tung.

Chính-phủ Pháp đã phái một đạo quân hùng hậu đóng ngay cạnh vách Triều-đình Huế.

Miệng hàm đã mở rộng, thế mà chốn triều trung, các cụ lớn cụ bé chỉ quần quanh trong bè phái. Một sự chia rẽ thương tâm khiến cho nước đã suy lại càng suy thêm.

Phái chủ-hòa cũng không có đường mà đi thế nào cho ích quốc lợi dân, chỉ nghĩ tới sự bảo-tồn danh-vọng mình.

Phái chủ-chiến cũng chẳng biết đánh chác ra làm sao, vì chẳng có một chút thực lực nào !

Bất quá, các ngài chỉ mơ màng nhìn ra ngoài có quân cờ đen, bên trong có cửa bể Thuận-An với khoảng một vạn quân cấm-vệ.

Cầm đầu phái quyết chiến là hai ông Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết. Hai ông này cậy quyền hống hách làm nhiều điều bạo ngược khiến cho Triều-đình Huế chẳng còn ra thể thống gì !

Vua Tự-Đức thăng-hà, di-chiếu lập ông Dục-Đức kế vị. Thế mà hai ông Tường và Thuyết áp đảo cả quần-thần bỏ ông Dục-Đức, lập ông Văn-lãng-Công tên là Hướng-Dật vì ông này đã vận-động với hai ông từ trước.

Ngày 30 tháng 7 năm 1883, ông Văn-lãng-Công lên làm Vua, hiệu là Hiệp-Hòa, còn ông Dục-Đức thì bị hạ ngục và chết đói trong đó.

Trong buổi đình-thần họp để quyết-nghị sự phế-lập này, ông Thuyết cho dàn trước triều 300 cấm-binh để thị oai. Ông dặn bọn lính này : « Hễ có ai phản-đối ta, thì phải theo ám hiệu của ta mà thi hành. Ta đập tay xuống

bàn thì lập tức trói kẻ nào trái ý ta lại ; nếu ta đập tay xong rồi giờ lên thì lập tức chém đầu tên nào phản-đối ta ».

Ông làm hăng như thế nên mọi người tái xanh mặt trong uất ức mà không dám rĩ răng.

Sau mấy phút yên-lặng nặng-nề, có một ông quan nhỏ đã cương-trực làm đảo lộn cái bầu không khí oai-nghiêm sát khí ấy !

Đó là ông Phan-đình-Phùng Ngự-sử !

Ông Phan ngoài sự phản-đối cái chủ-trương phế-lập như thế là vô đạo, ông còn mắng nhiếc Tôn-thất-Thuyết thậm tệ nữa.

Ông Thuyết căm giận lắm nhưng chỉ cười lạt.

Sau một tiếng đập bàn, Đại-tướng Tôn-thất-Thuyết giơ cao tay lên. Lập tức bọn cấm-binh xô vào lôi ông Phan-đình-Phùng ra. Ông Thuyết lúc này bỗng ngăn người nhìn theo, rồi không hiểu sao ông vội chạy ra ngăn bọn cấm-binh không cho chém ông Phan. Ông ra lệnh giam ông Phan vào ngục, đợi sau sẽ xét xử.

Sau 10 ngày trong ngục tối, ông Phan-đình-Phùng được tha ra, nhưng bị cách hết chức-tước. Ông chỉ còn có cái danh Tiến-sĩ trở về cố quận, ngẫm trông thời cục xoay vần, lòng nặng trĩu đau-đớn cho triều-chính lãng-loàn, cường-quyền hống-hách.

Sau vụ cất chức ông Phan-đình-Phùng và sau vụ chém ông Tô-hiến-Thành (ông này chủ trương hòa Tây), đình-thần không còn ai dám ngang ngạnh gì nữa. Công việc trong triều mặc hai ông Thuyết, Tường muốn làm gì thì làm.

Hai ông Thuyết, Tường đặt Vua Hiệp-Hòa lên ngôi, nhưng chẳng qua cũng chỉ để làm bù-nhìn thế thôi, chứ quyền hành ở trong tay hai ông nắm cả.

Cảm thấy mình đường đường là một Thiên-tử của một quốc-gia mà bị đè đầu đè cổ quá lắm, Vua Hiệp-Hòa mưu với bọn cận-thần giết hai ông Tường, Thuyết. Công việc bị bại lộ, không thi-hành được. Vua Hiệp-Hòa lại

mật viết thư cho ông Khâm-sứ Champeaux, năn-nì với ông này vì Ngài mà trừ hai kẻ bạo thần cho.

Ông Tường bắt được người mang thư, đem giết đi và lập tức họp đình-nghị bắt Vua Hiệp-Hòa bỏ ngục rồi ép uống thuốc độc chết ngày 28-11-1883. Ngay hôm sau, quần-thần theo lệnh hai ông Tường, Thuyết lập Ứng-Đông, con ông Kiến-thái-Vương mới 14 tuổi lên kế vị, tức là Vua Kiến-Phúc.

Lúc này, ông Thuyết rất yên tâm mặt trong vì vua còn ít tuổi đại-dột và bè-phái ông thì to lắm, không còn ai dám chống lại ông nữa.

Ông quay ra tàn-sát Gia-tô và mưu sự khôi phục.

Coi những hiệp-ước mà Triều-đình ta đã ký với chính-phủ Pháp như những mảnh giấy lộn, ông ngang nhiên khinh-bĩ và đe giết Khâm-sứ Champeaux đến nỗi ông ngày khiếp sợ không còn dám lộ đầu ra khỏi khoảng nhượng địa.

Trước hành-động khiêu-khích đó, quân-đội Pháp bất bình lắm.

Tháng 6 năm 1884, quân Pháp kéo vào cửa bể Thuận-An và yêu cầu với Triều-đình ta cho chiếm đóng Mang-Cá (Mang-Cá là một nơi hiểm-yếu trong kinh-thành).

Vua Kiến-Phúc chỉ thuận cho 100 lính Pháp vào đóng chứ không được quá con số đó.

Hai ông Thuyết, Tường giận Vua lắm vì hai ông đang chủ trương đánh Pháp mà Mang-Cá là một địa-điểm tối quan trọng cho quân-sự để bảo vệ thành-trì. Quân Pháp đã kéo vào đóng rồi, khác chi chẹn lấy cổ họng thì bây giờ còn biết tính-toán sao ?

Hai ông lo lắng sẽ còn nhiều sự nhượng-bộ nguy hại xảy ra, vì thế nên Vua Kiến-Phúc khi bị cảm đã được ông Tường bốc cho một thang thuốc đưa Ngài sang thế-giới bên kia.

Ngày mồng 1 tháng 8 năm 1884, đình-thần họp, tôn em ruột Vua Kiến-Phúc là Ứng-Lịch lên kế vị, tức là Vua Hàm-Nghi, nhưng viên Khâm-sứ

Pháp không ưng thuận.

Nửa tháng sau, quân Pháp kéo tới cổng thành uy-hiệp đông và mạnh quá, ông Thuyết bất-đắc-dĩ phải cho mở cửa thành để cho Vua tiếp Khâm-sứ tại điện Cần-Chính.

Các điều ước Pháp-Việt ký kết từ lâu, vẫn bỏ xó, nay được đem ra thi hành. Tuy thế, sự thực hiện cuộc đô-hộ chỉ thực hiện được về phần danh-nghĩa mà thôi. Nước Việt-Nam cam chịu mất chủ quyền nhưng phần lớn dân-tâm sĩ-khí vẫn còn hăng máu ái-quốc chưa chịu khuất phục.

Đại-úy Gosselin và nhiều quan binh Pháp khác đã dự trong việc chinh-phục nước ta có chân-nhận rằng : « Người Việt-Nam có cái dân-tộc-tính là chiến đấu tới cùng. Dù biết là bị bại, họ cũng không khi nào bỗng chốc chịu khoanh tay khuất phục. Họ vẫn có cái tinh-thần kháng-chiến tự tồn trên con đường lịch-sử mấy nghìn năm trước quân đội xâm-lãng Trung-Quốc ».

Bởi thế, dù Triều-đình đã công-nhận nền bảo-hộ Pháp quốc mà khắp mọi nơi nghĩa-binh vẫn nổi dậy tứ tung. Ngay ở trong Triều, ông Tôn-thất-Thuyết không một giờ nào là không nghĩ tới sửa soạn đánh vào quân Pháp.

Mặc dầu ông Tường đã ngã lòng, ông Thuyết khăng khăng một mực : « Chơi nhau một phen, thân có tan nát cũng đành, chứ quyết không chịu nhục ! »

Ông mật triệu tập các tướng-sĩ tại bộ-binh mà nói rằng : « Lúc này quốc-gia mới chính thức là lúc cần dùng đến trái tim và tay súng của bọn ta. Vậy bọn ta phải cố sức làm sao, họa may có lời kéo thời thế lại được, chẳng lẽ chưa chi đã bó tay mà chịu. Coi kia cái giường mình nằm xưa nay, người ta xa lạ ở đâu tới leo lên nằm ngủ ngáy khò khò, làm sao mình chịu được ».

Chí đã quyết, ông Tôn-thất-Thuyết liền sai lập Sơn-Phòng tại Cam-Lộ thuộc tỉnh Quảng-Trị. Ở đấy chứa rất nhiều vàng-bạc châu-báu và thóc gạo. Nơi này là phòng tuyến thứ hai nhờ khi bị bại sẽ rút quân về. Ông lại cho lập trường dậy võ và ra lệnh cho các Vệ, các Doanh phải siêng năng luyện tập. Nhất thiết cái gì cần dùng cho công việc dùng binh, ông Thuyết đều lưu hết tâm-trí và dự-bị sẵn sàng. Còn hột gạo nào trong kho, còn viên đạn nào

trong nòng súng, ông nguyện đem trút hết, chùng nào thật là thế cùng lực kiệt sẽ hay.

Sắp đặt mưu cơ đâu đó xong, ông tưởng như chỉ nay mai là nuốt sống ngay người Pháp.

Rồi một hôm, ông mật lệnh cho các tướng-sĩ : « Canh hai ăn cơm, canh tư khai chiến và phải giết cho sạch địch quân, chỉ để sống sót vài thằng cho về báo tin cho bọn chúng là ta thắng trận... »

Đêm hôm ấy là đêm 22 tháng 5 năm Dậu (1885), Đại-tướng Tôn-thất-Thuyết chia quân ra làm hai đạo.

Đạo thứ nhất do ông Tham-biện Tôn-thất-Trắc chỉ huy, được lệnh nửa đêm phải đem quân qua Hương-Giang, hội với ông Đô-đốc Thủy-sư, đánh vào tòa Khâm-sứ.

Đạo thứ hai, Đại-tướng tự chỉ huy, hội với Chương-vệ đạo quân Phần nghĩa là Trần-xuân-Soạn đánh thẳng vào Trấn-bình-Đài (Mang-Cá).

*

Tất cả kinh thành đang chìm đắm trong đêm khuya. Mặt nước Hương-Giang đang đón những làn gió nhẹ, lấp-lánh dưới màu trắng bạc. Nhân dân kinh-kỳ đang miên man trong giấc ngủ của đêm hè.

Sự yên-lặng quá bình-thản ấy chỉ còn phút chốc sẽ chuyển cả thành-đô vào vòng lửa đạn.

Đã được giờ khai chiến, một phát súng lệnh từ đại-bản-doanh bắn ra long trời lở đất !

Đạo quân ông Thuyết chỉ huy lập tức rút đại-bác vào Trấn-bình-Đài, tiếp sau là tiếng súng tay nổ ran.

Nhân-dân trong kinh-thành mất mật, còn quân Pháp thì trút hết cả xuống hầm trú ẩn, thỉnh thoảng bắn trả lời ra một vài phát súng đại-bác. Ban đêm không thuộc đường lối và cũng không rõ lực-lượng đối-phương bố trí mạnh yếu ra sao, quân Pháp đành chỉ thế-thủ đợi sáng sẽ hay.

Đại-tướng Tôn-thất-Thuyết cứ việc hô quân bắn hoài bắn hủy vào vị-trí Pháp. Không thấy đối-phương động tĩnh, ngoài mấy phát đại-bác bắn lúc khởi thủy khai chiến ; quân ta cho là quân Pháp chết hết cả rồi. Đại-tướng Thuyết lại ra lệnh cho đại-bác trên mặt thành bắn vào phủ Khâm-sứ để trợ chiến cho đạo quân Tôn-thất-Trắc cũng đang bắn phá thành rất dữ.

Bắn kể cũng đã nhiều ! Dinh thự và nhà cửa ở hai nơi đó cũng đã bị thiệt hại nặng nề. Quân Pháp bên trong vẫn im lặng, quân ta vẫn nghi nghi hoặc hoặc chưa dám xung phong, mà thuốc súng thì cạn rồi.

Tang tảng sáng, đạn bắn vừa hết và cũng vừa lúc ấy quân Pháp thành linh khởi thế công.

Khói đạn mịt mù, bao nhiêu là súng đại-bác đặt trên đài bên kia bờ sông và ở tàu chiến đõ ngoài xa, nhất loạt chĩa mũi vào thành mà bắn.

Đạn bay như mưa rào, tiếng nổ ran như sấm dậy. Nào nhà cửa đổ tan, cây cối ngã nghiêng, nào quân dân bị đạn, thân chết ngổn-ngang đầy dựa trong máu. Cả một thành sầu vang tiếng khóc thảm thương.

Thủy-quân Pháp ở ngoài lại đổ bộ lên, tiến sâu mãi vào làm cho hai đạo quân ta trong ngoài đều bị chẹn đánh.

Quân đội Việt-Nam bị thua to, chết như rắc rạ, mạnh ai nấy tìm đường tán loạn chạy trốn, chỉ những giầy xéo lên nhau mà chết cũng nhiều.

Vua Hàm-Nghi và Tam-cung cùng các thị-vệ cung-nhân khóc như di vờ tổ, chỉ kịp mang theo ấn-quốc-bảo và một ít châu ngọc, thoát ra lối cửa Tây-Nam.

Ông hữu-quân Đô-thống Hồ-Hiến phò-giá lánh nạn chạy về phía Kim-Luông. Chạy đã xa xa ra ngoài vòng lửa đạn, Vua Hàm-Nghi đứng lặng nhìn về kinh-thành, mặt rờng xám ngắt, lòng nhưong như tan nát : Thấp thoáng trên ngọn kỳ-đài, lá cờ ba sắc uốn mình theo gió.

Thế là cả một thành-trì đồ-sộ, nào ngai vàng, nào bệ ngọc uy-nghi đều lọt vào tay quân Pháp. Vua và các quần thần ngậm-ngùi sa lệ !

Trên bước lênh-đênh sóng gió, rồi đây Thiên-tử cũng không tránh được những gian-lao của kiếp phong trần.

Đại-tướng Tôn-thất-Thuyết cùng với Trần-xuân-Soạn và Tôn-thất-Trắc dẫn nhóm bại quân rút khỏi thành, nhắm đường theo xa giá. Lúc này ông Nguyễn-văn-Tường đã nhờ Giám-mục Caspar ở Kim-Luông dẫn ra hàng Đô-đốc Courcy, để rồi sau đó ít lâu, ông đem cái thân phản bội sang đây ở Tahiti và chết tại đó.

Khi Tôn-thất-Thuyết theo kịp xa giá, phủ phục xuống mà tâu rằng : « Thần không giữ nổi thành, chưa trừ được giặc để nay chúa-thượng phải mộng-trần, thực là thần đáng tội ».

Vua Hàm-Nghi truyền cho Đại-tướng bình thân nhưng trên long nhan buồn thảm đầy vẻ tức giận.

Ngài buồn là buồn cho cảnh nước biển, ngai nghiêng mà không còn biết trông cậy vào ai là người có tài đứng ra gánh vác ; Ngài giận, giận Tôn-thất-Thuyết thì ít nhưng căm Nguyễn-văn-Tường thì nhiều. Ngài cười lạt trong hăn-học mà bảo Tôn-thất-Thuyết rằng : « Tường phản quốc, bất trung, y toan mãi chúa cầu vinh ; Đức của nhà Nguyễn ta còn đây chứ không trẫm đã trong tay giặc rồi còn đâu ! Y đã trở về hưởng son phấn của người rồi ! »

Vua tôi lại gặp đường tỵ nạn.

Sau khi đã chiếm đóng kinh-thành, người Pháp chia quân canh giữ các cung điện và phái một đạo quân hết sức tầm nã vua tôi Hàm-Nghi.

Ở Sơn-Phòng Cam-Lộ không thể yên được, vua tôi Hàm-Nghi trèo qua Mai-Lĩnh đến Lao-Bảo, rồi xuyên qua rừng âm-u nguy-hiểm tới Hàm-Thao.

Đất nước mình mà nhà vua chạy mười mấy ngày trời vẫn không có chỗ nào đặt chân. Thảm nhất cho bấy công-chúa của lâu son gác tía, nay phải dãi gió dầm sương. Nét mặt âu sầu, tóc tai rũ rượi, xiêm áo trẻ tràng, người nào cũng sướt mướt như những cành liễu xác xơ, sau trận mưa gió phủ phàng.

Vua xót cho thân ngà ngọc của mình lại ngậm ngùi cho lũ bầy tôi trung-liệt tòng vọng. Ngài rơi lệ để cùng khóc cảnh nước mất thành tan.

Sau một buổi đình-ngị họp ở nơi rừng sâu hiu-quanh, Vua Hàm-Nghi xuống chiếu Cần-Vương đi các nơi. Nhân dân thấy lời kêu gọi thống-thiết của nhà vua, ai cũng chua xót cảm động.

Từ đấy, trong toàn quốc các văn-thân ứng nghĩa lại càng hoạt-động ráo riết gấp trước bội phần. Cũng là một dịp mà ông Tham-tán Nguyễn-thiện-Thuật đang lánh nạn ở Trung-Quốc quyết chí trở về phò vua cứu nước.

*

Khi bị đại bại ở Lạng-Sơn, ông Nguyễn-thiện-Thuật cùng một số bộ-hạ chạy tán loạn vào rừng.

Bên ngoài lưới quân Pháp chằng kín khắp ngã. Không biết làm thế nào thu-thập được hết tàn quân lại, và mất hẳn liên-lạc với các lực-lượng miền xuôi, nhóm ông Thuật bị cô độc trong rừng sâu, đầy lo ngại.

Cái cảnh nệm cỏ màn cây, sương gió lạnh lùng của rừng thẳm âm u gợi trong lòng nhóm người thất trận nhiều nỗi đau thương. Họ đâu có kịp nghĩ đến thân mình lao-đao cực-khổ phải nhịn đói nhịn khát, mà họ xót cho vận nước rồi đây chẳng biết sẽ xoay vần ra sao.

Tiếng vượn ru con, tiếng chim riu-rít, không một tiếng động gì của núi rừng mà không nhắc nhở trong thâm tâm họ những nỗi buồn của kiếp xiêu-bạt. Họ buồn nhưng họ vẫn sống trong hi-vọng. Chính ông Thuật đã có lần nói với các bộ-hạ xung quanh rằng : « Quân Nguyên như lang sói thì có đức Hưng-đạo-Vương ; quân Minh như hùm beo thì có đức Lê-thái-Tổ ; Mười vạn quân Thanh rầm-rầm rộ-rộ tràn sang như nước vỡ bờ thì lại có đức Quang-Trung. Con thuyền quốc-gia có gặp phong ba thì mới rõ ai là thủy-thủ có tài lẫm liệt có gan sắt đá ».

Quân Pháp tầm nã bọn ông Thuật gắt gao quá. Lẩn quất mãi ở vùng này thì khó mà thoát được cạm bẫy đối phương ! Trong lúc ông Thuật đang phân vân thì Đề-Vinh đưa cha con ông già sơn-cước vào yết-kiến.

Và ông già này đã tình nguyện hướng đạo bọn ông Thuật đi tuyền đường rừng lên sang Tàu. Chỉ để lại mấy người giả làm tiều-phu theo con gái ông ra thoát được vòng lưới của người Pháp và gặp đường về vùng xuôi.

Lúc chia tay, ai nấy nghẹn ngào, cùng hẹn chóng tới ngày tái-hội. Nhất là Đề-Vinh lòng nặng trĩu sầu vương, nhưng chân hùng-dũng bước, mặc cho phía sau đôi mắt người tình ướm lệ nhìn theo.

Một phút sau, họ đã quên được nhiều rồi vì nhiệm-vụ thiêng-liêng vẫn còn bề bộn trước mặt họ. Với họ chỉ nhìn thấy đẹp đẽ của tình duyên khi việc nước đã thành...

Đến nay, đang ở xứ người, được tin kinh-thành Huế thất-thủ, Thánh-thượng mộng-trần, ông Thuật đau xót vô cùng. Lại tiếp được tin Vua Hàm-nghi xuống chiếu Cần-vương, ông Thuật sửa-soạn gấp rút kéo toán quân nhỏ mà ông đã thao-luyện ở Long-Châu về nước.

Gặp giữa hồi quân Cờ-đen đóng ở các miền Sơn-Tây, Đáp-Cầu và Phủ-Lạng, đang kéo vây đánh quân Pháp ở Lạng-Sơn, ông Thuật trở về nước không đến nỗi khó khăn.

Trận đánh liêu lĩnh và gan dạ của đám quân Cờ-đen làm cho quân Pháp điêu đứng, thiệt hại rất nhiều, phải bỏ thành Lạng-Sơn chạy cả.

Thiếu-tướng Négrier cũng bị trọng thương, nhưng nhờ mấy người lính hộ-vệ can-đảm đã đưa ông ra thoát vòng vây.

Nhân cơ hội, ông Thuật trở về Lạng-Sơn. Sau khi hội kiến với mấy tướng lãnh Cờ-đen, ông kéo thẳng quân về chiến-khu Quế-Sơn. Ở đây ông Thuật gặp ông Hoàng-giáp Nguyễn-Quang-Bích là đại-diện triều Hàm-Nghi trực-tiếp chủ-trương phong-trào chống Pháp ngoài Bắc.

Ở lại ít ngày đàm luận, ông Thuật phụng chiếu chỉ nhà vua và nhận những kế-hoạch Quế-Sơn, rồi ông từ biệt núi rừng.

Chim đại-băng lại vỗ cánh tung bay, che rợp cả một vùng đồng-bằng bát ngát.

X

TRONG khi ông Nguyễn-thiện-Thuật lánh sang đất nước người, ông Đông-Quế – Chúa Bã-Sậy bị quân đội Pháp và Hoàng-cao-Khải luôn luôn kéo tới tấn công sào-huyệt.

Bao nhiêu trận xung-đột kinh-khủng xảy ra. Dân chúng tỉnh Hưng-Yên chỉ ăn rồi nghe động tỉnh bỗng bẽ nhau chạy, mặc cho làng mình thành chiến-địa, mặc cho nhà mình thành nơi ẩn nấp của binh lính đôi bên.

Chẳng còn làm gì được ; Nhân dân càng ngày càng lâm vào tình trạng túng đói. Chạy mãi, khi trở về nhà, họ chỉ thấy những tan hoang tẻ ngắt, sặc mùi tử khí.

Quân Pháp mới rút đi, nhưng trên đất Hưng-Yên, đạo binh Án-sát Hoàng-cao-Khải không để cho Bã-Sậy được yên-ổn mấy ngày. Toán binh này khôn ngoan và ranh mãnh vô chùng, nhất là Hoàng Án-sát lại là một người luồn lách, mưu trí có thừa ; ông là một người đắc lực vào bậc nhất nhì trong thời bấy giờ.

Bã-Sậy cũng bị đánh luôn và các đường lối bí-mật cũng đang bị đội do-thám của Hoàng-cao-Khải chú ý khám phá. Thế lực suy dần, bỏ hết cả các đồn chốt bên ngoài, ông Đông-Quế rút quân về cả sào-huyệt.

Đã biết bao phen chúa đảng Bã-Sậy chạm trán với trăm nguy nghìn hiểm mà ông chẳng hề sờn lòng. Ít lâu nay, ông không có lấy một phút nghỉ ngơi, dốc hết tâm trí ra giữ gìn sào-huyệt. Ngày đêm tận tụy, bỏ ăn quên ngủ, nên sức bị tàn, lực bị kiệt ông lâm trọng bệnh mà từ trần !

Tiếng lau sậy ào-xào, tiếng côn-trùng non-nỉ, hết thấy đều vọng ra một điệu âm-thầm giữa một khung cảnh màn tang buồn thảm !

Cảnh Bã-Sậy đang âu sầu tiễn người quá cố !

Người anh-hùng quá cố ấy đã mang theo đầy uất hận sang thế-giới bên kia vì mảnh dư-đồ còn tan nát và chìm đắm trong máu đào !

Đồng-Quế chết, sào-huyệt Bãi Sậy tưởng đến bị vỡ. Quân, tướng lao nhao như đàn gà con mất mẹ ! May gặp giữa lúc ông Nguyễn-thiện-Thuật về nước. Sào-huyệt đương ngửa-nghiêng lại có người đứng mũi chịu sào. Bãi-Sậy lại vững như bàn thạch.

Ông Thuật lên giữ chức Thống-soái, cùng các cựu-thần và tướng-tá, hết sức mưu tính phương-pháp phòng-thủ sào-huyệt. Chẳng mấy lâu sự hoạt-động lại mở rộng, rải-rác khắp nơi.

Được tin này, Án-sát Hoàng-cao-Khải lập tức đề binh tới đánh trước cho giảm bớt nhuệ-khí của đối-phương.

Phen này Hoàng-cao-Khải hợp lực cùng một số quân Pháp bài binh bố trận, quyết dồn đối-phương không còn đường mà tiến ra ngoài. Ông hạ lệnh cho binh lính phải vượt qua bãi bùn lầy mà tiến vào. Đến nơi chỉ thấy tuyền sậy là sậy, chẳng biết đường nào mà tiến bước, toán lính loanh quanh trong lo ngại. Ông Hoàng-cao-Khải bèn xuống lệnh đốt Bãi-Sậy : lửa bén vào lau khô, bốc cháy ngùn-ngụt. Vẫn chẳng thấy một bóng người, chỉ thấy từng đàn chim từ bụi rậm vội vã tung cánh bay cao và biến vào xa xa lánh nạn. Quang cảnh vắng-ngắt của đối-phương càng gieo vào lòng binh lính một khủng-khiếp ! Lửa cháy làm cho mấy đám sậy chỉ còn trơ lại than đen, tuy thế cũng chưa có ai dám xông vào trước.

Bỗng một người lính nhìn thấy ở đám sậy cháy hở ra một cửa hầm. Họ xúm lại gạt than ra, nhìn xuống thấy sâu thăm-thẳm !

« Muốn bắt cọp con phải vào tận hang cọp ». Một nghiêm lệnh truyền ra, binh lính cũng đành nhắm mắt tuân theo. Thế là một số lính của họ Hoàng cùng với hai viên đội và một viên quản tây lần lượt xuống hầm. Đường vừa tối đen vừa khó đi, họ phải dò từng bước và luôn luôn đề-phòng cẩn-thận. Ở ngoài, toán quân canh hầm cũng đều lên đạn sẵn sàng, hễ có động là bắn báo hiệu cho toán quân bên dưới.

Kẻ trong người ngoài, ai nấy hồi-hộp vì ai còn lạ gì nơi đây từ xưa tới nay ! Nơi đây là mồ chôn bao nhiêu người chống lại mục-đích của Bãi-Sậy !

Tuy thế, cũng có nhiều người hy-vọng có thể phá được sào-huyệt đối phương trong trận này ; vì thế, mặt họ đã bớt tái, hai mắt họ đã sắc sảo lên vì họ đã bắt đầu nghĩ tới những phút lập công sắp tới. Họ đang mơ màng trong một giấc mộng : lính lên cai, cai lên đội, đội lên quân, úi chà, cụ lớn Hoàng-cao-Khải thì to lắm !

Bỗng từ dưới đất nhoi lên, như những hình thù ma quỷ đột nhiên xuất hiện, toán quân Bãi-Sậy tứ tung bắn lại. Một cuộc ác chiến kinh-khủng xảy đến : họ kề súng vào tận mặt, tận bụng nhau mà bắn. Giết nhau bằng súng đạn chán rồi, họ dùng đến dao trường, mã-tấu, lưỡi-lê. Thực là một cuộc xung sát giáp lá cà làm cho người ta thất đảm kinh-hồn. Mã-tấu dao trường loang loáng như gió, phạt ngang phạt dọc : vai chẻ, đầu rơi ; lưỡi-lê lao mạnh như tên bay : thủng đùi loang bụng. Máu nhuộm đỏ cây cỏ, thây dọc ngang đầy đất. Tiếng rên rĩ kêu thương vẳng vào Bãi-Sậy um-tùm như những oan-hồn than khóc !

Cuộc giáp chiến vẫn chưa bớt tàn ác, tiếng binh đao sang sảng lẫn trong tiếng hò hét nghe rùng mình sớn gáy. Quân Bãi-Sậy cứ ở các lối bí-mật nhô lên mỗi lúc một nhiều làm cho binh-lính Pháp – Nam không còn biết lối nào mà chống đỡ.

Tiếng súng nổ âm âm và tiếng gươm đao chạm nhau chan chát vọng xuống hầm. Toán lính mạo-hiểm nghe thấy, biết là trên mặt đất đang có cuộc giao phong, vội vã kéo lên. Nhưng cứ nhô lên khỏi cửa hầm thì đạn bí-mật ở trong đám sậy dày lại bay tới. May mà toán quân canh cửa hầm gan dạ liều chết đứng lại chiến đấu, nên toán quân xuống hầm cũng có ít người lên thoát được.

Quân Hoàng-cao-Khải lâm vào tình-trạng vô cùng khốn đốn. Họ vừa tỉnh giấc mộng hoàng-lương, chẳng còn ai nghĩ đến tiến đánh nữa. Nếu không có những viên chỉ-huy đảm-lược và táo-tợn thì đoàn quân này đã tan tác mà chạy thực mạng rồi !

Mặc cho những viên đạn vô cùng nguy-hiểm, bí-mật bay tới, mặc cho bao nhiêu đồng-đội gục xuống trước mũi gươm thù, họ vẫn kiên gan cầm cự

để cho hàng ngũ rút lui ra ngoài có trật-tự. Vì thế, tuy bị thiệt hại nặng nề, đội quân Hoàng-cao-Khải không đến nỗi bị tan rã. Họ vừa đánh vừa lui và bãi bùn lầy từ nay cũng cùng sông Hồng mang hận một thời chinh chiến.

Chiếm phần thắng, quân Bã-Sậy lấn mãi và đuổi dồn đám bại quân đối-phương về mãi tới Khoái-Châu.

Trận này tuy bị đại bại nhưng ông Hoàng-cao-Khải thu được một kết quả mà ông lấy làm đặc-chí lắm : một là binh lính của ông bị thua đau, ai ai cũng căm thù Bã-Sậy, hăm-hở muốn phục thù ; hai là những chân tay của ông đã rõ được nhiều đầu mối bí-mật hiểm-hóc của sào-huyệt đối-phương.

Sau ông đem quân đánh Bã-Sậy luôn, nhưng mục-đích chỉ là khám phá thêm manh mối bí-mật của Bã-Sậy chứ chưa nghĩ gì tới sự công phá.

Về phía Bã-Sậy, ông Thuật cũng ráo riết chinh đốn quân đội. Thanh thế càng ngày càng lừng lẫy. Áp dụng kế-hoạch Quế-Sơn, ông cho quân rải-rác đóng nhiều nơi và các tướng chỉ huy các toán quân đó phải tự trưởng thành quân đội mình. Vì thế, quân Pháp – Nam đóng giữ các nơi, chỗ nào cũng phải đương đầu cùng quân Bã-Sậy.

Ở Hải-Dương, có Cử-nhân Nguyễn-Đức (người làng Thái-Lạc, huyện Văn-Lâm, Hưng-Yên) điều-khiển một đám quân lưu-động, nay làng này mai làng khác quấy nhiễu các đồn-ải làm cho các tướng chỉ-huy Pháp rất bức mình.

Ở Bắc-Ninh, Đáp-Cầu thì có Lãnh-Giang, Hai-Kế chỉ huy những đám quân tinh-nhuệ, xuất quỷ nhập thần. Toán quân này hùng-dũng lắm, khi xuyên rừng khi vượt núi, người rám nắng như than đen. Lúc ở phía tây, lúc lại về đằng đông, họ nhanh nhẹn và tinh khôn như đàn khỉ trong rừng. Binh lính Pháp vô cùng vất vả săn đuổi họ, nhưng họ vừa đánh vừa lui nhanh như chạch : Họ ẩn hiện thật chẳng khác gì hồn ma bóng quỉ !

Ở Lục-Nam, đường Lạng-Sơn và đường Hải-Phòng thì có Lưu-Kỳ, Đốc-Cọp, Đốc-Tít, đều là những mãnh tướng của Bã-Sậy đóng giữ. Trong những toán quân này có rất nhiều những tay thần xạ, bách phát bách trúng, nhiều lần đã làm cho đối-phương bị thiệt hại một cách không ngờ.

Thế lực Bãi-Sậy mạnh mẽ và nguy-hiểm cho nên mỗi khi binh Pháp tiến ra phải dò dẫm từng bước rất cẩn thận mới tránh được tai-nạn.

Chủ lực quân vẫn đóng ở Bãi-Sậy. Ông Thuật cùng các cựu thần ở cả đây, chỉ huy tất cả các ngành hoạt-động ở khắp các vùng. Khắp mọi nơi xung yếu trong tỉnh Hưng-Yên đều có quân Bãi-Sậy đóng canh phòng chen vào các đồn lính khố-xanh. Bởi thế nên luôn luôn xảy ra những cuộc xô xát nhỏ giữa quân đội hai bên.

*

Ông Nguyễn-thiện-Thuật nhìn tiền-đồ sự-nghiệp đã thấy có nhiều phần lạc quan ; ông hết sức cùng các bộ-thuộc tổ-chức tất cả các ngành hoạt-động cho thực chu đáo. Quân đội ông hồi này bành-trướng gấp bội ; cơ nào đôi ấy tập luyện rất công phu. Một lệnh truyền ra, ba quân rầm rập. Các nghĩa-sĩ các nơi cũng kéo dần về cả Bãi-Sậy để cùng ông lo toan việc nước.

Tại Bãi-Sậy, một bộ tham-mưu thành lập, làm việc suốt ngày đêm, nghiên cứu phương-pháp luyện quân và kế-hoạch dàn binh. Bộ này lại còn nghĩ cả tới việc đặt nền cai-trị để đem an-ninh về cho các khu vực chiếm lại được và định luật-lệ thưởng phạt rất công-minh, nên mọi người ai nấy nức lòng làm việc. Đồng thời, công việc kiến-thiết thêm trong lòng cũng như dưới hầm Bãi-Sậy được gấp rút thi hành. Cái thế giới âm-u và bí-mật của nhà lãnh-tụ Đồng-Quế để lại, nay được bàn tay của nhóm ông Thuật dúng vào, lại càng bí-mật gấp bội phần. Làm thêm rất nhiều lối xuống hầm hoặc để vào trong lòng Bãi-Sậy. Từ đây những đường bí-mật, hễ một khi lối xuống bị tiết-lộ là lập tức người khám phá đầu tiên không thể nào thoát được viên đạn từ miệng hầm bắn ra ! Thế rồi chỉ mấy tiếng đồng-hồ, đất từ đâu cứ dần dần ra lấp chặt miệng hầm lại. Các chỗ ngã tư ngã ba đường hầm, lúc nào cũng có quân Bãi-Sậy trông nhìn ra tứ phía. Bởi thế, nếu không phải là bộ-hạ ông Thuật mà dò dẫm xuống hầm này thì nhất định không có cái ngày trở lên được nữa !

Ông Thuật lại còn giao cho bộ tham-mưu của ông tổ-chức một đội quân thám-thính và tuyên-truyền. Đội quân này gồm hơn một trăm người, tuyền

là những người có học, có con mắt tinh đời, có óc quan-sát và có tài linh-lợi.

Mục-đích của đội quân này là thu lượm tài-liệu tình-địch – Gây một tinh thần chống người Pháp trong nhân gian – Nghe ngóng, tìm kiếm những người tài giỏi, tuyên-truyền họ theo về giúp Bãi-Sậy.

Với danh nghĩa cổ động cho văn-thân, nên đội quân này đến đâu cũng được tiếp đón trọng vọng và công việc của họ tiến hành vô cùng đắc lực.

Họ trá hình đổi dạng, tốp 5 người, tốp 3 người không đâu là họ không đến, chẳng có điều gì liên can thời-sự mà lọt qua được tai mắt họ.

Vì thế, Bãi-Sậy đã thu phục được rất nhiều nhân tài và thế lực cứ mỗi ngày một bành-trướng.

*

Hồi ấy ở một làng gần Hải-Phòng có một người tên là Quý, trước làm lính thị-vệ trong kinh, sau có công được thăng lên chức Tuần-thành.

Khi quân Pháp hạ thành Huế, quân đội ta bị chết, bị thương, còn ai sống sót chạy tán loạn mỗi người một ngả. Tuần-thành Quý là một người sống sót và cũng là người chứng-kiến cái cảnh tàn-sát giữa kinh đô, thành sầu biển lệ ấy. Quý thương tâm và căm-thù lắm, nhưng đạo quân bại trận của Đại-tướng Tôn-thất-Thuyết đã biến cả đầu mất tằm rồi ! Quý thoát ra khỏi thành, lẩn mò về Bắc và nay sống một cuộc đời ngang tàn vong mạng. Nay điểm này mai quán nọ, còn bao nhiêu tiền, Quý chỉ chè chén cho khuây-khỏa.

Hôm ấy vào giữa trưa, Quý phe phẩy chiếc quạt mo vào quán rượu ở đầu làng. Nét mặt vẫn hằm-hằm như mọi ngày, vì trong lòng Quý có lúc nào nguôi được những việc xảy ra ở chốn kinh-thành. Công danh đương tiến đạt bỗng chốc tan như mây khói. Nghĩ tới lúc nào, lòng lực-sĩ những muốn tung-hoành cho hả dạ.

Chủ quán vui vẻ chào khách quen ; đã quen tới chỗ rất tương đắc với nhau vì đã nhiều lần Quý dốc bầu tâm-sự mình với chủ quán.

Chủ quán ngừng tay đang thu dọn, niêm-nở hỏi : « Ông Quý nhà tôi làm gì ra mà mồ-hôi nhễ-nhãi thế kia ? »

- Ấy trời nóng bức, oi quá, lòng nó lại cứ như sôi lên ! Có gì nhắm không ?

- Có cá rán, giò lợn ; hôm qua, hôm kia có liền « mộc tồn », mong mãi chả thấy ông đến.

- Mấy hôm đó tôi lang thang mãi về vùng Khoái-Châu. Chao ôi ! thật là cảm giận...

Quý vừa nói đến đó, thì chợt có ba người bán thuốc cam-kiềm đeo ba tay nải bước vào quán. Họ ngồi xúm quanh chiếc bàn phía trong và bảo nhà hàng làm rượu. Quý lúc ấy đã xoay trần ra đánh chén để lộ cái thân hình vạm-vỡ. Những bắp thịt đường gân nổi lên trông chắc nịch. Khi rượu vào, bầu máu nóng chạy loạn xạ làm cho toàn người Quý đỏ hồng hào, nhất là hai con mắt sắc như gươm đỏ gay của Quý cứ long lên sòng sọc dưới bộ lông mày đen lạnh, trông thật là dữ.

Ba người lại, tuy lặng yên uống rượu nhưng sáu con mắt thông minh trong xanh kia, lúc này sáng ngời trên ba khuôn mặt khô-ngô, không rời Quý một phút nào. Ba người họ xì-xào với nhau :

- Hồ tướng !
- Khuôn mặt có nhiều nét trung hậu !
- Vô cùng gan dạ !
- Ăn như thường luồng.
- Thế mới là người của thời đại chứ !
- Thần lực ở cái mình tròn như cá trắm.

Thế là chàng lực-sĩ tuần Quý đã lọt vào trong những cặp mắt xanh của ba người lái thuốc.

Quý bên ngoài vẫn uống, vẫn ăn và nghe chùng say lằm. Vừa rồi Quý nói còn giữ-gìn nhưng bây giờ Quý nhường cho ma men nói hộ. Quý nói

ngang như cua ! Giá thám-tử của Ân-sát Hoàng cao Khải có mặt ở đây thì Tuần Quý hẳn được về khám lớn mà ba hoa.

Chủ quán thấy Quý say quá, ăn nói liêu-lĩnh, vội cất chai rượu đi nhưng Quý trừng mắt giăng lại : « Để nguyên mà... thằng Quý nó phải say mà ! »

Chủ quán ôn-tồn nói : « Thôi để mai lại uống, ông uống nhiều lắm rồi, ngộ nhờ bị cảm thì khốn ! »

- Cảm thì chết ! Chú này ấy mới rờ dờ hơi. Cảm... cảm tôi... chết tôi... chứ cảm chú, chết chú à ?

- Đã đành thế, người lực-lưỡng thế này mà lờ chết lúc này chẳng uống lắm sao ? Nhất là tôi lại thiệt ngày ngày không được bán rượu lấy lãi.

- Ủ thế sao chú lại được chê cái say của tôi, tôi không bằng lòng chú chỗ đó.

- Say thật đấy...

- Ai chả biết ! Thằng Quý có bao giờ không say, nó còn say cho đến khi mấy cái anh Bã-Sậy làm nên đồ đốt thì be rượu mới quăng đi... mới không say ! Còn bây giờ cứ phải say, say thú lắm...

Quý cười ha hả, rồi lại rót rượu uống, miệng cứ bô bô tuyên một giọng ngang đầu trái khoáy, coi như xung quanh chẳng còn có ai nữa.

Người chủ quán lo ngay ngáy, nhưng cũng đành chịu không dám hỏi thêm gì. Bác ta lại còn lo Quý mà nóng tiết lên lúc ma men nhập này thì trời còn bằng vung nữa là kể chi đồ đạc bát đĩa của bác. Vì thế, chủ quán cứ ngọt nhạt chiều Quý, không có một điều gì có thể làm cho Quý phát khùng.

Tuy lo thế, nhưng chủ quán lại yên tâm ngay là vì từ trước tới giờ cũng đã nhiều lần Quý say như thế nhưng chưa hề một lần nào, Quý để thiệt cho ai. Quý quả là một người biết điều.

Ba người lái thuốc ăn uống xong, tính tiền trả rồi lại mỗi người một quẩy ra đi và tiếng « thuốc... thuốc... » lại ngân nga trong lũy tre xóm vắng.

Chủ quán vẫn còn vẻ mặt lo ngại, thấy bọn bán thuốc rong đi xa rồi, mới bảo Quý : « Ông chẳng giữ-gìn gì lời ăn tiếng nói ; ba người lúc nãy mà là người chính-phủ thì thật là khốn ! »

- Thế nào, bác bảo ba người vừa đi ấy phải không ?

Người chủ quán khẽ gật đầu.

Một phút yên lặng, Tuần Quý cau mặt đăm đăm nhìn phía xa... Y sợ hãi chẳng ? Hay y tiếc đã bỏ lỡ một dịp không sử dụng cặp tay sắt của mình.

Bỗng Tuần Quý đứng phắt dậy, tất tưởi mặc chiếc áo cánh cởi ra từ lúc nãy để bên, dặn dò người chủ quán bước ra.

Người lực-sĩ, mặt đỏ gay thất thểu phơi mình dưới nắng chang chang, đi thẳng về phía cổng làng.

Chiếc quán bên đường lại lặng lẽ trong cảnh vắng teo của trưa mùa hè oi-ả !

XI

QUÂN Pháp có phải chỉ chuyên đánh dẹp Bãi-Sậy đâu mà còn phải đương đầu với cả một phong-trào phản-đối nổi dậy khắp nơi.

Vì vậy, quân đội hùng-hậu Pháp phải rải-rác lực-lượng ra nhiều nơi và nhờ thế mà quân Bãi-Sậy mỗi ngày một bành-trướng, vây cánh càng ngày càng đông.

Tuần Quý bây giờ cũng là một tướng-lĩnh với cái danh ĐỀ-Quý chỉ huy quân Bãi-Sậy trong vùng giữa hai tỉnh Hải-Dương và Hải-Phòng.

Đốc-Tích, một lãnh-tụ tung hoành ở vùng Hai-Sông, khi bị quân Pháp đánh dồn vào thế cùng cũng sát nhập với Bãi-Sậy.

Khi Đốc-Tích chưa liên lạc với Bãi-Sậy cũng có rất nhiều trận giao tranh với người Pháp, nhưng trận ngày mùng 8 tháng 6 năm 1888 diễn ra ở Thủy-Đông, thì thật là một trận ác liệt vô cùng.

Suốt tám tiếng đồng hồ, tiếng súng âm âm không ngớt, làm sôi hấn một góc trời.

Hai toán quân Pháp ở Hải-Dương và Quảng-Yên hợp lực tổng công phá đồn trại quân Tích. Toán quân này đóng trên các ngọn núi cao hiểm trở, chẳng trông thấy một bóng người, chỉ thấy đạn nã xuống. Quân Pháp có bị thiệt hại nhưng vẫn gan dạ nấp chắc chắn sau những mô đá, súng luôn luôn nhả đạn trả lời, và cũng có từng lúc đạn bắn ra như mưa, phủ kín cả những ngọn núi trước mặt.

Trước sức tấn công dẻo dai của quân đội Pháp, Đốc-Tích tự biết khó giữ nổi, bèn hạ lệnh rút quân đi. Nhưng quân Pháp đã biết trước, xung phong trèo lên núi đuổi sát nút, Tích bắt buộc phải hô quân quay lại chiến-đấu. Cuộc giáp chiến lá cà diễn ra một cách kinh-khủng. Binh lính đôi bên tàn sát nhau bằng đủ mọi hình thức : họ bắn, chém, đâm, quật nhau vào các mô đá nhọn. Thây chất ngồn ngang, máu nhuộm đá đỏ lòe. Tiếng gầm thét

kinh-rợn, tiếng la rên bi thảm. Núi cao, sông rộng vẫn trơ trơ chứng-kiến cuộc tàn sát này !

Quân Pháp trèo núi không quen, quân Đốc-Tích thì nhanh như đàn vượn. Bởi thế phần thắng trận cứ dần dần nghiêng về phía quân Đốc-Tích và... quân Pháp đành lui tàn quân xuống núi với căm-thù !

Rồi, chỉ một tuần sau, quân Pháp trở lại với một lực-lượng hùng-hậu hơn nhiều, có nhiều súng lớn, quyết phen này phá tan sào-huyệt Đốc-Tích.

Thám-tử cho biết thế địch. Tích tự lượng không thể nào chống nổi, phải rút quân đi trước về ngả Đông-Triều, Lục-Nam.

Trên đường rút quân, chợt vấp phải một toán quân Pháp khác, Đốc-Tích bắt buộc phải dàn trận giao chiến. Vì chiến-sự xảy ra bất thành linh và khí giới văn-minh thì ít, phần nhiều chỉ có giáo, mác, kiếm, Đốc-Tích thừa biết là đang đứng vào trong một tình-thế vô cùng gay-go và nguy-hiểm.

Quả nhiên sau một hồi giao tranh, quân Tích bị uy hiếp trong hai gọng kìm địch quân.

Chỉ còn một đường liều, dù cho có phải tan thân, Đốc-Tích hạ lệnh cho quân tướng mở huyết lộ để cố thoát ra ngoài.

Sau một tiếng hô vang như tiếng chuông đồng và một loạt súng bắn tới tấp sang quân Pháp, toàn quân Đốc-Tích lẫn sả tiến ngược luồng đạn của đối-phương. Trong lúc địch quân bối rối, họ đã thoát ra ngoài, nhưng biết bao nhiêu đồng-đội của họ đã ngã gục ngổn ngang, thân phơi chiến địa.

Ba-Găng, Đề-Hiệu, Lãnh-Bền đều bị quân Pháp bắt được trong trận này và họ đã đầu hàng.

Thất thế cùng đám tàn quân, Đốc-tích chạy miết thoát được vào rừng.

Vị lãnh-tụ đã bao nhiêu ngày ngang dọc, đêm nay cảm thấy một nỗi chua xót như bào xé tâm can ; cùng bộ-hạ ngồi quây quần nghỉ trong rừng sâu để cùng ôn lại những ngày thất bại vô cùng cay đắng vừa qua. Lâu nay, vẫn mang cái danh-nghĩa vì dân vì nước, Đốc-tích có quản gian-lao nguy-hiểm là gì đâu ! Đến cả cái chết ông cũng coi nhẹ nhàng lắm, nhưng giờ đây

chỉ còn vền vẹn một số tàn quân ! Biết bao nhiêu người đã cùng ông chiến đấu anh-dũng, họ là những tay, những chân ông, những tai, những mắt ông, thế mà hôm nay đã quy trước đạn thù. Những chiến-sĩ vô danh ấy chỉ còn để lại trong lòng Đốc-Tích, những thương tiếc và những nét ghi công.

Nơi thế giới bên kia, những ai mang uất hận !

Chốn rừng sâu Đốc-tích nấc lên những tiếng căm-thù và chua xót !

Nghỉ ngơi một lát, Đốc-tích lại cuốn tàn quân đi ! Nào biết đi đâu bây giờ ?

*

Tới Bắc-Giang, Đốc-tích vào yết kiến Lãnh-Giang. Ông này khuyên ông Tích nên hợp sức với ông Nguyễn-thiện-Thuật. Gặp lúc này ông Tích cũng không còn biết làm thế nào mà tự gây được thanh-thế lại. Tích gượng cười, nói rằng : « Việc nước là việc chung, dù tôi tự lập để kháng-địch hay về với Nguyễn Tướng-quân cũng vẫn một ý-nghĩa, một mục-đích. Xin vâng lời tiên-sinh chỉ giáo ».

Đốc-Tích nói xong, cười to cho lấp nổi cảm-động của mình.

Ở nán lại nghỉ-ngơi trong ít ngày, Đốc-tích lại kéo quân tìm đường về Bãi-Sậy. Đến huyện Thanh-Hà lại gặp phải một toán quân Pháp chen đánh cho một mẻ thất điên bát đảo. May có hai viên tướng lãnh Khoát, lãnh Nhàn, liều chết cầm cự ngăn địch nên Đốc-Tích mới thoát được. Hai viên tướng gan dạ này nấp dán mình vào gốc cây, bắn cho đến khi hết đạn thì mệt quá, và lúc ấy thì chủ tướng họ cũng thoát ra xa rồi. Nhàn và Khoát không còn đủ sức để sử dụng mã-tấu, cùng nằm lăn sóng-sượt ra gốc cây, hai mắt nhắm nghiền lại để chờ cái phút thân bị bằm vằm ra từng mảnh... cho tỏ rõ cái chí trung liệt của mình.

Đốc-Tích mang trong lòng những vết thương đau khổ. Một thất vọng chua cay đè ép lên tâm hồn ông. Cả một đạo quân hùng mạnh như vậy mà bây giờ tan-tác tơi-bời ; bao nhiêu bộ-tướng anh-dũng như vậy mà bây giờ kẻ chết người hàng. Đốc-tích buồn vô hạn và tự nghĩ : Ông Thuật với ông tuy cùng một chí-hướng nhưng bây giờ trở về Bãi-Sậy với cái lực-lượng hầu

tàn ; ông thấy gương ! Thế nhưng không còn đường gì khác nữa nếu một khi còn muốn đem thân mình đền nợ nước, hơn nữa, ông chúa Bã-Sậy kia vẫn đang được đời ca tụng là bậc anh hùng nghĩa-hiệp.

Nghĩ thế, ông quyết tâm tiến thẳng đường về Hưng-Yên để hội-kiến với nhà lãnh-tụ Cần-vương Nguyễn-thiện-Thuật. Và sau một đêm tương-kiến nồng nàn của hai nhà ái-quốc : Cùng tỏ bày với nhau những tâm-sự mình, Đốc-Tích lấy làm sung-sướng. Ông cho cuộc gặp gỡ ông chúa Bã-Sậy thực là thỏa lòng kỳ vọng bấy lâu. Ngọn lửa kháng chiến trong lòng ông dường tàn rụi lại được vun thêm củi khô lá rụng vào.

Ông Thuật quả là người tinh đời. Gặp Tích trong lúc thất-thế, nhưng cũng biết Tích là một viên thượng-tướng có tài, một tay lỗi-lạc, hứa hẹn nhiều trước phong-trào phục quốc. Bởi thế ông ân cần khuyên-giải Đốc-tích, lấy câu : « thắng bại là lẽ thường của con nhà võ ». Nhờ thế, những mầm hy-vọng của ngày mai rục rở lại nở huy-hoàng trong tâm-trí nhà lãnh tụ đất Hai-Sông.

Và, ít lâu sau, Đốc-Tích lại trở lại đất Hai-Sông ngang nhiên trong cái địa-vị chúa-tể một vùng.

*

Ông chúa Bã-Sậy đã có Đốc-Tích là một tay trí dũng, lại có Đốc-Quý thật là một tay có gan sắt đá.

Từ ngày ra cầm quân, Quý đã nhiều lần tỏ cái đảm-lược phi thường của mình. Tính nóng như lửa, Quý coi thường đối-phương, khinh thường cái chết. Khi cần phải giết một người mà Quý đã cho là cừu-nhân thì Quý lấy làm thú-vị, vui cười chứ không bao giờ rụt rè hay ái ngại cả. Nhiều khi, chỉ có một mình, mà Quý dám đứng lại chống với cả toán quân Pháp. Chỉ dùng mưu mẹo, Quý đã làm cho địch thất-diên bát-đảo về tài thiện-xạ của mình. Tiếng tăm Đốc-Quý khét cả một vùng. Đốc-Quý, Cầm-Quý hay Thạch-Quý cũng là một tên cả. Quân lính đối-phương có đông đảo và đủ khí-giới thì mới dám đương đầu với quân Quý chứ lực-lượng ngang hay kém hơn thì cứ là chạy dài. Không chạy cũng không xong vì tinh-thần chiến-đấu, nếu nghe

thấy danh Cấm-Quý, là tiêu tán cả ! Ai mà không in trong lòng là Quý có tài thần xuất quỷ nhập.

Cấm-Quý lúc nào cũng như lúc nào, hoạt-động vui vẻ, tự cho mình là người phải được mọi người tôn trọng vì Quý là viên tướng của Cần-Vương. Nhiệm vụ của Quý là phò Vua Hàm-Nghi chống Pháp, là cứu dân độ nước.

Tuy một đôi khi Quý vì thiếu quân lương phải lấy của nhân-dân, nhất là của các nhà giàu có trong hạt để chi dùng, nhưng Quý cho đó chẳng qua cũng chỉ là dùng vào công việc Quốc-gia mà thôi. Vì thế, hễ ai mà bảo Quý là giặc, là cướp thì giết được Quý giết ngay ; làng nào mang tin cho Pháp hay làm tiết-lộ cơ-mưu của Quý thì lập tức bị trừng phạt một cách ghê gớm để làm gương cho các làng khác. Quý hăng hái và quyết liệt lắm, nên chẳng ai còn dám trêu vào công cuộc của Quý nữa. Nay đánh đồn này, mai phá lũy khác, Quý chẳng bao giờ nghỉ-ngơi, chỉ lăm lăm lập chiến-công để gây thanh thế cho đoàn quân Bãi-Sậy.

Đồn Yên-Phong do viên quản Gaudel chỉ huy đóng gần ngay nơi đồn trú của Cấm-Quý. Gaudel tính cũng nóng-nảy dữ-tợn, đối đầu với Quý thì thực là kỳ-phùng địch-thủ ! Gặp nhau là quần nhau rất kinh khủng. Bao nhiêu trận giáp lá cà mà vẫn chưa bên nào chịu lép.

Có một hôm đôi bên giao chiến, Cấm-Quý cầm loa hô quân chiến-đấu. Đang say sưa trong thuốc súng luồng gươm, Quý bị Gaudel nhắm giữa đầu bắn. Nhanh mắt, Quý né đầu tránh thoát nhưng đạn sát thái-dương đứt một tai. Từ đấy, Cấm-Quý căm Gaudel lắm, nghĩ đến cái tai mất lúc nào thì lòng cứ sôi lên lúc ấy. Quý quyết phải trả thù, bảo quân lính rằng : « Hễ giáp chiến với lính đồn Yên-Phong thì phải bắt sống cho kỳ được viên quản Gaudel, bắt được cho ta hành tội ta sẽ thưởng cho 500 đồng, nếu chém hay bắn chết thì không có thưởng gì cả ».

Biết chủ-tướng thâm-thù viên quan Gaudel, quân Quý lúc nào cũng rình mò chỉ chờ dịp bắt sống viên quản dữ-tợn ấy.

Hôm ấy, mồng 2 tháng 12 năm 1888, mấy tên quân Quý đang đi công cán. Chợt trông thấy Gaudel cùng với đến 15 tên lính lĩnh lương từ tỉnh-ly

trở về. Bọn này vội nấp cả vào trong bụi rậm, thấp-thỏm chờ đến giờ bắt sống Gaudel ; họ hồi-hộp những mừng thầm cho chủ-tướng sắp được hả dạ cầm thù. Thế những 15 tên lính lực-lượng súng ống lăm lăm vây chung quanh bảo-vệ cho Gaudel thế kia thì bắt sống làm sao được.

Sáu tên lính của Quý nghiêng rặng, nín thở trong bụi bọ, mắt anh nào anh nấy trố trố đến nầy đom đóm nhìn xuyên qua các khe bụi rậm. Chúng toát mồ-hôi thềm thường miếng mồi ngon đang tiến lại gần, rồi đi qua, và... xa dần. Chúng tiu-nghiều lớp ngóp bò ra, chán nản nhìn nhau : Một người trong bọn bỏ dở cuộc công-cán trở về báo cho Cầm-Quý biết cái dịp vô cùng may mắn mà đành vừa bỏ qua. Nghe chuyện, Cầm-Quý bèn cao đoán : « Đồn Yên-Phong đã nhiều lần trong tháng này điều đứng vì bọn ta, hôm nay có lương, binh lính tất là chè chén phè phỡn ; Trời rét thế này mà rượu vào thì còn nghĩ gì tới đồn nữa ; Tối nay mà đánh úp tất bắt sống được Gaudel ».

Ai nấy náo-nức tán thành chủ-trương của chủ-tướng và chiều hôm ấy họ sửa-soạn để tối đến : vác súng cầm gươm ra đi.

Mưa dầm vẫn rả rích rơi ! Gió bắc thổi lạnh thấu xương ! Đốc-Quý cùng 60 tên quân dũng cảm gọn gàng và nhanh nhẹn trong những bộ quần áo đen biến vào trong đêm mù mịt của mùa đông mưa gió !

Vào khoảng đầu canh ba, binh lính đồn Yên Phong ngủ say mê mết. Chỉ có vài người canh gác lấy lệ nhưng cũng ngủ gà ngủ vịt cả rồi ! Cả đồn sực mùi rượu. Quý đem quân đi đêm đã tới sát đồn và đã sờ thấy hàng cọc tre nhọn đóng tua tua vây xung quanh. Giây thép gai bắt chéo từ cọc nọ sang cọc kia chằng chịt. Quý bèn sai quân cắt đứt mấy đoạn giây thép gai và nhổ một ít cọc để tạo thành một lối đi cho cứ hai người một. Quý cùng năm thủ-túc đứng chiến lối vào còn bao nhiêu dán mình xuống đất như đàn rắn tìm mồi, cứ nối đuôi nhau lọt cả vào trong đồn. Vào trong đồn rồi mà binh lính Gaudel vẫn say sưa trong giấc ngủ, trong men rượu. Trời tối đen như mực và mưa khuya càng lạnh giá. Quân Quý phải dò dẫm từng ly từng tý để nhận địa-thế. Chúng im lặng nhưng trong lòng anh nào cũng đều hăm hở xem Gaudel ngủ ở đâu để còn bắt sống. Quanh co mãi, đoán chỗ này, nghi chỗ nọ

mà vẫn chưa chắc-chắn viên quân đồn ngủ chỗ nào ! Chợt tiếng kèn báo động tự vòm gác xé tan cảnh lặng-lẽ của đồn đang chìm trong mưa gió đêm đông, và... àoàng, àoàng, mấy phát súng bắn tiếp theo.

Biết là bị bại lộ, quân Quý nắm sát xuống đất đê-phòng. Gaudel và binh lính trong đồn hoảng-hốt choàng dậy vừa vờ được súng được gươm thì quân Quý đã đứng trở dậy xông vào chĩa súng bắn tứ tung loạn xạ vào các phòng. Phần thì còn say, phần hoảng-sợ, binh lính trong đồn chẳng ai còn hồn vía mà chống cự nữa. Ai nấy cuống cuống chỉ lo lấy thoát thân mình. Súng trong tay nhưng cũng chẳng biết cò đâu mà bấm, địch đâu-mà nhắm. Cũng có một vài tên can-đảm cầm súng đi àoàng ít phát nhưng chẳng biết kết quả ra sao, chỉ thấy những đồng-đội bị trúng đạn gục xuống trong góc nhà, trên giường ngủ, ngoài hiên, góc sân, thực là kinh khủng ! Bỗng ở phía sau có tiếng hô quân của viên quân Gaudel, binh lính trong đồn thấy hơi vững tâm, chạy biến cả ra các nơi đã định từ trước. Một phút sau, tiếng súng của toán quân Gaudel nổ ran cầm cự. Quân Quý nghe tiếng hô của Gaudel, đổ xô lại, chẳng nghĩ gì đến những nòng súng vừa tỉnh hồn đang nhả đạn. Mấy tên này ngã gục, mấy tên khác xông tới, họ quyết hy-sinh làm tròn trách-nhiệm mà chủ-tướng đã phó thác.

Gaudel quả có tài võ dũng, tay gươm tay súng bắn trước chém sau như con cọp dữ nổi cơn điên, thực mạng chống cự một cách phi thường làm cho đối-phương toan bắt sống đều chùn tay.

Nếu định giết chết thì chỉ một phát súng là thành công, nhưng theo lệnh Cẩm-Quý là phải bắt sống Gaudel nên không tên quân nào dám bắn, nhằm nhằm đánh bay kiếm kẻ địch. May mà trời tối đen, chứ nếu có một chút ánh sáng thì Gaudel không thể nào thoát được. Lại nhờ lúc bọn quân Quý xô nhau vào bắt sống Gaudel, mấy người đội chinh bị được hàng ngũ và đã có thể chống cự vững vàng. Quân Quý phải quay ra bắn nhau với tội này. Tuy vậy, viên quân Gaudel vẫn bị hãm vào một chỗ, tính mạng khó mà toàn được.

Gần một tiếng đồng hồ, đạn nổ như pháo rang. Quý nóng lòng vì chưa thấy quân mình bắt Gaudel điếu ra, bèn dẫn năm tên quân tiến vào trợ chiến.

Bên trong, quân Quý đánh mãi vẫn chưa sao bắt được Gaudel, thấy chủ-tướng, chúng lại càng hăng tiết, lẫn sả vào chỉ những toan lập công đầu nhưng không thể nào thành công được vì thanh gươm trong tay Gaudel được sử dụng một cách linh diệu vô cùng. Một tên quân của Quý, nhờ vào ánh lửa đạn bật ra, phi thân nhanh như tên lao, dánh một báng súng vào trúng ngang cổ Gaudel. Viên này cố gắng chống đỡ được một chút tấn công của tên quân cảm-tử đó rồi một nhòai lao đao lẫn quay xuống đất ! Mấy tên lính và Quý đang lưu ý xem Gaudel đâu thì tụi lính khố-xanh đổ xô đến đâm chém loạn bậy và mấy tên vẫn đứng gần đấy đã lôi xác Gaudel ra sau đồn lẫn trốn.

Bỗng bên ngoài súng nổ âm âm, Quý biết là quân Pháp ở các đồn gần đây thấy súng nổ nhiều đã đến cứu viện : Quý không dám ham tìm kiếm xem Gaudel sống hay chết nữa, hô quân quay ra. Quân cứu viện vừa kéo tới, chưa hiểu tình-địch ra sao, đột nhiên bị quân Quý đánh bật ra vô cùng mãnh liệt, nên viên chỉ huy chùn lại chưa dám ra quân. Nhờ sự nghi hoặc thành do-dự đó, mà bọn Quý ra thoát, chỉ thiệt có mấy người. Khi đã biết đối-phương chẳng có mấy người, toán quân cứu viện bèn truy đuổi nhưng Quý cùng thủ-túc đã biến tằm trong đêm đông mù-mịt mưa gió rồi.

Đồn Yên-phong bị đại bại, trong ngoài ngổn-ngang những xác, nhưng may đồn không mất và tướng vẫn còn !

Gaudel thoát chết, từ nay cũng gờm Quý và không dám khinh thường như trước nữa.

Cái chí can trường của Đốc-Quý đã khiến cho viên Công-sứ Hải-Dương phải phục ; Viên chủ-tỉnh này muốn dụ Quý đầu hàng, bèn cho gọi viên quản Vincilioni vào dinh bàn soạn. Viên quản này vẫn là một người có nhiều thiện cảm với Đốc-Quý, nay được lệnh ông chủ-tỉnh, bèn cho người hẹn cùng Quý hội-kiến. Viên quản Vincilioni chắc mẫm trong lòng, thế nào cũng thành sự vì những hứa hẹn của chính-phủ Pháp mà ông sẽ đem nói cho Quý rõ. Nhưng sau buổi hội-kiến tại một địa-điểm do Quý chỉ định, viên quản người Pháp đã hoàn toàn thất bại trước những lời cương-trực của một người bạn trong hàng ngũ đối-phương : « Tôi tiếc đã phụ lòng ngài yêu mến, nhưng việc làm của tôi hiện giờ đâu có phải là cho tôi. Tôi hành động trên vì

nước vì Vua, dưới vì chủ-soái tôi. Lòng tôi đã quyết dù chết cũng không thay đổi ».

Thấy không thể nào dụ nổi Quý về hàng, Vincilioni thẹn thùng từ biệt Quý và hẹn có ngày tái-ngộ. Ngày ấy về sau không có nữa !

Đốc-Quý vẫn hoạt-động như thường.

XII

CHÚA Bã-Sậy thấy tướng tá quân đội trên dưới một lòng trung liệt, ông rất mừng cho tiền đồ xứ-sở.

Hôm ấy, ông đang cùng các tướng tá bàn việc quân, đặt kế hoạch đánh Hải-Dương, Bắc-Ninh thì từ ở ngoài mấy tên lính khiêng xác Lãn-Giang vào. Ông Thuật bị đột-ngột đau đớn, lịm hẩn người đi. Khi tỉnh dậy, ông ôm xác em, hai mắt trô trố nhìn nghi hoặc ! Đau đớn vì xót tình cốt nhục, mền tiếc vì mất một viên tướng anh-dũng, con chim bằng Bã-Sậy ruột gan như bào xé, nước mắt đau thương tràn rơi, khiến cho mọi người có mặt ở đó đều ngậm-ngùi sa lệ. Những phút yên-lặng não-nùng bi-đát chiếm cả mấy gian nhà, mọi người đều cúi đầu để cùng chủ tướng mang vết thương tâm.

Lãn-Giang là một người văn võ kiêm toàn, là một viên tướng chỉ huy có mưu lược lại có sức khỏe ít người sánh kịp. Ông đang hoạt động tại vùng Bắc-Ninh, chẳng biết có việc gì cần mà ông gấp rút đường về Hưng-Yên ; ông chỉ mang theo có 15 nghĩa-binh đi theo hộ-vệ.

Ông Giang ngay từ khi còn thiếu thời đã có cái sức khỏe ít người bì kịp. Một hôm, ông đi trên con đường độc đạo, chợt thấy một con ngựa dữ-tợn đang phi như biển tới trước mắt. Ngựa vừa phi tới nơi, ông Giang xuống tấn dùng sức đẩy hai tay vào cổ ngựa ? Ngựa đang chạy hăng bị chồn hẩn lại giờ hai vó trước lên. Ông Giang bồi thêm một cái đẩy mạnh nữa vào bụng ngựa làm cho ngựa mất thăng bằng lộn ngựa về đằng sau.

Thấy em có thần-lực và mưu-trí, văn đã hay, võ lại giỏi, ông Thuật trông ở em rất nhiều hy-vọng. Trong khi cầm quân chống Pháp, ông Giang thường dùng mưu để thắng địch và giữ gìn lực-lượng đỡ hao-hụt.

Có một lần, Giang cùng 20 bộ-hạ bị quân Pháp vây trên một cái đồi cao rộng có cỏ gianh và lau mọc ùm-tùm.

Quân Pháp nhìn lên đồi chỉ thấy cây cỏ xanh rì, trái lại, bọn Giang ẩn nấp ở trên nhìn xuống rõ mồn-một đối-phương. Đạn từ trên bắn xuống phần

nhieu là trúng đích và một viên trúng giữa mặt người đội Pháp lăn chết dưới chân ngựa. Bọn lính vây đồi cảm tức quá, bèn đốt lau khô ở chân đồi cho cháy bốc men lên ; chúng yên chí là đối-phương sẽ chết cháy hết và nếu có tên nào chạy ra thì cũng khó thoát được những mũi súng từ dưới ngấm lên. Giang thấy quân Pháp dùng hoả-công, lo lắng lắm, tưởng đến bị tiêu diệt. Nhưng viên tướng trẻ tuổi mưu-lược ấy đã cấp-trí nghĩ ngay ra một chước tài tình khiến cho ngọn lửa nguy-hại kia biến thành một chiến lũy tạm thời vô cùng vững chắc. Giang liền cho quân cũng đốt một đám lau giữa quãng đồi cuối gió cho cỏ gianh và lau cháy trụi hẳn đi một khoảng rộng. Lũ quân Giang ẩn cả vào một phía chưa cháy ở đầu ngọn gió. Lửa trên đồi cao, nhờ sức gió cháy lem-lém xuống đồi và gặp lửa bên dưới cháy lên ở lưng chừng thành thử không thể lan lên mặt đồi được nữa.

Lũ quân Giang ung-dung bò ra chỗ lau cháy lúc đầu, khi ấy gió thổi tàn than nguội lửa, ngấm bắn xuống chẳng sai một phát nào.

Bọn lính vây đồi toan trèo lên nhưng bức thành lửa vẫn âm-ỷ cháy lưng chừng đồi và đạn từ trên vẫn thưa thớt bắn xuống tủa dần, nên số quân vây đồi bị hao hụt khá nhiều. Thấy quân Giang đang ở thế lợi, quân Pháp đành phải rút đi... Và, đêm đến, Lãnh-Giang cùng thủ hạ hoàn toàn vô sự xuống núi đây về kiêu hùng trở về sào-huyệt.

Dũng mãnh là như vậy, tài trí là như vậy. Thế mà lần này, chỉ một trận tầm thường khiến hùm thiêng bị sa cơ trúng đạn.

Cái hôm mà ông Giang cùng bộ-hạ gấp đường về Hưng-Yên, đến Yên-Nhân thì trời vừa sâm sẫm tối. Ông cùng 15 bộ-hạ vào một ngôi chùa để nghỉ ngơi. Một lúc sau, chợt thấy toán quân tuần-tiểu của viên đội Philippi kéo qua. Giang lập tức bố-trí quân bốn mặt chùa chờ đối phó.

Đoàng ! Đoàng ! Mấy tên lính đi đầu của toán quân Philippi thành linh bị tấn công trúng đạn lăn ra chết. Viên đội chỉ huy hô quân nấp vào các ngôi mộ ở vệ đường, nã súng vào chùa. Đôi bên bắn nhau ráo riết ! Nửa giờ sau lại có hai toán quân của hai viên quan Soler và Samaran kéo tới. Ba toán quân Pháp hợp lực bố vây và bắn vào chùa tới-tấp như mưa.

Ông Giang thấy lâm vào tình-thế vô cùng nguy-hiêm, chưa tính được mưu gì để thoát ra ngoài vòng vây thì ông bỗng hét lớn một tiếng rồi ngã gục xuống : một viên đạn đã xuyên qua ngực, ông lăn ra chết ngay ! Những thủ-hạ của ông còn sống-sót ôm xác chủ chạy ra phía sau chùa, may trốn vào làng xóm thoát được. Họ lần-mò suốt đêm và thẳng buổi ngày hôm sau mới về tới Bã-Sậy.

Ông Thuật chôn táng em xong, lập tức họp các chư-tướng, bàn định mưu-kế đánh báo-thù. Những tiếng tán đồng vang dậy trong cấm thù, mọi người, ai nấy đều nguyện quyết ra tay cho thoả vong linh người đã khuất.

*

Ông Thuật vừa được tin báo Tổng-đốc Hoàng-cao-Khải tự mang đại quân có cả viên quản Ney và một số lính Pháp theo hộ-vệ từ Hải-Dương kéo ra. Mục-đích cuộc hành quân rộng lớn này là trừng-phạt những làng nào đã chứa-chấp và đồn lương cho quân-đội Bã-Sậy.

Lúc này nhân-dân đã trải qua nhiều cơn lửa đạn. Họ đã quen, không xấu-mếu như trước quá nữa ! Họ âm-thầm bỏ nhà, mặc xác tất cả trâu bò, lợn gà, thóc lúa, bông-bể nhau lang-thang đi. Đi mãi, cho đến khi yên lại trở về. Mất sạch, tan hết, họ lại kiên-tâm, cặm cùi gậy dựng lại cơ-đồ. Họ vui với câu : « Còn người còn cửa ».

Đạo quân tuần-tiểu của Hoàng Tổng-đốc vừa kéo quân ở một làng thuộc huyện Mỹ-Hào tiến ra. Thấy đồng lúa tốt đã chín, như một chiếc thảm vàng, rộng bát-ngát. Cái cảnh ngoạn-mục và thơm-tho đã khiến ông Hoàng-cao-Khải dừng quân giữa đường để ngắm những bông lúa nặng trĩu, rung-rinh trước gió. Thấy cánh đồng đông-đào thợ gặt, ông liền phái mấy tên lính xuống hỏi : « Gặt cho nhà hay gặt thuê mà làm vội-vàng và đông thợ như vậy ? »

Bọn thợ gặt trả lời : « Chúng tôi gặt cho nhà, phải làm kíp như thế này là vì người ta đồn giặc sắp kéo đến. Sợ lúa chín chúng gặt mất hết thành phải gặt non, gặt chạy đi ».

- Cánh đồng này là cánh đồng gì thế các bác ?

- Thừa các thầy, đây là Sai-Trang, thuộc về Liêu-Trung.

- Thợ gặt, người làng hay người lạ mà đông thế ?

- Ấy tuyền người làng cả đấy, chẳng còn mấy người ở nhà, ra cả đồng, người người góp vào một chân một tay cho chóng xong. Dem về đến nhà cũng còn lo lắng các thầy ạ ! Chẳng biết nó có để cho mà ăn không !

Những người lính trở lên, bậm lại những lời đó với Hoàng Tổng-đốc. Ông này cho gọi một số thợ gặt lên mà truyền rằng : « Các người cứ yên-chí mà gặt hái ; giặc giã đã có quân chính-phủ trừng phạt, chớ có gặt non, gặt vội mà phí-phạm của trời. Các người nhắc lại cho cả bọn biết : chính-phủ Pháp, Nam sẽ che-chở cho nhân dân an-cư lạc-nghiệp, cứ thông-thả mà thu-hoạch mùa-màng. Quân Chính-phủ còn tuần-tiểu lâu tại vùng này, giặc cướp sẽ bị bắt và chém đầu hết... »

Các người nghe hiểu chưa ? Thôi, ta cho xuống gặt và bảo cho mọi người hiểu như vậy.

Mấy người thợ gặt vái dài rón-rén bước ra.

Và Hoàng Tổng-đốc sau khi phủ-dụ bọn thợ gặt, lại cắt tới 40 người lính vừa gia-nhân xuống đồng, bó, lượm giúp dân. Ông muốn tỏ cho hết cái đức-độ của một vị thượng-quan với nhân-dân ! Mấy hôm nay, đi tới đâu cũng vắng tanh vắng ngắt. Lúc này gặp thấy lũ dân của mình là gặp chúng trong lúc chúng đang lo sợ giặc đến, ông thấy rằng rất cần phải tỏ cái lòng thương dân của mình ra cho chúng trông thấy. Vì vậy, ông rất vui-vẻ đốc-thúc người nhà xuống gặt giúp và ông tung-tăng đi lại trên đường ra chiều hớn-hở lắm. Tuy thế, chung quanh ông, viên quản Ney và mấy chục lính hộ-vệ vẫn không rời con người đại-dụng ấy.

Tất cả mọi người lúc này thản-nhiên trong bầu không-khí thơm mùi lúa. Lũ thợ gặt đông-đảo cứ xoèn-xoẹt cắt lúa đã tiến vào gần đường. Họ thì-thào chuyện-trò vui-vẻ, xa xa tiếng hát ngân-nga của mấy cô cắt rạ càng làm cho đồng-quê thắm-tươi trong ý-vị.

Bỗng có một tiếng nổ vang trời !

Nhanh như cắt, bọn thợ gặt nhất-tề rút khí-giới, hạ-sát ngay bọn gia-nhân và binh-lính đương lượm lúa ! Quân Bã-Sậy bố-trí ở các làng gần đó, ò-ạt kéo ra đông như kiến ! hăng-hái như hùm beo ! Họ nã súng như mưa vào đội quân tuần-tiểu.

Hai bên bắn nhau chừng mười phút thì quân Thuật xung-phong đánh giáp lá-cà : dao, kiếm lia đến đâu máu chảy chan-hoà đến đó : thực là một cuộc chém giết kinh-khủng.

Quân Hoàng-cao-Khải bị đánh úp bất thành lình, nhất là toán thợ gặt giã ập vào, không còn biết chạy đường nào nên đã bị thiệt-hại quá nặng-nề. May mà có viên quản Ney và một số binh lính Pháp gan dạ chinh-đốn dần dần được hàng-ngũ để bảo-vệ cho Hoàng-cao-Khải rút lui, nếu không thì mạng ông khó mà toàn được trong trận này. Những binh lính khác của viên quản Ney mất hết cả tinh-thần chiến-đấu, chỉ nhắm nhắm chực tháo chạy lấy thoát thân, vì thế, ý định phản-công ngay lại trận này của ông Ney không thành, cứ đành phải rút lui hoài. Quân Bã-Sậy không chịu buông, cứ bám sát, khí-thế rất là hăng. Quản Ney cùng một số lính còn can-đảm phải liều chết đứng lại chiến-đấu để Hoàng-cao-Khải có đủ thì giờ chạy về Mỹ-Hào.

Nấp ở sau gốc cây, Đê-Vinh nhìn rõ mấy người mặc nam-phục đang vội-vàng bước giữa toán quân nhốn-nháo, đoán chắc là ở đó có Hoàng-cao-Khải. Nhà thiện xạ ngắm súng bắn ngay, viên đạn đã buông nòng xuyên trúng gáy một người ngã chúi xuống ; người ấy lại không phải là Hoàng Tổng-đốc mà là viên Thương-tá theo sau họ Hoàng.

Quân Thuật đã đông lại quyết-chí báo-thù, nên đánh vô cùng hăng-hái. Nhất là trận này chủ-tướng xuất trận, cho nên tướng-tá, quân-đội ai cũng nức lòng phấn-đấu.

Viên quản Ney cầm quân kháng-cự được một lúc thì bị trong vòng vây vững chắc của đối-phương. Và, nhanh như biến, đội quân cảm-tử của Đê-Vinh đã dùng dao-khiên lẩn tít vào bắt sống được Ney và mấy viên đội. Binh lính mất tướng xé ra tháo chạy, may ai thì thoát.

Sau khi hành hình viên quản Ney và mấy viên đội, ông Thuật vẫn chưa hả dạ căm thù. Ông kéo quân truy đuổi Hoàng-cao-Khải mãi về tận Mỹ-Hào rồi chia quân tứ phía đánh vào. Đồn Mỹ-Hào lúc này thực là lâm vào một tình-trạng vô cùng nguy-khốn. Đạn bên ngoài tới tấp như trút muôn nghìn hần-học khiến cho lực-lượng bên trong nao núng.

Ông Hoàng-cao-Khải xám mặt ; các tùy-tòng người nào cũng run như cầy sấy ; binh lính giữ đồn cứ dần dần bị hao hụt bởi những viên đạn xuyên khoai. Chỉ còn giờ phút thì địch quân sẽ phá tan đồn và bao nhiêu sinh linh sẽ là ma không đầu ! Một tuyệt vọng kinh hoàng tràn ngập chuyển từ người này sang người khác. Binh-lính của Hoàng-cao-Khải và cả những người Pháp mất hết tinh-thần chiến-đấu, chỉ còn vài ba tiếng súng thừa thớt cầm cự chẳng khác gì hơi thở thoi thóp của một bệnh nhân hấp-hối !

Trong lúc đồn Yên-Mỹ chờ phút bị san phẳng, binh lính Pháp và khố-xanh đóng ở đồn Di-Sử và các đồn lẻ kéo lực tực tới ! Tiếng súng cứu viện nổ vang trời như thổi một luồng sinh khí vào lỗ người tuyệt vọng đang chờ chết. Mọi người lao nhao lên, rồi lại, nào súng, nào dao lăm lăm chờ lệnh !

Hoàng-cao-Khải lúc này nhăn-nhó, uế-oải bao nhiêu thì bây giờ hớn hở và hăng hái bấy nhiêu ; ông ra lệnh cho các cấp chỉ huy chinh-đốn binh ngũ, nhất tề mở cửa đồn đánh ra.

Trong đánh ra, ngoài đánh vào, quân Thuật đang uy hiếp bỗng thành núng thế. Tự biết không thể nào chống cự được với toán quân mới đến còn sung sức, ông Thuật ra lệnh vừa đánh vừa rút lui rất nhanh về các ngả. Lực lượng không bị suy-xuyễn mấy, tuy quân đội đã quá mệt mỏi về chinh chiến suốt một ngày.

XIII

CHỖ nào cũng có quân Bãi-Sậy đóng. Thanh-thế ông Nguyễn-thiện-Thuật càng ngày càng lừng lẫy. Sự-nghiệp của ông đang mang nhiều triển vọng.

Thế nhưng, hôm nay một tin đau thương ở phương trời xa bay lại ! Trên từ thống-soái, dưới đến các hàng tướng tá cùng binh lính ai cũng bị ám ảnh trong một thất vọng thương tâm !

Đó là tin Vua Hàm-Nghi đã sa vào lưới quân Pháp.

Một đêm trong tuần trăng, gió nam hiu-hắt thổi tan dần khí nắng oi-ả của một ngày hè còn vương lại.

Thống-soái Nguyễn-thiện-Thuật cùng các cựu thần rưng rưng nhỏ lệ ! Ai nấy im lặng nhìn về phía trời xa và cũng mừng tượng thấy một cảnh đau lòng : Một vị Hoàng-đế còn đầu là ngai vàng bệ ngọc, hai tay bị trói chặt và long nhan sạm lại giữa đám người không quen biết.

Tin nhà vua lâm nạn này lan đi khắp nơi như một trận mưa lạnh quá phủ-phàng tưới lên ngọn lửa sĩ-khí đương cháy bùng. Biết bao nhiêu người nén bụng thở dài !

Ông Thuật tím gan nhìn xem thời cuộc. Ông ngẫm nghĩ « Bao nhiêu cựu thần, bao nhiêu nhà nho từ trước tới nay lẫn lừng vào việc nước với cái nghĩa « trung quân ». Đến nay Vua đã bị bắt rồi ! Chẳng biết cái thù mất Vua có ai nghĩ tới không ? Hay rồi đây nóng lạnh bất thường, người ta sẽ bất trung để mà trung với nhà vua vừa kể vị ! »

Lệ rơi nhiều ! Lòng càng tê tái ! Chính ngay nhà lãnh-tụ Bãi-Sậy lúc này cũng ngao ngán vì trông về tương-lai đất nước thấy quá mịt-mù !

Đêm hôm ấy, ông không ngủ ; bao nhiêu nỗi băn khoăn bức-bội dồn cả lên đôi mắt đượm buồn. Ông ôn lại những lời của một vị cựu thần từ Quế-Sơn về. Ông này đã rành mạch kể lại cái buổi chiều của Thiên-tử ở Quảng-Bình : « Ngày thành mất, nhà tan, Vua Hàm-Nghi cùng một số văn-võ tòng-

vong, đem thân đi trốn. Nhiều khi vua tôi khóc lóc với nhau, cái kiếp lênh-đênh cực khổ không có bút nào tả cho hết ».

Thoạt tiên ra đi thì các bề-tôi cùng các kẻ hầu-hạ cũng còn kha khá, nhưng sau họ bỏ dần. Thói đời nóng lạnh không biết đâu mà lường được. Sau cùng chỉ còn có ba cha con ông Tôn-thất-Thuyết, Chương-Vệ, Trần-xuân-Soạn cùng mấy tên quân hầu-cận.

Thôi thì ăn chẳng được no. bữa cơm bữa cháo, ngủ chẳng được yên, lúc chỗ này khi chỗ khác, thực là trăm đắng nghìn cay của cái kiếp lá ngọc cành vàng chìm đắm trong bùn như nước đọng. Quân Pháp có để cho yên đâu, tung ra rất nhiều binh lính để truy tầm nã bắt, thành thử, chẳng mấy ngày là không phải chạy. Ông Thuyết đưa Ngài chạy miết lên mãi Voi-Tấn thuộc tỉnh Quảng-Bình, giáp-giới xứ Ai-Lao. Nơi biên-cương này là đất dân Mọi ở có Trương-Quảng-Ngọc làm Thổ-tù.

Ngài nương-náu ở đây tưởng được yên thân, thế nhưng, cái cảnh quạnh-hiu của núi rừng đất Mọi lại càng làm cho lòng Thiên-tử nặng trĩu sầu nghiêng ngửa của giang-sơn gấm vóc. Ngài chỉ còn chút hy-vọng là trông vào sĩ-khí quốc-dân và các cựu-thần đang gánh vác công-nghiệp cần-vương.

Nhà vua ở đây đã được yên, ông Thuyết sang Tàu cầu cứu (Sau ông chết già ở quê người).

Nơi Vua Hàm-Nghi ty-nạn là làng Khê-ta-Bao, thuộc châu Tuyên-Hóa, Quảng-Bình. Ngài ở nhà Trương-quang-Ngọc, có Tôn-thất-Thiếp hầu bên.

Mỗi phú-quý, bả vinh-hoa đã làm cho Ngọc tán-tận lương-tâm, cam lòng đi vào kiếp phản nước hại Vua. Y cùng đồng đảng là Nguyễn-đình-Thanh lặn-lội đi tìm toán quân Đại-tá Boulangier. Toán quân này đã tốn bao công sức trong sáu bảy tháng trời tầm-nã Vua Hàm-Nghi mà vẫn chưa dò ra tăm-tích. Lần này toán quân đó đã thành công một cách dễ-dàng không ngờ !

Vào hồi 7 giờ tối, Ngọc và Thanh ¹ hướng dẫn đội quân Boulangier vào Khê-ta-Bao vây bắt Vua Hàm-Nghi. Nhà vua lúc ấy đương cùng mấy tùy-tòng nằm gối đầu lên kiếm lim dim ngủ, thấy động, vùng cả dậy. Quân Pháp

nhảy xô vào nắm chặt lấy tay Ngài. Vua Hàm Nghi cảm giận không nhìn chi đến người Pháp, Ngài ngoái ra mắng tên phản-bội Trương-quang-Ngọc : « Thăng Ngọc mày giết tao đi, còn hơn đem tao nộp cho Tây ! »

Tôn-thất-Thiệp thấy sự thế hỏng mất rồi, bèn rút kiếm thét lớn nhảy lại toan giải cứu Vua nhưng một phát đạn tự tay viên quan binh Pháp nhắm đúng đầu bắn Thiệp chết ngay.²

Ngày trời thảm đất sầu ấy là ngày 26 tháng 6 năm Mậu-Tý (1888).

Ít lâu sau, ông Thuật lại được tin Vua Hàm-Nghi đã bị đày sang xứ Algérie bên Phi-Châu.

Thế là xong, giang sơn từ nay lấy ai là người giữ mỗi cương-thường ! Con chim bằng Bã-Sậy xù lông rũ cánh, phóng tầm mắt ra phía trời xa tít, lòng như héo khô nghĩ tới con tàu lênh đênh mặt biển cả, từ từ biến vào thăm thẳm của trùng-dương. Chắc Vua Hàm-Nghi lúc này cũng ngoảnh về cố-hương, nghĩ tới cảnh ngả nghiêng mà bao nhiêu sĩ-khí đang chung vai góp cật theo đuổi chí-khí của Ngài, nhưng Ngài tuyệt vọng : khó mà vá được mảnh dư-đồ hầu tan nát !

*

Quả như lời nhà lãnh tụ cần-vương Nguyễn-thiện-Thuật lo ngại và đã đoán từ trước : Tin Vua Hàm-Nghi bị bắt, bị đi đày đã làm cho tất cả hoạt-động của phong-trào cần-vương sứt xuống. Các thủ-lĩnh các nơi đều ngã lòng.

Tôn-thất-Đạm đang cầm quân ở Hà-Tĩnh hay tin Vua bị bắt, anh bị giết liền họp tướng-tá và quân lại. Viên tướng mới 22 tuổi đầu ấy đã chiến-đấu nhiều trận vô cùng anh-dũng, hôm nay đã khuyên tướng-sĩ trong nước mắt dàn dựa tuyệt vọng : « Ai nấy nên về quê quán làm ăn, đừng nên ra giúp quân địch. Địch có hỏi ta đâu thì bảo họ vào rừng mà tìm lấy mả ta ».

Rồi Đạm viết hai bức thư tuyệt-mệnh, lời lẽ rất hùng-hồn bi-tráng : một cho Vua Hàm-Nghi, một cho Đại-tá Dabat.

Xong Đạm thắt cổ chết, giữ lấy khí-tiết trung-liệt của mình.

Ở ngay Bãi-Sậy, cũng có một số cựu-thần ngã lòng thoái chí bỏ đi. Người về quê quán làm ăn, người ra đầu hàng người Pháp cho yên thân.

Cả một phong-trào mạnh mẽ như thế, nay chỉ có một người bị bắt mà cục-diện xoay chiều nhanh chóng một cách thảm thương như vậy. Nhất là người ấy nào phải đánh đông, dẹp bắc mà chỉ ẩn-náu ở một nơi hẻo lánh hoang vu.

Tuy thế, ông Nguyễn-thiện-Thuật và em là Hai-Kế cùng một số tướng-tá nhất định không phục quân địch.

Cuộc binh đao vẫn tiếp diễn.

XIV

THẾ-LỰC người Pháp đã ăn sâu rễ trên mảnh đất Việt-Nam ! Biết bao nhiêu làng đã qui thuận ! Biết bao nhiêu người đã theo và đã là những lưỡi dao sắc nhọn để đàn áp và trừ diệt phong-trào nghĩa-cử.

Quân Pháp, quân Tổng-đốc, quân Tri-phủ, Tri-huyện đóng san-sát khắp nơi. Ông Thuật nhiều lúc đã rối trí vì nhân tâm sĩ-khí xuống một cách không ngờ. Biết rằng thế nào cũng có hồi đối-phương sẽ kéo đại quân đánh. Ông chúa Bãi-Sậy đề phòng ráo-riết và cấp-tốc lấy quân-đội các nơi về phòng-thủ sào-huyệt. Lưu-Kỳ ở Lục-Nam và Đốc-Tích ở Hai-Sông, Hải-Dương được lệnh, vội cử quân về để cùng họp với chủ-lực-quân giữ-gìn Bãi-Sậy.

Quả nhiên, sau đó ít lâu, quân Pháp và quân Hoàng-cao-Khải từ hai ba mặt tiến tới, quyết trả thù trận đại bại ở Liêu-Trung. Được tin này, quân tướng Bãi-Sậy ra quân bài binh bố trận chặn đón các ngả, chờ đối-phương kéo đến. Rất nhiều làng đang yên tĩnh bỗng biến-đổi : chi chít những hào sâu và bao bọc những bờ lũy thêm dày. Dân chúng lại bỏ nhà cửa ra đi để nhường làng mình lại cho quân Bãi-Sậy muốn làm gì thì làm.

Giao tranh chỉ còn chờ trong giây phút !

Mọi người chờ đợi một cuộc chém giết và cái cảnh núi xương sông máu đã mờ mờ hiện ra trong trí-tưởng khiến ai nấy phải rùng mình.

Tiếng súng mở màn cho trận quyết-liệt này nổ tại Đông-Nhu.

Quân Pháp khởi thế công trước, bắn súng luôn trong bốn tiếng đồng hồ, khói đạn mù mịt cả một vùng ; nhưng hễ cứ tiến lên thì lập tức bị quân Bãi-Sậy nấp ở dưới hào sâu hay trong lũy rậm bắn gục ngay hàng tiền đạo.

Đánh nhau nửa ngày, đôi bên vẫn giữ vững vị trí, chưa phân thắng bại. Đốc-Cọp – viên mãnh tướng của ông Thuật mang ấn tiên phong bèn tách đôi quân của mình ra làm hai đi tắt đường vòng ra phía sau và phía sườn, đánh thốc vào quân Pháp. Đại quân ông Thuật cũng vừa kéo tới. Bốn bề đánh ập lại như vũ bão. Đạn vèo vèo như mưa, bay ngang tạt dọc. Quân Pháp bị thiệt

hại nặng nề và quân Thuật cũng chết khá nhiều. Sức tấn công của quân đội Bã-Sậy quá hùng mạnh và liêu lĩnh. Hai viên quân Legléc và Aubert bị trọng thương không thể cầm quân được nữa và cứ phải rút lui dần. Thừa thế, quân Thuật đánh tràn lên làm cho quân Pháp tan nát hết hàng ngũ, chạy thục mạng từng tốp một về các đồn, để lại bãi chiến-trường ngổn ngang xác chết. Thừa cơ trúc chẻ ngôi tan, quân Bã-Sậy chia ra khắp ngả tiến đuổi và sau cùng bổ vây khắp các đồn công phá.

Tiếng hò reo dậy đất, tiếng súng nổ vang trời. Tình trạng nhiều đồn Pháp và lính khố-xanh thật là nguy ngập, chỉ còn giờ phút sẽ lọt cả vào tay quân Bã-Sậy mất ! Khắp tỉnh Hưng-Yên và một phần tỉnh Hải-Dương chỗ nào cũng súng nổ gươm reo !

Giữa lúc sức cầm cự của các đồn bắt đầu yếu ớt thì binh lính Pháp và khố-xanh các nơi được tin báo nguy cấp từ sớm, giờ đã lục tục gấp đường kéo tới đông như kiến cỏ. Những đội quân hùng mạnh lại võ trang đầy đủ này đi tới đâu giải nguy tới đó. Quân Thuật không thể nào chịu đựng được trước từng loạt súng quá mãnh liệt, phải rút lui cả về Vũ-Xá rồi chia các ngả canh phòng. Vào khoảng nửa đêm, quân Pháp và lính khố-xanh ùn ùn tới vây kín làng, nã súng to súng nhỏ vào như vũ bão. Những luồng đạn ánh lửa đỏ lòe, cài nhau trên không như chớp giạt. Thực là một cảnh rừng rợn của đêm khuya. Quân Thuật bị thiệt hại nhiều và cũng đã mấy lần toan chọc thủng phòng tuyến đối-phương để thoát ra ngoài nhưng vòng vây chặt và vững chắc lắm. Những gốc cây, những bờ ao, khe rãnh, những tường đất đều là những nơi mà quân Bã-Sậy nằm sát mình xuống để tránh những viên đạn đại-bác từ ngoài rót vào rất lợi hại và kinh khủng.

Thế nguy ngập lắm rồi ! Nếu không liêu thì toàn đội đến bị tiêu diệt. Ông Thuật phải đánh một nước cờ cuối cùng là hạ lệnh cho hai tướng tâm phúc của ông là Lãnh-Hạ và Lãnh-Chiếu mở huyết lộ thoát ra.

Một trận giáp lá cà kịch liệt ! Tiếng gươm đao sang sảng nghe rùng mình sồn gáy. Hạ và Chiếu xông pha trong đám thiên binh, nhanh nhẹn và oanh liệt lạ thường. Quân Pháp tự nhiên thấy quân Thuật lăn xả vào đánh một cách ồ-ạt và liêu-lĩnh lạ lùng, không hiểu ra sao ! Chùn lại trước cái đòn

liều không sợ chết của đối-phương, dần dần hàng ngũ quân Pháp đâm rối loạn. Nhờ thế, ông Thuật đem đại quân lọt ra ngoài được tuy có bị hao hụt ít nhiều. Lãnh-Hạ, Lãnh-Chiếu bị hãm trong trận chưa vượt ra ngoài được. Hai hổ tướng vung kiếm khua đao như muôn nghìn mớ hào quang giữa đám rừng gươm mưa đạn. Ông Thuật đã đem quân ra thoát rồi nhưng không thấy hai toán quân Lãnh-Chiếu và Lãnh-Hạ đâu, ông bèn quay quân trở lại toan giải vây cứu nguy, nhưng hai tướng tâm phúc của ông đã bị cùng với một số quân tinh nhuệ gục ngã trước chiến trường rồi !

Quân Pháp bám sát đuổi quân Bã-Sậy, súng nhón súng bé thi nhau nhả đạn âm âm. Tự biết nếu đóng quân lại cầm cự với rừng gươm súng ấy thì tất nhiên bị hại mất, ông Thuật gấp rút kéo tàn quân về cả Bã-Sậy và cố thủ ở sào-huyệt này...

XV

BÃI-SẬY một cạm bẫy vô cùng nguy-hiểm đã mờ mờ hiện ra sau làn sương mỏng. Một lo âu bỗng nhiên lại lan tràn khắp hàng tướng-tá của một đoàn quân vừa thắng trận.

« Biết mình biết người trăm trận đánh trăm trận được », Hoàng-cao-Khải ngồi một mình trong doanh trại ngẫm nghĩ như vậy. Ông sang bên trại bên để hội kiến cùng với các võ quan Pháp để định lại kế-hoạch phá Bãi-Sậy.

Kết quả của cuộc hội kiến này tổng quát như sau : « Hãy tạm để nguyên cho Bãi-Sậy im lìm với khung cảnh âm-u bí-mật của nó. Quân lính Pháp – Nam chỉ bố trí ở các miền lân cận để hiểu rõ Bãi-Sậy thêm và ngăn ngừa không cho chúng hoạt-động rộng ra ngoài hay liên-lạc với các nơi được. Đồng thời cất quân tổng phá các nơi để trừ diệt hết vây cánh của Bãi-Sậy. Khi ấy, tất nhiên Nguyễn-thiện-Thuận không tài nào còn đứng vững được ».

Kế-hoạch này đã được người Pháp biểu đồng tình và được thi hành tức khắc.

*

Khi bấy giờ, Hoàng-Cao-Khải, vì đã có nhiều công lao và được tín nhiệm lắm trong công cuộc đặt nền bảo-hộ của người Pháp trên xứ này, nên đã được cất lên giữ chức Khâm-sai xứ Bắc.

Chức đã cao, quyền đã lớn, chẳng lẽ có mấy nhà nho gàn cứ để cho nho nhoe mãi trong công cuộc phục quốc kia sao ; ông Tân Khâm-sai quyết phen này phải làm cho tỏ rõ cái tài trí của mình.

Khi ấy, ông Parreau giữ chức Thống-sứ xứ Bắc là người rất kính nể ông Tân Khâm-sai. Sau cuộc hội-kiến thân-mật ở tư thất ông Parreau, ông này đồng ý cấp thêm cho đạo quân của Hoàng-cao-Khải 1000 quân nữa và một số khí-giới đạn dược đầy đủ.

Tiếng súng đã thưa thớt nổ trong hơn một tháng nay, bây giờ Hoàng Khâm-sai cùng với hai ông Giám-binh Blanchard và Laune lại mở những trận tấn công ồ-ạt vào các vị trí đối-phương.

Cù-lao Hai-Sông, sào-huyệt của Đốc-Tích bất thành lính bị súng từ tứ phía nã vào như mưa. Nhà cửa ở các làng Niêm-Sơn, Phát-Cơ, Viết-Sơn, Cao-Từ theo nhau đổ sụp vì những viên đại-bác rớt tới tấp vào. Cứ sau một loạt súng, quân lính họ Hoàng lại tiến vào. Tiếng súng cầm cự của quân Tích lúc đầu cũng rất hăng hái, nhưng sau dần dần núng thế và thưa dần. Tích rút quân vào rặng núi Trại-Sơn và Dũng-Lai, các thuyền lương bị bọn lính khố-xanh chặn lối trên sông Yên-Lưu cướp mất cả. Quân Tích đóng trong các khe núi bắn tỉa dần ngăn không cho đối-phương tiến. Hai ông Giám-binh phải hô quân lùi lại, rồi cho càn phu trong các làng lân cận bắt đào hào đắp ụ. Quân Pháp đặt đại-bác ở các ụ và ẩn nấp ở các hào sâu, bắn phá các trái núi trước mặt ròn rã hơn một ngày trời. Tiếng súng nổ nhiều quá làm cho cây cối trên núi cành lá tươi rời và quân đội của Tích cũng không còn có lấy phút nghỉ ngơi.

Sáng hôm sau, trời vừa sáng rõ thì toán quân Blanchard xung phong lên núi ; tiếp theo sau là một đội lính khố-xanh. Cuộc săn đuổi từ đồi này sang đồi khác, từ khe núi này sang khe núi kia đã diễn ra một cách rất gay go và khùng-khiếp. Lãn-Bai trong trận này đã chiến đấu một cách vô cùng đảm lược. Toán quân xung phong mãnh liệt của đối-phương không sao vượt thoát được những luồng đạn của Bái và của các đội-viên dưới quyền. Nhờ thế mà Lãn-Quý, Lãn-Văn, Lãn-Ý, cùng với Tích và Lăng rút được cả quân lẫn vào rặng núi Phát-Cơ. Bái chỉ huy gan dạ vô cùng, đối-phương đã tiến sát đông như kiến cỏ mà tiếng hô quân của Bái vẫn nguyên oang oang vang dội giữa ba quân.

Trong khi Bái say sưa hạ gục những tên lính đối-phương đang bò lên thì bỗng một phát đạn từ dưới bắn lên xuyên qua bả vai làm cho Bái tê buốt cả người. Bái đành phải hô quân tháo chạy.

Quân Pháp và lính khố-xanh ồ-ạt kéo lên núi lùng tìm bọn Bái và dò xét xem bọn Tích đã rút quân đi đâu. Khi biết Tích đã rút quân ẩn trong rặng

núi Phát-Cơ, mấy ông Giám-binh hạ lệnh tiến quân tới và bố vây tứ phía. Đường vào rặng núi này thật là vô cùng hiểm-trở, chỗ nào cũng mô đá lởm chởm, quân Pháp phải dùng tới mìn để phá những tảng đá tìm lối lên, nhưng nguy-hiểm lắm : cứ nhô lên là lập tức bị ngay đối-phương từ các khe núi nã súng ra, chẳng mấy lần bị sai đích. Các ông Giám-binh thấy đối-phương đương có địa-lợi mà quân mình đã bị hao hụt nhiều, bèn hô quân rút lui xuống.

Súng không nổ mấy nữa nhưng toán quân Đốc-Tích sa vào một vòng vây lợi hại vô cùng ; Phát-Cơ, Dũng-Lai, Yên-Lưu, chỗ nào cũng có lính Pháp và khố-xanh đóng giữ ; Trên đồng Lô-Sơn, sông Còi và Sông Kinh-Thầy thì chiến thuyền Mouhm và nhiều sà-lúp quần quật tuần-tiểu suốt ngày đêm.

Mấy ngày qua quân Pháp nghỉ-ngơi.

Mấy ngày qua quân Tích lo-lắng hồi-hộp ! Tích vẫn chưa biết làm cách gì để thoát quân ra ngoài !

Thì bỗng một đêm không trăng không sao, cảnh vật như chìm vào đen tối, có một toán quân đang sờ soạn dò đường. Đó là đội quân của Elléau và Ménard đang tìm lối lên lên núi Phát-Cơ, nơi quân Tích đóng. Cách núi 100 thước họ dừng cả lại và họ bò sát đất tiến vào. Đến nơi họ cứ chia tốp ba người, tốp năm người bao lấy núi Phát-Cơ và tốp nào cũng phải tìm một nơi ẩn nấp cho kiên-cố hoặc lưng chừng núi hoặc dưới chân, chờ khi có súng lệnh, cùng xông lên phá địch.

Đêm đen như mực, cho nên quân Tích, tuy có những cặp mắt đi tối rất tài tình mà cũng không sao nhận ra được cuộc hành binh gan dạ của đối-phương chỉ còn cách mình mấy chục thước.

Trong ngoài vẫn chưa hề động tĩnh ; gió ngàn vẫn vi vu thổi qua các chòm cây và các khe đá tạo nên cho đêm trường thêm tiếng âm-u buồn lạnh lẽo.

Trời gần sáng, cảnh vật như đang sửa soạn để đón buổi bình-minh như thường lệ thì tiếng tù-và báo động trên núi Phát-Cơ nổi dậy inh-ỏi. Vì chính

lúc ấy là lúc hai viên quân Elléau và Ménard cũng chờ nổi hiệu kèn sẽ thúc quân xông tràn lên núi. Súng bắn lên như mưa và súng bắn trả lại cũng không kém. Quân lính Elléau và Ménard tuy bị quân Tích bắn riết quá, cố ngăn không cho tiến, nhưng tốp nào cũng đã tiến lên được một phần. Và chúng đã chiếm được những khe đá để ẩn-nấp, chờ khi đối-phương dừng súng là tiến dần lên các khe trước mặt. Cuộc tiến quân táo-bạo này không kể chi đến sự thiệt-hại, chỉ kể đến chuyện vào hang cộp để bắt cộp, nên binh-lính của hai viên quân vấp phải nhiều loạt súng của đối-phương đã làm thiệt-hại mất khá nhiều.

Quân Tích thấy đối-phương quyết tiến lên và ngoài xa xa quân các nơi cũng đang tiếp-tục kéo tới, tự biết không thể nào giữ vững được sào-huyệt. Tích xuống lệnh cho quân-đội rút dần theo lối bí-mật thoát hết. Chỉ mấy phút sau, toán quân Ménard đã làm chủ ngọn núi Phát-Cơ, bắt được nhiều khí-giới, lương-thực mà quân Tích không kịp mang theo. Ménard lại thu-lượm được nhiều giấy tờ quan-hệ, nên biết rõ chuyện hai người Tây Martin và Clausade đang giúp Tích đúc súng và làm đạn.

Bỏ sào-huyệt, Tích đem quân thoát ra ngoài và chạy về đóng ở làng Phúc-Lễ, huyện Thủy-Nguyên. Chưa yên chỗ, Tích đã bị đối-phương tới đánh. Lần này Tích không dám giao-tranh, vội thu-thập quân-lương chạy vào hang núi Lãnh-Nam, Bích-Nội. Đóng quân ở đây, Tích dựa vào một phía có đầm lầy, một phía có cỏ rậm nên giữ được ưu-thế khi đối-phương kéo tới tấn-công.

Quân Pháp tiến vào bằng cả hai ngả : Toán ì-ạch rút chân ở bùn lầy, toán lườn trong bụi cỏ, thật là vất-vả và công-phu... luôn luôn bị đạn từ trong bay ra. Lúc ấy chỉ còn có một đường là nằm rạp xuống bùn, xuống đất, chờ ngớt tiếng súng lại tiến lên. May mà còn cách xa đỉnh núi, nơi quân Tích đương nhắm-nhắm bắn ra chứ không thì toán quân mạo-hiểm kia khó lòng mà vượt qua nổi bãi lầy.

Vừa tiến vào sát chân núi, quân Pháp bị súng của đối-phương nhả đạn liên-tiếp và dữ dội hơn trước. Viên quân Dominici bị trọng thương và toàn đội bị một phen tới-bời, thiệt-hại quá nhiều. Nhờ được cấp chỉ-huy gan-dạ

nên mấy phút sau đã giữ được hàng-ngũ và chia quân đóng ở Lê-Sơn và Lang-Nhâm, rồi dàn trận phá Bích-Nội.

Súng nổ âm âm, long trời lở đất. Ngọn Bích-Nội hầu như bị phủ kín trong những tầng khói đen đặc. Lãnh-Quỳnh, Lãnh-Đế đang say-sưa trong khói đạn, ngắm đối-phương nã súng thì bỗng bị một phát đại bác rót từ dưới lên trúng chỗ ! Hai viên tỳ-thuộc của Tích đều bị tan thân trong lửa cùng với một số quân lính. Đốc Tích hoảng-hốt kéo quân lên xuống và dùng thuyền chạy trốn theo đường sông Giá. Chiếc sà-lúp Thái-Bình được tin báo, mở máy đuổi, nhưng không kịp, chỉ bắt được một ít thuyền lương-thực.

Đốc-Tích gặp lúc bí. Lương thực bị mất gần hết, quân tướng bị tan rã, hầu như sống trong cảnh cùng đường. Toán tàn quân đành phải phân tán cho ẩn náu vào các làng mạc.

Tích chán nản vô cùng, ông than cho vận nước khó bề cứu vãn. Nhưng về sau, nhà lãnh-tụ của đất Hai-Sông sức nhớ tới hai ông huyện Đông-Triều và Thủy-Nguyên. Hai vị này tuy đã yên vui trong địa-vị nhưng trước kia cũng là những người có tâm-huyết, đã đôi phen cùng Tích bày tỏ cái ý-chí mình. Tin như vậy, Tích cho người mang mật-thư thỉnh-cầu trợ giúp binh lương. Việc thành và ít ngày sau toán quân Tích được tổ-chức lại và võ trang đầy đủ, lại xuất đầu lộ diện kéo thẳng trở lại đất Hai-Sông. Lần này Tích quyết chí thủ-hiếm nơi này. Trái lại, Khâm-sai Hoàng-cao-Khải và người Pháp cùng nhất quyết không để cho Tích yên mà hoành hành nữa.

Ngày mồng một tháng tám năm 1889, quân Pháp lại kéo tới Hai-Sông. Chiến thuyền Ber-the de Villers và 4 ca-nô chặn nẻo đảo Cát-Bà, còn bộ binh do hai lữ Lang-Thi phía Nam và Thủy-Khê phía Bắc rầm-rộ kéo tới. Mấy làng bị tình nghi là chứa chấp quân Tích như Thủy-Khê, Kim-Khê, Lang-Thiêm và Mai-Động, bị kiểm soát rất gắt gao. Quân Tích đóng cả ở trong hang Mai-Động, bố-trí khắp các khe đá. Họ đã được lệnh chỉ nổ súng khi nào đối-phương tiến vào thật gần. Vì thế, quân Pháp bố vây hang Mai-Động rồi bắn súng thăm dò vào mà Mai-Động vẫn im lặng như tờ ? Lúc ấy cây cỏ của ngọn núi này vẫn vô tư rung rinh dưới màu nắng vàng nhạt ;

Những mô đá xanh thăm vắn thản nhiên chắn đỡ cho toán quân gan dạ mai phục đằng sau.

Ngón tay sẵn sàng trên cò súng, mắt trô trố nhìn qua khe núi, quân Tích ai nấy như nín thở chờ phút giao tranh.

Bỗng ở khoảng ngang núi, một chiếc cờ đỏ mọc lên phất đi phất lại đi theo với tiếng còi lệnh. Núi như rung chuyển, ở khắp các khe đá, đạn tới tấp bay ra ; hàng tiền đạo của đối-phương đều ngã gục. Thế nhưng, đối-phương mỗi giờ mỗi đông hẳn rất. Hang Mai-Động như bị bao phủ dưới một trận mưa đạn tươi bời, Quân đôi bên chỉ cách nhau ước chừng một trăm thước, bắn nhau ròn-rã hai tiếng đồng hồ thì trời tối. Cũng vừa lúc ấy, một toán quân Pháp đã khôn khéo tiến vào được sát chân núi và đang tìm đường để vượt lên. Tích thừa lúc trời chập choạng tối, rút quân theo đường riêng biến mất.

Màn đêm đen tối !

Quân Pháp cũng như quân khố-xanh không dám sục sạo để tìm nã bọn Tích. Họ đóng quân lại trên núi và cắt quân canh phòng rất cẩn mật. Vào khoảng nửa đêm, Tích lại mạo hiểm đem quân trở lại. Tích dặn dò các tướng kế-hoạch tiến binh rồi tự dẫn một toán quân lên vào sát địch. Họ bò nối đuôi vào nhau, mình sát đất không khác con trăn thực dài đang phơi mình dưới sương khuya...

Bỗng từng tràng súng nổ phá tan bầu yên lặng lúc nửa đêm. Ông Giám-binh biết là bị đánh úp, phải cố can-đảm hô quân cầm cự. Đôi bên chỉ còn cách nhau độ mấy chục thước. Họ không nhìn rõ nhau vì trời đen tối quá. Lửa đạn lập lòe đều là những mục-tiêu mà họ nhắm bắn.

Quân Đốc-Tích chỉ vền vẹn có 300 người nhưng ban đêm thành lối-nhỏ như là thiên binh vạn mã, đánh vào rất hăng. Ông Giám-binh đang cầm quân bị một viên đạn xuyên qua đầu gối, nhưng ông vẫn không cho ai biết, cố gắng hô quân chống cự. Đối-phương cứ dần dần tiến mãi vào, ông Giám-binh tự thấy mình đã lâm thế nguy. Gặp phút súng phía địch bắn thừa thớt, ông liền hô quân xung phong ra quyết liều một trận sống mái. Họ không bắn

nữa ; Bằng lưỡi lê, bằng mã-tấu, dao găm, gươm trường, giáo nhọn, bất cứ vớ được thứ gì là thành đồ binh khí cả, quân đội hai bên quần nhau vô cùng quyết liệt. Người nào người nấy máu me đỏ lòe, trông rất là kinh khủng. Chen vào những tiếng va chạm của binh đao, tiếng tù-và của Đốc-Tích truyền lệnh xung sát cho ba quân cứ đổ hồi nghe vô cùng sát khí. Trận giáp lá cà kéo dài mãi tới gần sáng, Đốc-Tích mới chịu rút quân tháo lui để lại ở bãi chiến trường những vũng máu đỏ ngầu và ngổn ngang những xác chết của đôi bên.

Ông Giám-binh kiểm điểm lại số quân bị tử trận thì thấy lính mình bị hại gấp quá đôi quân đội của đối-phương và súng ống bị hư hỏng rất nhiều ; ông cảm giận lắm, nhất là vết thương ở đầu gối lại bị sưng to đau buốt ; ông trở lại doanh-trại băng bó vết thương, rồi ra lệnh cho quân lính phải đuổi theo cho kỳ thấy bọn Tích để phục thù. Vì thế mà Tích cùng quân lính vừa qua một đêm chiến-đấu mệt nhọc mà cứ phải cấp tốc chạy không còn được nghỉ-ngơi chút nào. Chiếc thuyền Berthe Villers và mấy ca-nô cứ miết đuổi theo ; Trên bộ, lục quân cũng cứ rầm rập kéo đi. Quân Tích hơi chậm lại là đã bị súng của đối-phương bắn tới tấp như mưa. Tích lâm thế nguy, không còn biết rút quân tránh đâu, bèn cho triệu-tập hết cả tướng tá lại, ngỏ ý ra đầu hàng để bảo toàn lấy sinh mệnh mọi người. Cuộc họp cấp tốc chỉ vèn vện có nửa giờ. Đa số đều phát biểu ý kiến là : « chiến hay hàng xin tùy ý chủ-soái, họ chỉ biết vâng theo mệnh-lệnh ». Duy có bọn Lãnh-Phá, Lãnh-Hai cực-lực phản-đối chủ-trương đầu hàng.

Phá nói : « Chúng tôi theo chủ-soái đã tuyên-thệ là hiến thân mình cho công cuộc cần-vương cứu quốc ! Nay đã đến bước cùng, thì chỉ có chết chứ hàng thì nhục quá, chúng tôi không thể tuân theo lệnh chủ-tướng được ».

...Vừa lúc ấy tiếng súng đối phương nổ vang ầm ầm tứ phía, làm tan cuộc họp và mọi người ai nấy vội trở lại sự đề phòng.

Đêm ấy Phá và Hai cùng 10 tay súng nữa mang theo khí-giới lên đi. Những thân cây chuối lênh-dênh mặt nước giữa đêm khuya đã đưa họ ra thoát khỏi vòng nguy nan, để lại phía sau chủ-soái cùng một số đồng-đội của họ âm thầm trong đe dọa của đại bác, gươm trường.

Hai người đi về phía Hải-Dương và sau đó ít lâu đã thấy Phá và Hai mỗi người chỉ huy một toán quân Bãi-Sậy làm mưa làm gió suốt dải Đông-Triều, Phả-Lại.

Riêng Đốc-Tích đêm ấy không hề chớp mắt, cùng mấy thủ-túc bàn tính mưu-cơ, thế nhưng hùm thiêng lúc sa cơ thành trí và lực hầu như cùng tiêu tán cả.

Mờ sáng hôm sau, quân Tích vừa mới lên đường thì đã thấy quân Pháp bám sát sau lưng rồi. Tích đành phải dàn quân cầm cự, nhưng một mặt cấp tốc phái người mang thư đến Khâm-sai Hoàng-cao-Khái xin một tháng nữa ra đầu hàng.

Hoàng Khâm-sai đang cùng các ông Giám-binh dự tiệc ; Họ đang vui vẻ chúc mừng nhau chớng ca khúc khải hoàn thì có quân vào báo là có một viên tướng của Đốc-Tích mang thư xin vào yết-kiến.

Được lệnh, người lính dẫn Lãn-Hùng, viên tướng trẻ tuổi nhất của Đốc-Tích vào. Hùng ngang nhiên đi thẳng vào trước dinh trại, không tỏ vẻ gì khúm núm sợ hãi. Lữ quân tướng hộ-vệ chung quanh Khâm-sai hét lớn : « Tên giặc kia phải có lễ, quỳ xuống ? »

Lãn-Hùng cười gằn và nói : « Vì lẽ gì lại quỳ ! Ta đang là một đại-diện của một đạo quân địch-thủ của ngài Khâm-sai đây. Chính các chú là những người vô lễ ».

Mặc cho bọn lính nhố nhăng, mặc cho Hoàng Khâm-sai khó chịu, mặc mấy ông Giám-binh ngơ ngác, Lãn-Hùng nguyên giữ bộ mặt bình thản như thường.

Hoàng-cao-Khải cũng đành bóc thư ra xem và nhân lúc tất cả cái gì to lớn của mình bị xúc phạm, ông quẳng lá thư xuống đất và gang thép truyền xuống : « Mi về bảo cho chủ mi biết : các quan Giám đây cùng với ta sẽ bắt treo cổ bọn mi lên, chứ hàng cái gì ? »

Ông lại ngoảnh ra bảo những kẻ hầu-cận : « Tổng cổ tên này ra, chúng mày ».

Hàng chục cái mồm cùng dạ ran và cũng hàng chục con người hùng hổ đổ xô đẩy Lãnh-Hùng ra ngoài.

Hoàng Khâm-sai lại quay ra tiệc tùng với các ông Giám-binh, các ông này còn nguyên trong bờ-ngõ. Lãnh-Hùng căm giận vô cùng bước ra, cố nén khí uất để về báo cho chủ-tướng công việc không thành. Tuy thế, Hùng cũng còn ngoảnh lại nói lớn : « Ngài Khâm-sai xử sự thật là ra dáng người kẻ cả ! »

Trở về thuật cho chủ-tướng rõ đầu đuôi, rồi mấy hôm sau người tráng-sĩ ấy tự nhiên mất tích ! Phải chăng đáy nước kia là mồ chôn người anh-hùng vô danh đã căm uất mà tử trần.

Tích giận lắm, nhưng còn biết tính sao khi cùng đường, đành lại phái người mang thư xin hạn trong 15 ngày sẽ ra đầu hàng. Đối-phương vẫn không nghe. Đạo quân như thế, thẳng tất kiêu, tướng chừng như một lát nữa là bắt được bọn Tích. Nhất là họ Hoàng cả quyết là bọn Tích đã như bị nhốt trong cũi rồi.

Súng lớn súng bé vẫn âm âm nổ tới, quân Tích luôn luôn bị gục trước đạn thù, tuy thế vẫn cầm cự rất oanh liệt. Đối-phương chưa sao lọt vào phòng tuyến. Tích lúc này lồng lên chẳng khác gì con mãnh hổ bị trúng thương, ra sức đốc thúc các anh em chiến-đấu khiến đối-phương thiệt hại không ít.

Có chí, có gan đấy nhưng công cuộc hỏng mất rồi ! Tướng một quân tan ! Lui không có đường, tiến thì hỏa lực của đối-phương mạnh gấp bội, Tích dần lòng thỉnh cầu đối-phương ngừng bắn để sẽ ra hàng không điều kiện, cốt sao bảo toàn lấy tính mệnh mấy trăm người.

Đất Hai-Sông, một dấu-tích của sự nghiệp anh-hùng cũng từ đấy mang mối hận ; nước Hai-Sông như cả một dòng lệ tràn trôi.

Sáng hôm sau, chú ruột Tích và lãnh-binh Trần-đức-Phong dẫn 56 quân, 24 khẩu súng, 6 súng lục và mười thanh gươm kéo tới trại Hoàng Khâm-sai trình diện. Chiều hôm ấy, Tích lại cho đưa Martin trả người Pháp còn Clausade thì nói thác ra là đã bị tử trận rồi.

Ngày 12 tháng 8 năm 1889 là ngày Tích đã báo cho đối-phương biết là sẽ kéo quân ra hàng. Tuy thế, quân Tích vẫn nguyên đề-phòng trong vòng vây chắc chắn của đối-phương.

Đúng ngày giờ đã định, Tích và Đốc-Lăng đem theo ước chừng một trăm thủ-túc, trật-tự tiến về phía trại đối-phương, ai nấy nét mặt đượm buồn ; Tích đầu đội khăn nhiễu đỏ, mình mặc áo nhiễu tím, quần lụa trắng, nét mặt gân guốc. Con người quấy nước chọc trời ấy, cố giữ vẻ thản nhiên, nhưng trên lườn trán cao, những vết nhăn tui nhục, luôn luôn nhúu lại. Đôi mắt sáng suốt kia đã bao nhiêu lần nẩy lửa giữa đám rừng gươm mưa đạn, thế mà đêm qua và sáng nay mờ ước vì những giọt lệ lìa mi. Tích mang trong thâm tâm một tui nhục vì việc lớn không thành, nhưng Tích yên chí đối-phương thế nào cũng đón tiếp mình một cách trọng thể.

Kia rồi, chẳng còn mấy bước nữa là chấm dứt hẳn cuộc đời hoạt-động của một toán nghĩa binh đã bao năm quấy nước chọc trời.

Khác với dự-đoán, Tích mang đồng-bọn tới trại đối-phương, không có một sự đón tiếp, chỉ thấy sự dọa nạt bài-trí rất chỉnh-tề.

Mấy giờ lặng lẽ qua, bọn Tích bị giải xuống tàu chiến chở về Tuyên-Quang rồi đi Hà-Nội trình diện ông thống-sứ. Một số quân Tích bị giải đi Hải-Phòng ; cũng còn một số lẫn lút lại không ra, rồi trốn thoát sát nhập vào đoàn quân Bãi-Sậy.

Sau Tích trả lại nốt Clausade cho người Pháp để trọn vẹn công cuộc đầu hàng. Tích tuy ra hàng nhưng nguyên giữ được tiết tháo của một người có chí lớn. Mưu việc không thành phải hàng, việc đó Tích làm được, chứ đắc lực cho đối-phương trong công cuộc bình định thì Tích thà chết chứ không thể nào nhận được. Cũng vì tấm lòng trung liệt đó, mà Tích và vợ con đều bị đầy sang xứ Algérie sau một cuộc thương-thuyết bí-mật (?) với Khâm-sai Hoàng-cao-Khải.

Đến nay, ở xứ người họa chẳng chỉ còn có trăng lạnh đêm đêm thấm ánh mờ nhạt xuống mồ để viếng thăm hương-hồn người chiến-sĩ anh hùng của dân-tộc.

*

Lại nói đến Lưu-Kỳ, một viên tướng đặc lực cho nhà lãnh tụ Bãi-Sậy ngang với Đốc-Tích ở Hai-Sông. Viên tướng này hoạt động tại vùng Lục-Nam, hồi này cũng bị quân Pháp và lính khố-xanh săn đuổi gắt găm. Đạo quân Kỳ xưa nay vẫn là một toán quân gan dạ và ngỗ-ngược. Tuy phần đông là người Tàu, nhưng bọn này không quản gì gian lao nguy-hiểm, một lòng trung thành với công-nghiệp Bãi-Sậy. Nhờ vào địa-hình địa-vật của núi non rừng rậm, lại có những lối theo dòng sông Ba-Che và Tiên-Yên sang Quảng-Đông và đường giữa Đồng-Đăng Na-Chàm sang Quảng-Tây, Lưu-Kỳ đã kiến lập một sào-huyệt thiên nhiên vững chắc và thuận tiện.

Nay đánh Lạc-Đạo, mai phá Biển-Động, khi hiện khi biến, mưu lược như thần, Kỳ nhiều phen làm cho đối-phương không còn biết đề-phòng thế nào cho yên tâm được. Kỳ lại tổ-chức một toán quân chuyên việc đem binh khí từ ngoài vào, vì thế, quân Kỳ lúc nào cũng võ trang đầy đủ.

Đạo quân tinh nhuệ của Hoàng Khâm-sai đã nhiều lần sục sạo ở vùng này nhưng chẳng ăn thua gì, lại đành phải rút về kìm giữ không cho quân đối-phương trong lòng Bãi-Sậy tiến ra ngoài.

Các đạo quân Servière, Prétel, Pégna, v.v... đều lần lượt đóng ở Lục-Nam để hòng tiêu-diệt đạo quân Kỳ, nhưng kết-quả phần nhiều là hao-mòn binh-lương, Kỳ vẫn ngoài vòng và cứ càng ngày càng hoạt-động ráo-riết.

Sau trận ngày mùng 3 tháng 1 năm 1888, quân Kỳ đánh tan một toán quân Pháp, giết được Trung-úy Martin, người Pháp đặc-biệt chú-ý tới vùng Lục-Nam.

Ngày mùng 5 tháng 11 năm 1889, viên Toàn-quyền Doumer ký một đạo nghị-định đặt riêng Lục-Nam thành một tỉnh không thuộc về đạo binh Lạng-Sơn nữa. Ông Demande được cử giữ chức Công-sứ tỉnh mới này. Việc đầu tiên là Công-sứ Demande tính mưu-kế đánh dồn bọn Kỳ đi nơi khác để mang lại an-ninh cho tỉnh mới. Vì thế, mấy viên quản Monpeyrat, Ferrière, Arlhac, Marsal, vô cùng vất-vả về việc đánh dẹp bọn Lưu-Kỳ. Gia công

lùng khắp trong tỉnh, những toán quân trên chỉ thỉnh-thoảng gặp quân Kỳ hiện ra chống-chọi chơi-bời rồi họ lại biến đi đâu cả.

Lục-Nam đã được một hồi vắng tiếng súng nổ, tiếng gươm reo thì đột-nhiên quân Kỳ lại xuất hiện. Khác với trước, quân Kỳ chuyển này chỉ tuyền hoạt-động về đêm ; các đồn, ải binh Pháp bị quấy rối luôn luôn. Trận giao-tranh quyết-liệt nhất xảy ra ở Bái-Tảo. Quân Lưu tuy bị thiệt-hại nhưng viên quản chỉ-huy Arlhac về phía Pháp bị trọng thương. Vì thế, hai đạo quân lớn do hai Thiếu-tá Terrillon và Dominé lại phải cấp-tốc kéo đến tiếp-viện cho các đạo quân đóng giữ Lục-Nam. Thành thủ quân Kỳ lại lâm vào trận thế nguy, bị săn đuổi ráo-riết.

Khi ấy, quân Bãi-Sậy ở Hưng-Yên luôn luôn lập trận đánh tràn ra để trợ chiến cho các nơi, nhưng toán quân tinh-nhuệ của Hoàng Khâm-sai kìm-hãm, không sao mở rộng được mặt trận ra nữa. Mấy toán quân ông Nguyễn-thiện-Thuật cử đi tiếp-viện cho các đạo quân Hai-Sông và Lục-Nam đều không đi thoát.

Vì thế, đạo quân Hai-Sông thành cô-lập nên bị tan-rã ; còn đạo quân Lục-Nam, luôn luôn bị săn đuổi rất gấp. Trong sáu tháng trời, khi lẫn-lút, khi đương đầu chống-cự, quân tướng Lưu-Kỳ đã bị hai đạo quân Terrillon và Dominé đánh đuổi, chạy ra vùng Bảo-Đáy và sông Ba-Che. Quanh quần trong vùng này ngót một năm trời, thế cùng lực kiệt, mà Kỳ vẫn tổ-chức nổi những hành-động bạo-nghịch, khiến cho người Pháp lúc bấy giờ ở Lục-Nam lúc nào cũng lo ngay-ngáy.

Trong vòng tháng 9 năm 1892, một tổ-chức của Kỳ đã bắt sống được Vézin và ám-sát được Pénoud và Piganiot. Sang đến tháng 10 cùng năm ấy thì số người Pháp bị bắt cóc tăng lên gấp đôi : Bouillet, Droz, v.v...

Chính-phủ Pháp thấy bọn Lưu-Kỳ làm xáo lộn cả công cuộc trị-an như thế, giận lắm bèn ra lệnh cho các đạo quân đóng giữ Lục-Nam và lại cho tiếp lên hai đạo binh nữa do hai Thiếu-tá Bonneau và Charpentier chỉ-huy cùng hợp lực, vây chặt Bảo-Đáy, nơi Lưu-Kỳ đang vùng vẫy. Vừa được tin báo đã thấy tứ phía bị bao vây rồi ! Lưu-Kỳ lâm vào thế trận tiến thoái lưỡng

nan. Lúc này, Kỳ thấy văng vẳng bên tai tiếng của chủ-soái Nguyễn thiện-Thuật dặn dò : « Người chiến-sĩ một là vinh-dự trong thành công, hai là thân tan trong trận chứ không còn đường gì khác cả ! » Lập tức, Kỳ dẫn quân chống giữ Bảo-Đáy, quyết một trận sống mái.

Một ngày giáp chiến, trời mù khói đạn, đất hòa sắc máu ; cây-cối, chim-chóc không tội-tình gì cũng rơi-bởi vì lửa đạn. Quân lính đôi bên chết không biết bao nhiêu mà kể ! Lưu-Kỳ và hai Thiếu-tá Bonneau và Charpentier cũng đều bị tử trận.

Quân Kỳ còn sót mống nào chạy tán loạn lẫn trốn. Quân Pháp và lính khố-xanh tuy bị thiệt-hại non nửa nhưng họ đã ca khúc khải-hoàn.

Từ đây, con chim bằng Bãi-Sậy lâm vào cảnh cô-độc, vẫy cánh không còn. Ông Nguyễn-thiện-Thuật chỉ còn trông mong vào các tướng-tá xung quanh như Đốc-Cọp, Đốc-Vinh, Lãnh-Hiêm, Đốc-Sùng, Đốc-Bân, Đốc-Tính, Đốc-Xuất, Lãnh-Điều, Tuần-Vân, Đốc-Mỹ để giữ gìn một vài cơ-sở và sào-huyệt. Cơ-quan hoạt-động bên ngoài chỉ còn trơ có đội do-thám và tuyên-truyền. Tổ-chức này rải-rác khắp nơi đã gây cho Bãi-Sậy có một thế-lực lớn trong dân-gian.

XVI

TỪ khi ông Nguyễn-thiện-Thuật lên chức Thống-soái đoàn quân Bãi-Sậy, không lúc nào vắng bóng chân tay ông ở bất cứ một chỗ nào.

Các nhà nho không nhà cửa, lấy nước làm quê hương, với chiếc quạt giấy phe phẩy như buông ra một đạo bùa yêu để thu hút nhân tâm. Ai cũng quý mến những ông Đồ ấy vì các ông có những lý-luận rất tài tình và dễ nghe. Ít lâu sau lại thấy xuất hiện nhiều thiếu-nữ buôn tơ lụa hay thực phẩm. Các cô đã xa những e-lệ của ngàn xưa, trở nên những trang thiếu-nữ vui tươi và bạo dạn. Đó cũng là đoàn nữ-do-thám của Bãi-Sậy. Đoàn này do cô Mai tổ chức và chỉ huy. Cô Mai tức là cô Pheng – người thiếu nữ của núi rừng khi xưa đã cùng Đề-Vinh ngồi dưới bóng dứa xanh hòa với dòng nước trong veo một điệu đàn êm ái ; và cũng ở nơi ấy, nàng đã cam kết cùng chàng ghé vai chung gánh một phần nghĩa-vụ. Cái ngày mà Mai tổ-chức thành hình đoàn do-thám phụ-nữ cũng là cái ngày nàng đẹp duyên cầm sắt cùng chiến-sĩ Đề-Vinh. Bọn này nào có kém gì các nhà nho nói trên, cũng không cửa không nhà, lang thang khắp tỉnh này về tỉnh khác, chiến công mà bọn cô Mai mang lại cho đoàn Bãi-Sậy cũng không phải là ít. Nào những trận đánh úp các đồn, nào những vụ ám sát, nào những lần bắt cóc đối-phương, lần nào là lần không có bàn tay đoàn do-thám phụ nữ nhúng vào.

*

Mai thỉnh thoảng trở về Bãi-Sậy để tường-trình công việc. Và cũng chỉ có dịp ấy nàng mới gặp Vinh và thăm thân-phụ nàng hiện đã xung vào bộ tham mưu của Thống-soái Nguyễn-thiện-Thuật ngày từ khi ở Tàu về.

Ông Thuật trông vào hai đoàn do-thám và tuyên-truyền trên nhiều lắm. Nhờ đoàn này nên tuy ngồi trong trung tâm sào-huyệt mà nhất cử nhất động gì bên ngoài ông đều rõ một cách tường tận và mau chóng.

Nhưng hồi này.

Tích ra hàng, Kỳ tử trận và nhiều toán quân nhỏ bị đánh tan. Những tin tức ấy cứ dồn dập bay về Bãi-Sậy làm cho ông Thuật như đứt từng khúc ruột. Ít lâu sau, ông lại nhận được một số tàn quân của Lưu-Kỳ do cô Mai dẫn đường lén về. Quân Hai-Sông cũng lẻ tẻ về được ít nhiều.

Trong thời Tích vừa ra đầu hàng và Kỳ đương bị nguy khốn ở Lục-Nam, ông Thuật rất nhiều lần tự cầm quân đánh phá các đồn trại Pháp và lính khố-xanh, nhưng không thu được kết quả đáng kể nào. Lúc này, chân tay của người Pháp chi chít khắp nơi, quân Bãi-Sậy, ngoài sào-huyệt chính ra không còn biết đóng đâu cho tạm yên được. Từ ông Khâm-sai đến ông Tổng-đốc, Tuần-phủ, Bố-chánh, Tri-phủ, Tri-huyện, không ông nào là không có quân lính. Hễ hơi thấy quân Bãi-Sậy là họ xúm lại để lập công. Hồi này, quân Bãi-Sậy bị thua luôn nên các đạo binh đối-phương coi thường. Mấy tiếng dẹp Bãi-Sậy trong hàng quan trường không còn là một hải hùng như trước nữa. Ông Bố-chánh Bắc-Ninh cũng thôi không dè dặt, tự cầm quân tiến đến hai làng Phó-Long và Đẩu-Thao giao chiến với quân Bãi-Sậy suốt từ sáng đến chiều. Trận này tuy nhỏ nhưng hai bên cũng thiệt hại mà không phân thắng phụ. Độc-Sủng đóng quân ở xã Thủy-Lâm cũng bị quân Bố-chánh Bắc-Ninh dồn đánh, phải lui cả về sào-huyệt. Mấy hôm sau, Sủng kéo quân đến làng Hoàng-Vân, giữa đường gặp toán quân viên quản Escot đi tuần-tiểu. Hai bên giáp chiến kịch liệt ; Escot bị trúng đạn chết còn quân lính tháo chạy cả. Nhưng sau Sủng lại bị những toán quân của Samaran, Soler, Aubert kéo tới đánh tới tấp, nên lại phải rút về Bãi-Sậy.

Cũng trong tháng ấy (8-1889), Hai-Kế, Đốc-Bân, Đốc-Xuất nhận mệnh lệnh đóng quân ở Tân-Trạch (Hải-Dương). Đoàn quân đông đảo năm, sáu trăm người kéo đi nhưng giữa đường cũng bị các toán quân Pháp và khố-xanh thuộc đồn Bần-yên-Nhân và Mỹ-Hào phục binh đánh bất thành lình. Hai bên giáp lá cà đâm chém nhau hơn một tiếng đồng hồ. Quân Bãi-Sậy lại bị thua lui cả về Bãi-Sậy.

Đại khái trong năm 1889, quân hai bên chỉ có những trận xung-đột nhỏ như vậy. Phần nhiều phía Bãi-Sậy bị núng thế, chỉ trừ có trận ngày mồng 6 tháng 4, chỉ có ước 50 tên quân do Đề-Vinh cầm đầu mà diệt tất cả toàn đội

đối-phương ở đồn Bình-Phù. Trận này có cả cô Mai tham-dự. Họ đã trá hình thành những người buôn đồ thực-phẩm lảng-lơ khiến cho cái nhan sắc họ được lọt hết vào những con mắt của các thày cai, ông đội. Khi mà bể tình đang chan chứa ở đoàn người đối-phương thì những cô hàng giả, kẻ rút súng, người rút dao nhanh nhẹn như đàn cắt, hạ sát một cách nhẹ nhàng trong khoảnh-khắc. Sau một giờ lục soát họ lại ung dung trở ra với mỗi người hai ba khẩu súng. Tiếng hát chiến thắng của bọn người liêu lĩnh ca vang dội cả Bình-Phù.

Bước sang năm 1890, thanh thế của Bãi-Sậy lại càng bị giảm xuống nhiều. Tuy vậy, cũng còn có mấy trận cực kỳ lớn, đôi bên giao chiến liên tiếp hàng mấy ngày, đạn nổ có khi sáu, bảy tiếng đồng hồ không ngớt.

*

Trong trận quân Đốc-Bân giao chiến cùng quân Chaigneau tại Quảng-Xá, quân Bãi-Sậy vận quân phục màu vàng để lẫn lộn với binh lính đối-phương. Khói đạn mịt mù, thành thử quân Chaigneau giết lẫn nhau cũng khá nhiều. Nhưng kết cục, quân Bân núng thế, chạy ủa ra phía bờ sông bơi qua tháo chạy. Dưới lòng sông tránh sao được một số tử thi đang rỉ máu đỏ chan hòa với dòng nước bạc.

Trong thời kỳ ấy, ở Đào-Thuế thuộc huyện Đông-Khê cũng xảy ra một trận kịch chiến. Sở dĩ Đào-Thuế bỗng nhiên thành chiến địa là vì Lãnh-Hiêm ở Bắc-Ninh nhận được mật lệnh của chủ-tướng Bãi-Sậy triệu về Hưng-Yên có việc quan-trọng. Hiêm về tới Phú-Khê thì trời tối, đóng quân lại nghỉ đêm. Tri-phủ Từ-Sơn được báo tin đó, lập tức thân dẫn 150 thủ-hạ tới vây đánh... Lính phủ vừa tới nơi đã bị quân Hiêm đánh phủ đầu, rồi rút đi. Viên Tri-phủ ức quá, chinh đốn quân ngũ bám sát, đuổi theo, một mặt phi báo về các đồn Đông-Khê, Phù-Cơ...

Quân Hiêm đóng lại ở Đào-Thuế, chờ đối phương tới sẽ cự địch. Đào-Thuế là một làng có nhiều nhà chi-chít, xung quanh có lũy tre dày bao bọc kiên cố. Những cụm tre cái, những tường đất dày, những gò rải rác đều là những căn cứ ẩn nấp để giữ làng của toán quân Hiêm.

Mấy tiếng đồng hồ sau, Đào-Thuế nằm gọn trong một vòng vây hùng mạnh. Nào quân do hai viên Tri-huyện Kim-Anh, Đông-Khê ; nào toán quân của các viên quản Guillaume, Bichat, rầm-rập kéo tới như nước lũ. Đào-Thuế với màu xanh thẫm của ngàn xưa, có lẽ chỉ trong giây phút sẽ biến thành đồng gạch vụn, phủ tro tàn !

Đường vào làng khó khăn lắm, vì quân Hiêm đã dùng tre cái dẫn cả cây lấp đầy lên từng đồng. Binh lính bên ngoài cũng đã mấy lần xông vào, nhưng rui-ro đều bị những phát đạn khôn-goan tự trong bắn ra ngã gục. Mỗi viên đạn của họ thực là mỗi quân thù. Tiếng Lãnh-Hiêm hô quân giữ làng vang cả ra tới ngoài, làm cho binh lính ngoài ai nấy cảm tức, nhất là ông Phủ Từ-Sơn.

Họ không dại gì mà xông vào làng một cách quá vội ! Và suốt một nửa ngày trời, làng Đào-Thuế ngập trong mưa đạn và khói đã phủ kín các nhà, ngọn cây như một buổi sớm có sương mù dày phủ. Dần dần quân Hiêm núng thế vì không còn đủ tinh-thần và sức-lực chịu nổi hỏa-lực tấn-công quá mãnh-liệt. Hiêm bắt đầu tính cách rút quân ra tìm đường thoát ; nhưng với cái vòng vây gườm, súng san-sát thế kia, thoát ra được không phải là một việc dễ.

Chiều tối, hai toán quân Guillaume và Bichat lọt vào được trong làng ; Hiêm hô quân chiếm giữ lấy những căn nhà có tường đất dày để giữ vững thế chiến-đấu. Quân-khí của Hiêm vẫn còn hăng-hái, nhưng Hiêm cũng không dám ham chiến nữa, hạ lệnh cho quân vừa chiến vừa tìm đường thoát. Lúc đầu, họ tranh nhau từng xóm, từng nhà, nhưng sau quân Hiêm tự nhiên biến đâu cả. Nhờ lúc đó trời dần dần tối mịt, quân Pháp khó mà lục soát cho xuể. Lúc này, mấy ông phủ, ông huyện cũng đã cùng lính đồng hộ-vệ mon-men vào cả đầu làng. Thấy trời tối quá, các ông hạ lệnh đốt nhà để có đủ ánh sáng lùng tụi Hiêm. Quả nhiên, trừ một số quân Hiêm đã vượt qua lũy tre ra ngoài trốn thoát, còn một ẩn-nấp trong làng đều nhảy vượt qua ngọn lửa để nhận lấy những viên đạn hăn-học của đối-phương. Lãnh-Hiêm khi ngọn lửa chưa bốc to, cùng với mười lăm tay súng cừ-khôi, đánh rẽ một đường máu

ra ngoài rồi bơi qua sông trốn thoát. Riêng có anh ruột Hiêm bị bắn trúng khi mới bơi ra được giữa dòng sông.

Tới một làng xa xa, Hiêm đóng tàn quân lại nghỉ-ngơi và nằm phục xuống khóc anh rất thảm-thiết. Từ ngày Hiêm cầm quân chống Pháp tới nay, có bao giờ Hiêm bị thất trận một cách đau-đớn như thế này ! Điếm lại quân, chỉ còn dăm chục người, hầu hết là bị thương, cả Hiêm cũng bị thương ở đùi.

Hiêm vô cùng buồn-rầu và chán-nản : « Anh chết, quân tan, biết đến đời nào thành công được ! »

Hiêm ngậm-ngùi ngẫm-nghĩ như vậy rồi cố kéo lui tàn quân về Bãi-Sậy...

*

Đất bị chiếm ! Vua bị đầy !

Người tài giỏi bị chết mòn ! Làng mạc bị tàn phá !

Những tin quan trọng và bi đát ấy đã từng làm xáo lộn nhân tâm trong nước. Đến nay, hầu như đã có phần phai nhạt trong lòng người.

Hoài-bảo lớn lao của con chim bằng Bãi-Sậy, sau bao nhiêu thử thách long trời lở đất, nay chỉ còn là một viễn-vọng mơ hồ !

Ông Nguyễn-thiện-Thuật, sáng hôm ấy, ngồi một mình nhấp chén trà thơm. Ông rất ưa hương vị của trà. Dù súng nổ vang dội quanh mình, ông cũng không thể không ướp lòng trong trắng của ông mấy chén trà thanh-khiết.

Ông đã thừa hiểu phong-trào Cần-vương khởi nghĩa đang bị dồn vào thế bí. Nhưng lòng ông còn ưa hương vị của trà thơm thì chí của ông còn ham lẫn vào công-nghiệp nghĩa cử. Thành hay bại từ nay không tính tới nữa, ông chỉ nghĩ tới tiết-tháo của ông đã nguyện trọn đời kính dâng Đất Nước thì không bao giờ ông chịu sờn gan thay đổi. Cái ngày thất bại tất nhiên sẽ đến không còn là một chuyện phỏng đoán nữa. Nhưng ông vẫn bình tĩnh đợi

chờ, và không lúc nào ông sao nhãng cái trọng-trách vì nước mà ông đang theo đuổi.

Thế lực Bãi-Sậy quả nhiên đang đi xuống một cái dốc suy tàn ! Bao nhiêu toán quân tan tác tơi bời ! Bao nhiêu người chán nản bỏ đi ! Bãi-Sậy, kiêu-hãnh bí-mật khi xưa, đến nay như chìm trong u-ám tối tăm ! Tuy thế, viên chủ-tướng của Bãi-Sậy nguyện cùng tướng-tá tăng phần nghị-lực để chinh-đốn lại các cơ ngũ, quyết theo đuổi tới cùng.

Chính ông Thuật hồi này, đã tự cầm quân xuất trận liên tiếp nhiều lần, khiến cho ba quân đang chán nản, thấy chủ-tướng không quản vào sinh ra tử, ai nấy nỗ-lực chiến-đấu. Vì vậy mà thế trận đương bại thành thắng, lấy ít lần nhiều ; đối-phương lại phải một hồi thất điên bát đảo.

Thế mới biết lòng người quá là một sức mạnh không còn có thứ gì địch nổi. Nhưng lòng người đâu có phải là một khối bất-di-bất-dịch. Nó lại biến-chuyển theo những biến-chuyển chung quanh. Vì thế, quân Bãi-Sậy vừa đây sôi nhiệt-huyết bao nhiêu thì mấy tháng sau lại uế oải chệnh mảng bấy nhiêu.

Cứ xem như mấy trận vừa qua : Nào viên quản Dal bị đạn xuyên qua bụng chết, nào Thiếu-úy Lamay bị tử thương, nào viên quản Breton cùng đám bại quân thua chạy liếng-siếng, nào Thiếu-tá Baule bị vây hãm phải lao đao cực khổ, lặn ngòi nơi nước mới thoát chết. Tất cả những chiến thắng đó là nhờ dịp tinh-thần quân đội lên cao, nhưng cũng những quân đội ấy khi tinh-thần xuống thì trái lại cứ bị thua hoài và tan dần.

Một chán nản thương tâm đã thâm nhập vào tới trung tâm sào-huyết Bãi-Sậy rồi ! Quân tướng lẻ tẻ trở về đồng ruộng. Cả đến mấy nhân viên trong bộ tham-mưu cũng lạng lẽ, giữ áo ra đi lúc nào không ai biết !

Cái triệu chứng tàn cực mỗi ngày hiện rõ ! Chính ông Thuật có lúc cũng không còn đủ trí tự cường để xua đuổi hết niềm thất vọng ám ảnh tâm trí ông.

Sau những trận quyết liệt mà ông trực tiếp chỉ huy, sau những sự nhìn nhận trạng-thái đang âm thầm diễn ra trong quân đội, ông Nguyễn-thiện-

Thuật quá ưu tư mà sinh bệnh.

Ông bị mệt nặng phải nằm dưỡng bệnh một nơi. Công cuộc trong ngoài đều tạm giao quyền cho Đốc-Cọp trông coi.

XVII

ĐỐC-CỌP là người làng Yên-Xá, huyện Kim-Động, tỉnh Hưng-Yên. Khi còn nhỏ, Cọp là một đứa trẻ tinh nghịch và hay gây chuyện đánh nhau. Trẻ con trong làng và cả ở những làng bên cạnh cũng đều sợ Cọp một vành.

Đến năm 20 tuổi thì Cọp đã có một sức khỏe ít người địch nổi, thật là xứng với cái tên mà cha mẹ Cọp đã đặt cho ngay từ khi còn tằm bé.

Một hôm, vào buổi đầu xuân, Cọp mang gà tới một cái chợ ở làng bên để đấu chọi tranh giải. Phiên chợ hôm đó có một viên đội lính đóng ở phủ về, thấy con gà của Cọp có những miếng đá mổ rất hay, đòi chiếm. Cọp không ưng, nhưng viên đội ỷ quyền thế bắt buộc Cọp phải nhường cho con gà chọi đó. Cọp ức quá, vật chết tươi con gà của mình và máu xung lên gáy, xông vào đánh viên đội. Vì đang căm tức, nên Cọp đã dùng hết sức, quá tay đánh viên đội vào chỗ huyết chết ngay. Người ở chợ thấy thế tri-hồ âm lên. Cọp vội vàng rẽ đám người đông chạy biến mất !

Thế rồi, Cọp thẳng đường tiến về Bãi-Sậy, vào ra mắt nhà lãnh-tụ Nguyễn-thiện-Thuật. Thấy Cọp là người có sức khỏe lại có chút mưu lược nên ông chúa Bãi-Sậy trọng dụng Cọp ngay.

Cọp mạo-hiểm và gan dạ vô cùng và cũng là một trong hàng tướng tài của Bãi-Sậy.

Trong khi mang nghĩa quân đánh phá các nơi, Cọp đã lập được nhiều chiến công phi thường, khiến cho đối-phương hùng mạnh là như vậy, mà hễ nghe nói tới danh Cọp là như thấy chạy rần-rật trong bộ thần-kinh một dè dặt và lập tức phải ra công đề-phòng.

Hôm nay Cọp được lệnh triệu về tạm giữ chức Thống-soái trông nom việc quân ngũ trong khi ông chúa Bãi-Sậy nghỉ dưỡng bệnh. Ông Thuật ân cần dặn Cọp : « Bất cứ việc gì cũng phải hội kiến cùng ban tham-mưu để tránh mọi sơ xuất đáng tiếc ».

Cọp xưa nay vẫn quen tính hung hăng, khinh thường mọi việc. Hễ gặp địch đâu là đánh đấy, có bao giờ tính đến được thua hay mạnh yếu. Lúc nào Cọp cũng phơi cái gan liền tướng quân của mình mà tranh lấy phần thắng.

Thế nhưng hồi này, Cọp có vẻ thận trọng lắm, nhất nhất việc gì cũng cùng ban tham-mưu bàn bạc. Trước kia Cọp với toán quân nhỏ của mình khi đánh khi ẩn nó dễ dàng và Cọp còn thấy thú vị nhiều. Nhưng bây giờ cả một đạo quân lớn, Cọp phải mưu tính sao để xứng đáng với sự trông cậy của chủ-tướng và của tất cả mọi người. Cọp ra chiều lo lắng ! Cọp lo là vì thế địch đông và mạnh, mỗi ngày một thấy lấn, mà trái lại lực-lượng quân Bãi-Sậy thì mỗi ngày một suy kém. Tuy thế, Cọp không hề chán nản, nguyện cùng chủ-tướng theo đuổi mục-đích tới cùng.

Từ hôm Cọp lên cầm quân, ít khi được nghỉ ngơi. Đêm đêm Cọp vẫn thường dẫn độ 100 quân lìa khỏi sào-huyệt, ra hẳn ngoài vùng mà quân Bãi-Sậy gọi là bị kiểm-soát, thám thính, và nếu dễ dàng là xung phong đánh úp các đồn nhỏ, chiếm khí giới lương thực để võ trang những đội quân gần đây bị hao hụt mất nhiều. Cọp đã thành công nhiều lần và tinh-thần quân đội Bãi-Sậy cũng đã thấy có nhiều phần phấn khởi.

Ngày 20 tháng 5 năm 1891, Cọp đem ước chừng 100 quân đi kiểm-soát hết làng nọ sang làng kia, chung quanh Bãi-Sậy. Mấy làng mới quy thuận Pháp thấy quân Cọp kéo tới, sợ hãi bỏ chạy như đàn kiến vỡ tổ. Quân Cọp phải giáng dụ và cản lại, lúc ấy họ mới yên tâm trở về. Tối hôm ấy, Cọp không rút quân về sào-huyệt, đóng ngay ở làng Điều-Nha thuộc phủ Khoái-Châu.

Mờ sáng ngày hôm sau, dân làng Điều-Nha thấp thỏm mừng thầm là qua được một đêm lo lắng vì quân Cọp đang sửa-soạn ra đi. Bỗng tiếng còi báo động nổi dậy inh-ỏi phá tan buổi mai đẹp đẽ của thôn quê. Dân làng Điều-Nha trước cái « tai bay vạ gió » bất kỳ, hoảng sợ chạy ngược chạy xuôi : con gọi cha, vợ gọi chồng, người khóc kẻ mếu tướng chừng như chết hết. Biết chạy đâu, nhưng họ cứ chạy : người nhà này sang nhà khác, người xóm này tới xóm khác, chạy quanh chạy quẩn rồi lại về nhà mình ngồi xúm lại run sợ sục-sùi.

Chỉ có Đại-tướng Cọp và toán quân của ông là không sợ hãi, lập tức chia quân ra chung quanh làng đợi phút giao tranh.

Mấy phút sau súng từ ngoài bắn vào làng như mưa. Làng Điều-Nha đã gói trong một vòng vây của hai toán quân của hai ông Giám-binh Vincilioni và Poinlis. Quân bên ngoài vừa toan xông vào nhưng quân Cọp đã bắt đầu nổ súng bắn ra, nên phải chùn bước lại, chưa dám tiến.

Hai viên Giám-binh này còn lạ gì cái oai Cọp, một viên tướng tài. Vì thế, khi hai ông nhận mật báo, đem quân đến vây kín làng Điều-Nha ngay từ khoảng nửa đêm, nhưng không dám khinh thường, chờ tới sáng mới hạ lệnh đánh làng. Do sự điều khiển quân tướng một cách khéo léo và thận trọng của hai ông, khiến cho quân Cọp bên trong tuy vẫn có canh gác và tuần phòng mà vẫn không hay chi là mình bị trong một vòng vây chắc chắn vô cùng nguy-hiểm ngay từ đêm.

Quân số Bã-Sậy chỉ có hơn 100 người chống chọi thế nào lại được với một lực-lượng khổng lồ vây bọc bên ngoài. Hai ông Giám-binh cũng thừa biết hai bên lực-lượng quá chênh lệch nhau trong trận này, nhưng hai ông không khinh chiến, cẩn thận từng ly từng tí. Được chỉ huy theo đúng kế-hoạch đã định, binh lính của hai ông dò dẫm từng bước từ từ đánh vào. Gặp Cọp lần này, hai ông Giám-binh đã suy tính kỹ càng mà vẫn còn lo sợ sơ xuất xảy tới.

Ông Vincilioni định kế « Dĩ dật đãi lao » nghĩa là quân Cọp hiện đang bị trong một vòng vây hàng mấy tầng người, không thể nào thoát ra ngoài nổi, chỉ còn dựa vào địa thế của làng Điều-Nha mà cầm cự thôi. Nay chỉ cần chặn hết các lối ngăn không cho quân Bã-Sậy tới cứu viện, nếu có ; còn binh lính cũ xiết chặt vòng vây bắn cầm chừng để cho quân bên trong bắt buộc phải đối địch, tất nhiên sẽ hết đạn và mệt nhọc. Lúc ấy xung-phong vào tất bắt sống được. Ông Pointis cũng đồng ý và cứ thế thi hành.

Suốt ngày hôm ấy, quân Cọp mấy lần định chọc thủng phòng tuyến nhưng vô hiệu vì hỏa lực bên ngoài hùng mạnh lắm. Đánh mặt này, chuyển sang mặt khác, đạn đối-phương cứ ào ạt bay vào như mắc cửi, quân Cọp

nguyên lúng túng trong vòng « thập tử nhất sinh », đành lại quay về thế thủ, giữ làng để cho quân khỏi quá mệt, chờ phút xung sát cuối cùng. Cọp diên tiết, luôn luôn từ nhà này sang nhà khác, từ xóm này tới xóm khác đôn đốc anh em kiên-tâm cầm cự. Mấy lần cho người mạo-hiểm về sào-huyệt lấy quân cứu viện nhưng không lần nào thoát.

Có hơn 100 quân cầm cự suốt ngày, tối đến, đạn hết, quân mệt, vừa chết vừa bị trọng thương đến quá 20 người. Làng Điều-Nha từ nóc nhà, ngọn cây chỗ nào cũng vương khói đạn và lúc này đang ấp-ủ một toán quân thất trận, chỉ còn đợi đến phút tan tác tơi bời. Lũy tre dày khi sớm đã có vẻ giấu diếm bên trong nhiều bí-mật, lúc đêm tối được điểm vào những viên đạn lóe sáng, càng tôn vẻ âm-u của Điều-Nha chiến-địa.

Bên ngoài, hai ông Giám-binh tăng cường sức bao vây vì e rằng Cọp lợi dụng đêm tối thoát quân ra được. Cọp bên trong quả nhiên vào khoảng quá nửa đêm, bất tỉnh bất đắc, phải thúc quân đánh liều ra. Nếu không ngày mai cũng đến bị tiêu-diệt hoàn toàn. Chí đã quyết, quân tướng đồng lòng, Cọp và hơn 80 quân xông ra lối cổng hậu là nơi viên quản Breton canh giữ.

Một bên giáo mác, gươm dao, vì đạn hết tự chấp tối, còn một bên thì súng lục, súng trường, trận giáp lá cà diễn ra vô cùng khùng-khiếp, tiếng hò hét của quân đội đôi bên vang dậy không khác gì tiếng loài thú dữ tranh mồi của rừng khuya. Quân Cọp thành thử một phải chọi với quá mười, nên ai nấy đều phải cố đánh thực mạng mới hòng thoát được, lâm vào bước đường cùng phải liều ! Quả nhiên, quân Cọp dũng mãnh một cách phi thường chưa từng thấy bao giờ. Đạn có phun ra như mưa, cứ tiến ngược luồng đạn lăn xả vào đối-phương. Lúc này họ không sợ chết nữa vì cái chết chỉ còn xa họ trong gang tấc. Cái khí-thế lẫm-liệt anh-hùng ấy đã làm cho toán quân Breton bị thiệt hại quá nửa. Nếu binh lính các mặt không ùn ùn kéo tới như nước tràn, vây quân Cọp vào trong một vòng vây nhỏ, thì chắc chắn quân Cọp đã có một số sống thoát ra được. Giáo của quân Cọp còn nhọn, mác của quân Cọp còn sắc, họ hăng tiết sử dụng khí giới một cách vô cùng lợi hại. Tiếng binh đao sang sảng hòa với tiếng hét căm hờn tạo nên cho thính giác

một rừng rợn ! Muôn vật xung quanh hầu như nép xó vào trong một bầu không khí bị ép lại.

Giữa rừng lười-lê, mũi súng, quân Cọp đêm nay có khác chi ngọn đèn sắp tắt, lòe lửa lên để ghi thêm cho một đời trong sáng của mình. Vì thế, họ đã tung-hoành vô cùng anh-dũng trong trận để rồi lần lượt trong khoảnh khắc gục cả xuống, xác chồng chất lên nhau nhuộm máu đỏ hồng.

Cả một toán quân hơn 100 người bị chết hết ! Thế nhưng lạ lùng là vẫn chưa tìm thấy xác Cọp đâu !

Đốc-Cọp trốn thoát rồi chăng ?

Mọi người đều ngạc nhiên ! Nếu quả Cọp trốn thoát được thì chẳng hóa ra Cọp có tài biến hóa thần xuất quỷ nhập hay sao ! Sự lo lắng nguyên ngầm ngầm ám ảnh trong đoàn quân thắng trận.

Cọp còn sống thì còn nhiều trận quyết liệt và còn chết chóc thảm thương. Các ông Giám-binh ra lệnh canh-phòng cẩn-mật và đốc thúc binh lính phải lùng cho kỳ thấy Cọp.

Xục xạo mãi cũng vẫn chẳng thấy... Chắc là Cọp lại trở lui vào làng Điều-Nha ! Tuy thế, quân Pháp cũng như lính khố-xanh, vẫn chưa toán nào dám vào làng.

Chỉ có một Cọp chưa lâm vòng tử địa mà cả toán quân hùng mạnh vẫn còn dè dặt thì đủ biết oai danh Cọp đến bậc nào. Lính vẫn vây kín và Điều-Nha vẫn âm thầm trong đêm lạnh.

Dân làng cũng chết lây mất nhiều ! Suốt một ngày trời, bỏ cả ăn uống, hồn phách hầu như xiêu bạt đâu đâu, và tới lúc này, họ vẫn ngay ngáy trong hãi-hùng, chờ đợi lúc đêm tàn.

Sáng hôm sau, làng Điều-Nha phơi dưới nắng sớm vàng nhạt một màu sắc tươi bởi tang tóc và lạnh lùng, ở cổng làng, lá cờ trắng thỉnh thoảng khẽ uốn mình trong sương đêm còn vương lại. Quân ngoài lục tục tiến vào làng, tiếp tục lùng bắt viên đại-tướng Bãi-Sậy. Hết cả buổi sáng, không một nơi

nào trong làng mà không có vết chân người binh lính thẳng trận bước tới ; vẫn không thấy tăm hơi Cọp đâu !

Mãi tới chiều, mặt trời đã gần khuất sau những ngọn tre làng, cũng là lúc, Cọp sửa-soạn để chấm dứt cuộc đời lẫm-liệt anh-hùng của mình.

Thì ra, khi bị trong vòng vây ngoài cổng làng, Cọp hai tay hai thanh đoản-đao tả xung hữu đột, tung hoành trong chốn rừng gươm, nhưng tự biết không tài nào thoát nổi.

Khi thấy quân mình đã bị chết gục chồng chất lên nhau gần hết, Cọp dùng xác của quân tử-trận quăng mạnh liên tiếp vào đối-phương và nhờ đêm tối đã trở lui vào làng theo một dòng lạch nhỏ. Cọp tìm một nơi vắng ngòi nghỉ cho lại sức và tính cách thoát. Sáng rõ, quân đối-phương ồ ạt kéo vào làng ; Cọp lặng lẽ dìm mình xuống một cái ao đầy bèo sen. Lặn ra giữa ao, góc đầu đội bèo sen lên và đứng nguyên chăm chăm chỗ đó suốt từ sáng tới chiều. Bụng đói, người rét, tai Cọp luôn luôn nghe thấy những tiếng binh lính trên bờ gọi nhau ơi ới. Cọp nghĩ tới thân mình, đã từng chọc trời khuấy nước mà nay đến nước phải nhục nhã thế này ! Nghĩ tới công nghiệp của Chúa Bã-Sậy khó mà thành ! Nghĩ tới hơn một trăm quân theo mình hiện còn phơi thây mặt đất ! Cọp thấy một chua xót thương tâm tràn ngập trong lòng. Bỗng từ thâm tâm viên tướng lúc cùng đường như văng vẳng lên những tiếng nã-nùng : « Nhà ngươi còn chờ gì mà không cùng với hơn trăm quân vừa tử-trận mà trả xong món nợ của nam-nhi ». Nghĩ như vậy và lại bị đói rét hoành hành quá quắt, Cọp rẽ bèo đi vào bờ, bình-tĩnh bước lên, không một chút sợ hãi ! Người Cọp lúc này bị toàn thân nhột nhạt, những gân bắp cứng rần, khi đêm mỗi lần vung lên thì mấy cái đầu rơi, giờ uể-oải coi như bị tê liệt. Cọp buông mắt lơ đờ nhìn quanh : không khí tuyệt-vọng âm-thầm sập xuống bao phủ quanh mình viên danh-tướng lúc sa-cơ. Mấy người lính đang lùng kiếm một cách vu-vơ hờ ững, thấy có một người nhồi từ ao sen lên, đoán chắc là Cọp, reo hò gọi nhau âm ỹ. Họ cùng xô nhau chạy lại.

*

Đốc-Cọp đứng sừng-sững trên bờ,

Bao nhiêu mũi súng nhắm vào !

Bao nhiêu lưỡi lê chìa vào !

Cọp trên mình mang bảy tám vết thương, quần áo rách tả tơi, đứng trơ như pho tượng đồng. Được phơi lên không khí cái thân suốt cả ngày tù hãm dưới nước, da dẻ Cọp dần dần hồng hào. Hai mắt Cọp đã thấy tinh nhanh và thấy dâng lên nhiều tia máu đỏ ngầu. Binh lính đang lùng xét các ngả nghe tiếng hò reo, lục tục chạy lại phía Cọp mỗi lúc một đông. Cọp vẫn lặng thinh, đôi mắt bỗng mơ màng nhìn lên quầng trời không như dẫn linh-hồn đến những viễn tưởng đâu đâu !

Thế rồi, Cọp tự nhiên người mềm ra, quy gối xuống, máu tươi từ miệng ròn ròn chảy ! Cọp chết, chiếc xích sắt vừa lắp vào tay cũng thành vô dụng...

XVIII

BÃI-SẬY khi xưa kiêu hùng bao nhiêu thì nay âm thầm bấy nhiêu ! Tiếng lá xì-xào là tiếng rên thương ! Giọt sương đọng trên cành cây ngọn cỏ là những giọt lệ bi ai !

Chúa Bã-Sậy cũng cùng cỏ cây ngậm ngùi trên giường bệnh.

Cọp tử trận ! Được tin, ông Thuật trọc dậy, hai tay ôm chặt lấy đầu mặt cho những giọt nước mắt tiếc thương từ từ rơi. Ông thở dài, tiếng thở dài nào nùng và thất vọng !

Tiếp với tin này, ông Thuật vừa được cấp báo những tin thất trận nhiều nơi. Lòng ông thật không khác gì một mớ lửa đang bùng cháy, ông điên cuồng trong đau đớn và mấy lần lịm đi trong quốc nhục.

Nào Đội-Thủy, Lãn-Sùng bị tử trận ở Tiên-Quan !

Nào Đê-Quý, Đê-Bân bị đại bại ở Mi-Động !

Tất cả những tin dữ-dội này bay về, khiến cho lãnh-tụ Cần-vương Nguyễn-thiện-Thuật nhìn bốn phương trời như chìm trong thăm-thẳm !

Ông ngẫm-nghĩ : « Thân ông đành rằng đã quyết tâm vì Đất Nước, nhưng quân, tướng còn nhiều chẳng lẽ đành tâm để chết dần mòn hết cả sao ! Cơ trời, vận nước chẳng ra gì, đeo đuổi mãi... »

Nghĩ tới đó, ông không dám nghĩ thêm nữa, nhưng sớm hôm sau ông cho triệu tất cả các tướng lại bên giường. Ông đau thương cùng chư-tướng nhắc lại cảnh tang-tóc vừa qua. Sau ông buồn-rầu bảo mọi người rằng : « Các ông đã cùng tôi theo đuổi Đại-nghĩa. Ai nấy đều mong thành, cho bỏ những lúc cùng nhau nắm gai nếm mật. « Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên », việc làm phải của chúng ta nhưng trời không cho, nên đã bắt đầu đi xuống dốc suy bại. Đã đành rằng, chúng ta đây dù ngày mai phải tan thân, nhưng quyết không bỏ cái tiết-tháo của mình, thế nhưng còn bao nhiêu người dưới chúng ta, họ chẳng có cha mẹ, vợ con, anh em đang cầu chúng ta thanh bình để về xum-họp với họ đó sao ? Chúng ta đây không có ai sợ chết,

tôi biết lắm, nhưng, dân chúng ta bị điêu-linh cực-khổ vì nạn binh đao rồi ! Từ ngày Nguyễn, Trịnh khởi cuộc tranh giành tới giờ có lúc nào là lúc không chém giết. Tang tóc ngập trời ! Vậy, các ông nên suy xét kỹ, nghe lời tôi, trở về quê mình tính việc làm ăn, để cho các quân lính cũng được cùng gia-đình xum-họp ».

Ông chúa Bãi-Sậy vừa nói tới đó thì bên dưới có tiếng nói lớn : « Không thể thế được, còn chủ-tướng thì sao ? »

Mọi người đều quay lại nhìn thì ra Đề-Quý đang chòng-chọc nhìn lên đợi ông Thuật trả lời.

Ông Thuật nói : « Tôi ư ?... Tôi sẽ cùng trăng ngàn, gió núi, sống nốt cuộc đời thúc-thủ của mình ! Khi mà các tướng đây và quân đội đâu đã về đây yên rồi thì tôi còn có kế chi. Xác này sẽ lạnh-lùng gửi ở một phương trời nào ! Còn cái danh... »

Nói đến đây, ông Thuật như nghẹn-ngào, hai mắt ông đăm đăm nhìn xa như mẩn tiếc một vật gì đang dần dần xa và biến tấp. Ông tiếp : « Còn danh ! Ôi sẽ cùng ngày tháng mai một ! Họa chẳng còn có các ông và quân lính của chúng ta còn nhắc tới tôi trong một thời... mà hỏi còn nhắc đến làm chi khi việc đã không thành ! »

Nghe chủ-tướng nói, ai nấy ngậm-ngùi sa lệ. Mọi người đều cho lời ông Thuật vừa nói là đúng vì còn ai lạ gì lực-lượng quá chênh-lệch của địch với mình. Tuy thế, họ vẫn khăng-khăng quyết chiến cho tới cùng ; họ viện lẽ rằng : Quốc gia còn có sự thì người con trai như họ phải ghé vai vào gánh vác. Thành được việc thì là đại phúc của Tổ-quốc, nhược bằng thân có phải tan trong trận, cũng là một lẽ tất nhiên và thường lắm, có lẽ chết trận còn là một điều mong ước của những bậc trượng-phu khi việc không thành !

Nghĩ như thế, nên họ đã lần lượt tỏ cái chí cương-quyết chiến-đấu của mình với chủ-tướng : Dù chết hết cũng cam lòng.

Thế rồi, mọi người, cả ông Hai-Kế đều khuyên chủ-tướng cứ yên tâm tĩnh dưỡng. Họ sẽ nỗ lực giữ gìn sào-huyệt để chờ thời vận...

Thấy các tướng-tá một lòng quyết không chịu giải binh, ông chúa Bã-Sậy đứng nghiêng mình cảm phục, rồi ra lệnh cho ai nấy trở lại cơ ngũ mình.

Tĩnh Hưng-Yên, súng vẫn nổ, gươm vẫn reo, máu vẫn hòa chan nhuộm đỏ.

Nhờ sự gắng sức của các tướng-tá, quân ngũ Bã-Sậy sau đó ít lâu thấy chỉnh-đốn lại được nhiều phần.

Ông chúa Bã-Sậy Nguyễn-thiện-Thuật tuy còn mệt mà mấy hôm nay cũng liên tiếp cùng ban tham-mưu thảo luận chương-trình tiến quân. Trong thời gian này vẫn có những sự chạm trán của đôi bên nhưng không có trận nào quyết-liệt vì quân Bã-Sậy kém thế không dám khinh thường như trước nữa.

Đột nhiên, một buổi sáng, ông Thuật nhận được thư của ông Khâm-sai Hoàng-cao-Khải dụ hàng. Đại ý trong thư : Hoàng Khâm-sai đại-diện cho hai chính-phủ Pháp và Nam-triều khuyên ông Thuật nên đem tướng-tá ra đầu hàng để cho nhân dân được yên ổn làm ăn. Cuối thư Hoàng Khâm-sai lại hứa là nếu ông Thuật bằng lòng thì sẽ thương-quyết với hai chính-phủ cho phục lại hết quyền chức cũ.

Ông Thuật nét mặt vẫn bình thản trao bức thư đó cho các nhân viên cơ mật của ông, và không một suy nghĩ đắn đo, ông vẫn tắt trả lời.

Bức thư phúc-đáp đại ý : ông xin lỗi vị Khâm-sai của hai chính-phủ đã có lòng yêu mà bày tỏ lợi hại, nhưng ông không thể nào tuân theo được. Ông chân thành đa tạ vì đã hứa dành cho ông phú quý, nhưng lòng ông đã quyết thì cho ông theo đuổi mục-đích tới cùng. Trong thư, ông Thuật lại kính cần nhờ ông Khâm-sai chuyển tấu về kinh là ông rất đau lòng phải ghi dòng chữ : « Bất khăng thụ chỉ » (chẳng tuân theo lệnh nhà vua) vào tờ thư dụ hàng mà ông gửi kèm với thư phúc-đáp trả lại.

Biết tấm lòng sắt đá của ông Nguyễn-thiện-Thuật khó mà lay chuyển nổi, Hoàng-cao-Khải lại cùng với nhà binh Pháp tăng cường lực-lượng tấn công Bã-Sậy. Ông Thuật người tuy còn mệt, tự cầm quân chống cự. Liên

tiếp một vài trận nhỏ, đôi bên chạm súng nhau chung quanh vùng Bãi-Sậy. Trận nào quân Bãi-Sậy cũng bị thua. Giang-sơn vùng vẫy của ông Thuật cứ dần dần hẹp lại và sau cùng ông kéo quân về sào-huyệt, còn những toán quân nhỏ ở các vùng đều được lệnh hãy tạm ngừng hoạt động.

Bắt đầu từ hồi này, ông Nguyễn-thiện-Thuật giao quyền chỉ huy quân đội bên ngoài cho Đề-Quý. Hai-Kế thì luôn luôn phải ở bên cạnh ông để giải quyết những vấn đề thường.

Ít lâu sau, lại thêm một thay đổi : Tổng chỉ huy tất cả các việc thuộc về quân-sự của đoàn Bãi-Sậy, ông Thuật cùng các tướng-tá sau một buổi họp bất thường, ủy trao cho Đề-Vinh : một viên tướng trẻ tuổi đa mưu đã từng chiến đấu một cách anh dũng phi thường để đẩy mạnh phong trào cần-vương khởi nghĩa.

XIX

ĐỀ-VINH lên chức đại-tướng giữa lúc thế lực của Bã-Sậy đang lãn mạnh xuống dốc suy tàn. Người thanh-niên trẻ tuổi ấy đứng trước một thiên chức nặng nề. Khi mới bắt đầu đeo thanh gươm vào người, ôi đã trăm nghìn khó khăn, đến nay nó còn khó khăn gấp trăm nghìn lần hơn nữa. Tuy thế, Đề-Vinh anh dũng, vui vẻ, ghé vai gánh lấy trọng trách mà đoàn đã trao cho. Từ trước tới giờ, Vinh đã mang về cho nghĩa-binh biết bao chiến-công lừng-lẫy và ngày nay với cái chức Đại-tướng chỉ-huy quân-đội thật là xứng đáng. Cũng là một dịp mà tráng-sĩ Đề-Vinh được đem hết tài-năng mình ra phụng-sự cho công-cuộc.

Nhớ lại năm xưa, một mỗi kỳ-duyên bên dòng suối, dưới gốc dừa xanh, Vinh còn hẹn cùng Mai những ngày say-sữa nồng-đượm trong lúc thành công. Cô Mai tuy đã cùng Vinh gá nghĩa sắt-cầm nhưng vẫn tung cánh chim trời, nay đỗ phương Nam, mai bay về phương Bắc. Lòng nàng lúc nào cũng ấp-ủ một ước-nguyện mong cho nghiệp-lớn chóng thành để cùng tình-nhân ca khúc thanh-bình. Vì muốn chóng có cái ngày mong-mỏi nên Mai đã lãn vào công-cuộc rất nhiệt-thành, xứng-đáng với tấm tình đã khảm trong lòng Vinh.

Vinh hồi này được Chúa Bã-Sậy trao quyền tổng-chỉ-huy cho, chàng có vẻ lo-âu. Đâu có phải là Vinh không đủ gan dạ để nhận trách nhiệm đó, đâu có phải là Vinh sợ sự đương đầu với đối-phương hùng-mạnh gấp trăm nghìn phần, mà lo ngại. Vinh chỉ ngại cho lòng người đã xoay chiều đổi dạ nhiều rồi, ngay trong hàng-ngũ quân Vinh, không-khí không còn tuyền là tiết-tháo của ngày xưa mà cả đến hàng tướng-tá dưới quyền Vinh chưa chắc đã là tất cả trung-liệt. Vinh biết như vậy, nhưng biết làm thế nào vì cả một trào-lưu tràn ngập như nước vỡ bờ, khiến cho mọi người không còn phân-biệt được trắng, đen nữa ! Điều gì sẽ đến tất nhiên đến, lòng tuy lo-lãng như vậy, nhưng Vinh vẫn nguyên vui cười, kiên-tâm trong phận-sự. Bởi vì Vinh cũng như Chúa Bã-Sậy có khi nào sờn lòng trước cái chết, nhất là cái chết

ấy lại có nghĩa là bất-tử. Người anh-hùng chỉ cầu lưu lại hậu-thế chút danh thơm chứ có nghĩ chi đến thành hay bại.

Một hôm, trời đã về chiều, Vinh sóc kiếm dong duỗi về phía bờ đê, nét mặt đăm-chiêu nghĩ-ngợi. Bức màn đêm dần dần buông xuống, giăng trong lơ-lửng treo giữa không-trung. Vinh chống đốc kiếm đứng trên bờ sông Nhị, hai mắt mơ-màng nhìn bóng trăng tan nhòa mặt nước đục ngầu. Gió mát nhẹ-nhàng thổi, mang theo hương lúa thơm đi khắp tứ phương và ở nơi đây, ướp với hương lòng chiến-sĩ, tạo nên một hương vị say say dịu-dịu. Cái phút nên thơ ấy có đâu kéo dài mãi trong lòng người chiến-sĩ, có chỉ thoáng qua như cánh bướm dừng trên bông hồng buổi ban mai rồi lại lả-lướt bay đi, tựa hồ như biến vào bầu không-khí tinh-sương.

Lòng Vinh lại ngổn-ngang trăm mối tơ vò, chàng đi đi lại lại dưới trăng, trong óc suy-nghĩ trăm công, nghìn việc : « Thế địch càng ngày càng mạnh, sức mình mỗi ngày một tan ».

Vinh sóc kiếm bên lưng, ngồi xuống vệ cỏ. Bỗng chàng ngâm vang trong tịch-mịch của đêm trường câu thơ cổ : « Vận khứ anh-hùng ẩm hận đa ». Giọng ngâm rần-rỏi ấy nhưng vẫn không giấu nổi được u-hoài trong lòng chiến-sĩ. Tiếng ngân-nga buồn buồn như còn vương mãi hồi lâu trên ngọn cỏ dòng sông.

Đêm khuya dần. Sương đêm đọng dần trên lá cỏ như những viên ngọc lấp-lánh dưới trăng. Vinh rút thanh gươm ra soi dưới ánh sáng, rồi lại sóc vào vỏ, rảo bước trở lại nơi đóng quân như là vừa nhận được tin gì quan trọng.

*

Dưới mái nhà tranh, xung quanh tường đất dày, cô Mai ngồi lặng lẽ một mình. Ngọn đèn leo lét đặt trên chiếc bàn trước mặt, tỏa ra một ánh sáng mờ nhạt càng tăng phần huyền ảo của gian nhà nơi xóm vắng. Mai chăm chú nhìn cái bóng mình in trên tường : rõ ràng một bức tranh vọng phu vô cùng linh động. Chắc Mai cũng hiểu thế nên nhẹ nhàng đưa tay lên chữa lại mái tóc, nắn lại vành khăn. Mai đưa cái đèn ra xa lại kéo lại gần để cho cái bóng

vọng phu khi to khi nhỏ chập chùng trên mặt tường. Cái lối qua thì giờ ấy hẳn cũng gợi trong lòng Mai nhiều nét tình tứ của phút đợi-chờ. Nàng đang say vui với đèn với bóng, bỗng nàng quay ra nhú cặp mắt trong xinh lại nhìn vào đêm tối và tai nghe thoang thoảng thấy tiếng xóc xách của bao kiếm văng. Một bóng người cao lớn đang bước nhanh tiến tới. Mai vui vẻ bỏ đèn bỏ bóng bước ra sân. Một phút sau Vinh và Mai dắt tay vào nhà. Họ nhìn nhau không nói một câu, nhưng có lẽ đôi trái tim trẻ trung ấy đã nói với nhau rất nhiều. Họ yên lặng để tận hưởng cái êm đềm của những phút đầu tiên mỗi lần họp mặt nhau.

Cô Mai đã về đây từ chập tối. Lần này nàng về đây khác với mọi lần, không có việc công gì quan trọng cả. Tháng trước trong khi đi từ Lạng-Sơn về Bắc-Ninh, nàng gặp một người trong đội do-thám của Bãi-Sậy tự vùng xuôi đi lên. Người đó có cho nàng biết là Vinh, người tình của nàng vừa được cử lên giữ chức Đại-tướng. Được tin này, con-chim trời ấy, sau khi xong công việc ở Bắc-Ninh, soái cánh thẳng về vùng xuôi.

Cô Mai có vẻ vui mừng sung-sướng lắm, nhưng trong cái mừng ấy còn ẩn một lo âu. Nàng lo là lo cho tình quân nàng sẽ phải lao tâm lao lực trước cái trọng-trách đương gặp lúc vô cùng gay go. Nàng lại liên tưởng đến mấy viên tướng tài của Bãi-Sậy vừa theo nhau tử trận, lại những trận thất bại liên tiếp vừa qua. Những ám ảnh ấy đã khiến cho nàng cảm thấy một khí lạnh chạy ran trong cơ thể. Nàng mừng là mừng cho tình quân của nàng có một địa vị tôn kính mà đến nàng cũng có một phần vinh-dự. Ngay từ ngày gặp nhau bên bờ suối, chàng tuy trong bộ binh phục tơi bời vì ngày tháng của chiến chinh, nàng cũng đã biết : đây là một chàng trai anh tuấn. Nàng vẫn yên chí trong thâm tâm rằng : Vinh anh-dũng của nàng tất nhiên phải có một ngày mai rực rỡ. Thì quả nhiên cái ngày ấy bây giờ đã đến, người trai hiên ngang cùng nàng soi chung trên mặt nước suối trong, giờ nghiêm nhiên là Đại-tướng của rừng lau, với chức Tổng chỉ-huy tất cả quân-đội trong ngoài.

Mai về Hưng-Yên chỉ để mừng tình quân và chúc chàng thành công trong thiên chức. Lúc con chim trời ấy cất cánh bay đi còn ân cần nhắc lại : « Thiếp mong chàng giữ gìn thận trọng tấm thân vàng ngọc để cho ba quân

vững dạ và Nguyễn đại-nhân yên lòng trông cậy. Thiếp cầu mong chàng thành công để thiếp được cùng chàng chóng xum họp trong tiếng ca khải hoàn của cần-vương chiến thắng ».

Lúc chia tay tráng-sĩ với chim trời nhìn nhau, như ấp ủ lên nhau một say sưa nồng đượm.

Lần này không biết là lần thứ bao nhiêu, Vinh tì tay trên đốc kiếm, lặng thình nhìn Mai khi cất bước.

Mai, cũng đã mấy năm nay rồi, nàng là con chim đã lìa rừng thẳm núi xanh, soãi cánh tung khắp bốn phương trời để theo tiếng gọi của nước và cũng là của tình. Khi tránh đạn, khi thoát lên, con chim ấy chỉ đợi một ngày kia trời đất thanh bình, sẽ được cùng ai xây tổ ấm trên cành. Cái ngày ấy còn xa lắm, mà hai cánh chim vẫn vỗ hoài trong sương gió !

Mai ra đi lần này thấy lòng rung động nhiều, nhưng tiếng gọi xa xăm của mối tình trong nợ nước làm nàng thêm nghị lực lúc lên đường.

Còn Vinh phóng mãi tầm con mắt nhìn theo, cho đến khi nàng khuất hẳn sau lũy tre đây. Lòng Vinh cũng hồi hộp như nàng, nhưng cái nhiệm-vụ tối thiêng liêng mà chàng đang gánh vác đã lôi chàng trở về với thực-tế.

Cuộc tình ái mơ say đã hẹn buổi thanh bình. Trước mắt chàng lúc này là súng đạn, gươm dao ; trong óc chàng là mưu-mô kế-hoạch. Vinh mỉm cười quay gót trở vào, bức bản đồ nhàu nát vẫn còn đặt nguyên trên bàn. Vinh lại yên lặng rê ngón tay trên bức bản đồ, hai mắt chàng sáng quắc, môi mím lại ra chiều suy nghĩ lắm. Nét mặt chàng lúc này biểu dương một tinh-thần cứng rắn, một điệu bộ rất lắm liệt anh hùng.

Một lúc sau, viên tướng trẻ tuổi ấy, gấp bản đồ lại bỏ vào cái bọc vải đeo bên sườn, chàng sóc gươm vào vỏ, mang súng lên vai, chân vội bước ra miệng hầm : « Mai cũng là một nữ anh-hùng ».

Vinh đi được độ ngoài trăm thước thì có 15 người, quân phục màu đen ở trong một cái nhà bên đường bước ra. Những người này cũng mang trên vai nặng trĩu đồ quân dụng ; họ đều cúi đầu chào Vinh.

Thế rồi, trên con đường đất ghồ ghề, bọn Vinh ráo bước xa dần và khuất hút sau lũy tre làng. Qua làng này sang làng khác, chỗ nào mà bọn người bộ hành ấy không thấy dấu vết của chiến tranh còn phơi cảnh tươi bởi âm-đạm : Tường đổ, nhà xiêu, quán hàng vắng ngắt, cây cỏ xác xơ, chỗ nào cũng như vừa qua một cơn giông tố tàn ác hãi-hùng.

Lòng chiến-sĩ như sắt đá của bọn Vinh, đã từng vượt qua những thành gươm, lưới đạn, thế mà trên những bộ mặt đầy-dạn phong sương, thấy cảnh, cùng đều lộ nét ngậm-ngùi ! Có những lúc họ dừng chân đứng lại trước những nấm mồ bên đường sa-lệ. Cái cử-chỉ ấy lại càng tạo cho quang cảnh một nỗi bi-ai vô hạn !

Cuộc hành trình của bọn Vinh ngoắt ngoéo nhiều nơi ; có khi dừng lại ở những túp nhà tranh hẻo lánh, thành thử mãi tới chiều hôm ấy mới về tới Bãi-Sậy. Rừng lau gió đưa gập gù như cúi chào viên-tướng trẻ tuổi và dần dần mờ nhạt trong màn đêm.

Trăng đêm nay mới thực là tròn, vắng-vặ giữa trời như khoác lên nhân gian một chiếc áo màu vàng dịu. Gió đưa trăng mát dịu len lỏi vào Bãi-Sậy âm-u, tạo lên một tiếng xì-xào như nhỏ to với nhau những điều kín đáo. Trung tâm Bãi-Sậy thì trái lại, không có những cái cảnh khêu gợi thơ tứ trong lòng người mà là những tiếng bàn luận hùng-dũng hay những tiếng luyện gươm sang sảng. Dưới ánh sáng của bốn năm cây bạch-lạp, một bày người trong trật tự nhưng hễ khi có tiếng nói lên thì y như điểm một sức mạnh làm chấn động cả chốn thăm thẳm của rừng lau.

*

Từ ngày Vinh lên cầm quân, chưa có trận giao tranh nào to và quyết-liệt cả nhưng những trận xung đột nho nhỏ thì thực là liên chi hồ-điệp. Không có một đêm nào là không có sự chạm trán giữa toán quân tinh-nhuệ của Vinh và đoàn quân tuần-tiểu của Hoàng-cao-Khải.

Công việc đầu tiên mà Vinh nghĩ tới là phải làm thế nào cho mỗi người lính của Bãi-Sậy ai nấy đầy đủ súng đạn, vì những trận vừa qua chẳng những quân chết mà quân khí bị hao hụt mất quá nhiều. Trong thời gian này

bất cứ một nơi nào trong các tỉnh Hải-Dương, Hưng-Yên, Nam-Định, Thái-Bình, Hà-Nam, hễ quân Pháp và tuần-tiểu đi lẻ tẻ là bị quân Bãi-Sậy bắt thành lính ở đâu mọc ra, đánh cướp khí-giới. Sự an-ninh của dân chúng tự nhiên lại bị đảo lộn, khiến cho mọi người lo lắng và bị bắt oan rất nhiều. Cái công việc táo tợn của Vinh được các thủ-hạ thi hành một cách gan dạ, thành thử chỉ sau mấy tháng trời, hơn một nghìn quân Bãi-Sậy được võ-trang đầy đủ. Và khi ấy cũng là lúc, Vinh nghĩ tới chương-trình xuất quân để phô trương lực-lượng và gây lại thanh thế cho nghĩa-binh.

...Một buổi sáng mùa hè ; Gió không thổi, cây cối đứng im phăng phắc. Cảnh vật còn mền tiếc cái đêm trăng mát mẻ vừa qua. Mặt trời vừa nhô khỏi ngọn tre mà trời đã oi bức. Mọi người có vẻ uể oải, tuy mới mót tay vào công việc. Thế mà trên quãng đường quang, đoàn quân Bãi-Sậy, toàn thể cháy nắng như hòn-than, đầu không nón, chân đi không, đã tiến ra xa tổ bí-mật âm-u tới chín mươi cây-số. Khí thế họ rất hăng, bước đi rất hùng-dũng, coi như trên đầu không có mặt trời gay gắt đương thiêu đốt nhân gian. Có lẽ tâm hồn họ đang say sưa với những tư tưởng đẹp đẽ, nên họ không còn biết gì đến ngoại vật nữa !

Quân bãi-Sậy lần này kéo đi đông lắm. Họ chia đường tiến khắp các ngã cơ nào ngũ ấy rất chỉnh-tề. Các tướng-tá như Hai-Kế, Tuần-Vân, Đốc-Mỹ, Đề-Quý, v.v... đều có mặt trong cuộc xuất quân táo-bạo và quyết-liệt này.

*

Chiều hôm ấy, đại-bản-doanh của ông Khâm-sai Hoàng-cao-Khải và mấy ông Giám-binh đóng trong hạt Hưng-Yên đều nhận được tin là quân Bãi-Sậy tràn như nước vỡ bờ và... đã hạ năm đồn thuộc lính khố-xanh đóng giữ và hình như tất các đồn khác cũng bị công phá mãnh liệt.

Hoàng-cao-Khải được tin, giận lắm, hội kiến cùng các ông Giám-binh người Pháp, rồi quyết cử đại-binh cùng ông Thuật sống mái để ngã ngũ vấn đề an-ninh trong mấy tỉnh, chứ cứ để cho bọn Bãi-Sậy hống-hách khi cấu,

khi véo, dằng-dai mãi thì còn gì là tiếng tăm lương đồng của Nam-Triều và tôi con của Bảo-hộ.

Tức tốc đoàn binh tuần-tiểu và những đạo binh của các ông Giám-binh lên đường, chia các ngả tiến phát. Đi bằng nhiều đường, đạo binh tuần-tiểu gấp rút kéo bờ vây làng Ngô-Phan, nơi Đại-tướng Bãi-Sậy đóng doanh trại. Được tin, Vinh đem quân dàn suốt mấy làng. Khí-thế của đôi bên đều hăng cả. Quân tuần-tiểu hồi này nhờ những trận thắng trước đây cũng không dè dặt khiếp sợ quân Bãi-Sậy nữa. Cả hai bên vừa mới thừa thốt nổ súng bắn nhau thì hai toán quân lính Pháp của hai viên quản Fourné và Meliner tới. Quân tuần-tiểu hợp-lực cùng hai viên quản tấn công trước, mũi dùi đánh vào Ngô-Phan rất mạnh và lợi hại vô cùng.

Tiếng hô quân dữ-dội !
Tiếng còi lệnh inh-ỏi !
Và tiếng súng vang trời !

Trong bắn ra, ngoài bắn vào, cuộc giao súng liên tiếp độ một giờ thì Fourné và Meliner hô quân xung-phong vào làng. Giám-binh Lambert và viên quản Desmot cũng từ làng bên đánh tràn tới và chọc một mũi dùi vào mặt sau Ngô-Phan. Quân đội Vinh nổ súng cầm-cự tràn không ngớt, quân ngoài cũng cứ tiến tràn xông vào không chịu lui. Desmot bị trúng đạn xuyên qua bụng chết trong trận ; mấy phút sau, Giám-binh Lambert bị trọng thương. Quân Bãi-Sậy chống-cự quyết-liệt quá, các vị chỉ-huy quân Pháp phải hạ lệnh rút lui. Tuy vậy, quân Vinh vẫn chưa dám tiến ra khỏi vị-trí mình, nguyên còn trong vòng vây. Ngô-Phan vẫn lạnh-lùng hứng đạn dội vào.

Khắp nửa tỉnh Hưng-Yên, chỗ nào cũng nghe có tiếng súng nổ, nhưng riêng có ở Ngô-Phan là súng nổ nhiều và đôi bên giao-tranh với nhau một cách quyết-liệt và dữ-tợn hơn cả.

Nửa giờ sau, các toán quân Pierrot, Simon, Filippi và Vilain cũng kéo tới. Số quân lớn ấy hợp-lực cùng quân tuần-tiểu và đội Lambert lại mở một cuộc tấn công Ngô-Phan lần thứ hai. Nhưng vô ích, Ngô-Phan vẫn vững

vàng trong lũy thành tre xanh rậm. Đạn chống giữ liên tiếp bay ra và đối-phương đông nên nhằm rất dễ trúng đích.

Toán quân do tướng Vinh chỉ-huy này thực tuyến là những tay súng thiện-xạ. Số quân ít và tinh, đã làm cho thiên binh vạn mã bên ngoài không sao mà tiến nổi được ! Xung phong tràn vào chỉ có thiệt hại mà có khi Vinh thừa lúc nhộn nhạo mà mở một đường thoát, chỉ bằng tăng cường lực lượng vây kín Ngô-Phan rồi sẽ tấn công địch bằng súng lớn. Thảo-luận cùng nhau như vậy, và sau khi đã bố trí chặt chẽ khắp lối không cho Vinh mang quân thoát, viên quân Lambert lập tức phái một đội quân gấp đường về Bắc-Ninh với hai việc : Một là báo cho viên Công-sứ rõ tình hình chiến-sự ở Ngô-Phan, hai là xin Thống-tướng Voyron cấp ngay cho mặt trận Ngô-Phan mấy khẩu đại-bác.

Quả nhiên, trưa ngày hôm sau, chen vào những loạt súng trường, tiếng hai khẩu đại-bác âm âm long trời lở đất, nhíp nhàng rót đạn vào Ngô-Phan như vũ bão. Súng lớn có một sức tấn công quả lợi hại, quân Vinh thế trận đang vững vàng, bỗng giờ thấy bối rối. May lúc ấy trời sâm-sấm tối và tiếp theo một trận mưa bão. Quân Vinh dựa theo mưa gió và đêm tối, tính việc lui quân. Mưa to quá, nước như trút xuống, gió thổi mạnh, lá bay tứ tung, cành cây gãy rãng rặc. Từ hàng cau cho tới khóm tre, cây nào cây nấy gật gù gật gù như là lễ phật. Giữa lúc mưa gió hãi hùng ấy, Vinh cầm quân đánh thục ra. Sau độ nửa giờ huyết chiến, máu đỏ hòa cùng nước mưa lênh láng, quân Vinh thoát ra ngoài nhưng để lại chiến trường một số tử thi chồng chất lên xác của đối-phương. Quân Vinh kéo miệt đi và biến nhanh cả vào làng Bích-Khê. Đạo quân đông đúc và hùng mạnh kia khi nào chịu bỏ dờ, lướt gió, gội mưa, bám sát đối-phương. Chỉ trong khoảnh khắc, Bích-Khê lại sa vào vòng vây khác. Súng lớn súng to lại thi nhau nhả đạn rót vào. Ngô-Phan bên kia đang bốc lửa trong mưa thì Bích-Khê bên này đang bị vùi dập trong gió và góc nào cũng khét sức mùi thuốc súng.

Ba giờ chiều ngày hôm sau, Thiếu-úy Gaumard xe thêm đến mấy khẩu súng đại-bác nữa. Làng kháng chiến Bích-Khê tuy có lũy tre đầy, có tường nhà chắc chắn và quân Vinh đóng bên trong dù có tinh-nhuệ tới bậc nào,

nhưng chịu sao nổi sức tấn công kinh khủng của thần công đại-bác. Quân Đề-Quý, Hai-Kế, Đốc-Mỹ ở các nơi cũng đồng thời bị đối-phương bám sát, nên cũng không tài nào mà cứu viện cho Bích-Khê được. Bích-Khê cầm cự được đến năm giờ chiều thì bị rung chuyển ! Nhà, cửa trong làng bị đổ sụp gần hết, cây to bị trúng đạn chẻ ra từng mảng. Xác dân lành của Bích-Khê chồng chất và xác quân Vinh cũng rải rác nhiều nơi. Vinh lúc này không lẽ giữ Bích-Khê chờ chết, nhất là nghe tiếng than khóc thảm thương của những người dân xưa nay chỉ biết có làm ăn mà bây giờ đang sợ chết trước cảnh tang tóc phủ đầy làng, Vinh quyết cùng đối-phương một trận sống mái, rồi ra sao thì ra ! Lệnh xông ra giáp-chiến của Vinh cương quyết như dao chém, quân Bãi-Sậy đang ẩn nấp trong các vị trí cầm cự, nhất lẽ hợp lại và... ngược luồng súng tiến ra : Tiếng hò hét vang lên tạo cho đêm khuya một cảnh rùng mình sớn gáy !

Gươm reo ! Súng nổ !

Cuộc huyết chiến kinh hồn kéo dài tới sáng. Những con chim vô tư vừa từ đâu bay tới nhẩy nhót trên cành để ca ngợi buổi bình minh. Mía mai thay ! Buổi bình minh ấy, phơi dưới nắng vàng cảnh máu sông xương núi, thực là vô cùng bi đát !

Súng đã ngừng nổ ! Gươm giáo đã ngừng reo !

Toán quân tinh nhuệ dưới quyền Vinh chỉ huy cũng không chiến đấu nữa, vì tất cả đã cùng chết trong trận này để chấm dứt cuộc đời ngang dọc của mình. Họ đã ghi trên Bích-Khê một kỷ-niệm oai-hùng và cũng hãi-hùng.

*

Đội quân tuần-tiểu của Hoàng-cao-Khải và binh-lính người Pháp bị thiệt hại trong hai trận Ngô-Phan và Bích-Khê không biết bao nhiêu mà kể. Nhưng thi-hài binh sĩ tử trận ấy đã được những đồng đội họ mang về tỉnh ngay khi thu dọn chiến trường. Riêng xác quân Bãi-Sậy vẫn còn ngổn ngang ngậm ngùi trong cái cảnh hết sức điêu tàn của hai làng. Mãi tới đêm hôm sau, một số dân đình làng Bích-Khê và Ngô-Phan hợp lực với một số người ở những làng lân cận, họ im lặng trong sương mờ khuân vác những tử-thi

quân Bãi-Sậy. Mặc cho tử khí xông lên, càng làm cho đêm khuya giá lạnh, lũ người chịu khó lần theo bờ ruộng đi mãi quăng đồng thăm thăm. Ở đấy, mấy chục người đang đào giữa ruộng một cái huyệt rộng và sâu. Đào xong, họ lần lượt xếp những xác chết xuống, lấy những chiếc chiếu đắp lên rồi vùi đất. Không có một tiếng nói to, nhưng có tiếng nước nở của lòng họ. Tiếng trùng đêm là những điệu nhạc rữ buồn tiễn đưa hương hồn những người đã được vùi sâu dưới đất và đóm đưa đường chỉ có mấy bóng sao thưa !

Mấy hôm trước đây họ là những người khuấy nước chọc trời, đến hôm nay, than ôi, đã là những người thiên cổ.

Còn lại trên đời một sự nghiệp dở dang bề bộn.

*

Được nửa tháng sau, cũng vào khoảng nửa đêm. Trăng lạnh, sương khuya đang thấm xuống năm mờ chung để kính viếng những hương hồn tử sĩ. Bỗng có một bọn sáu bảy người im lặng trong đêm, đi ra phía cánh đồng Bích-Khê, tìm tới nơi yên giấc nghìn thu của đoàn quân Bãi-Sậy, trong ấy có viên đại-tướng trẻ tuổi, Đề-Vinh. Cô Mai, người thiếu-phụ trong bọn dạ hành phục xuống nước nở. Nàng như ngất đi, rạp mình vào năm mờ chung chưa ráo đất. Ngoài xa mấy bước, ông chúa Bãi-Sậy Nguyễn-thiện-Thuật đầu chít khăn, mình mặc áo dài, đứng lìm người như pho tượng giữa mấy tên quân hầu. Vũ-trụ lúc ấy cũng như cùng người trong cuộc âm thầm : Màn sương buông mạnh để hòa cùng nước mắt cô Mai ; Trăng bạc đã khuất sau ngọn tre cũng còn như soi vào tận đáy lòng ông chúa Bãi-Sậy một lạnh-lùng tuyệt-vọng.

Mấy bóng người quanh quẩn mãi, lòng đau, chân chưa nở rời bước. Trăng lặn, sao thưa dần, chỉ còn nghe thấy trên quăng đường trở lại những tiếng nước nở chen vào những tiếng thở dài...

XX

VINH tử trận ; Ông Thuật lại mất một viên tướng anh dũng. Ông khóc Vinh và khóc cả một toán quân tinh-nhuệ. Một khí uất dâng lên tâm hồn nhà lãnh-tụ, một tuyệt-vọng nặng nề. Từ hôm ông cùng cô Mai tới viếng nấm mồ chung ở đồng làng Bích-Khê trở về, người ông cứ mệt dần trong lo nghĩ.

Ra đầu hàng ư ! Điều đó ông chúa Bải-Sậy quyết tâm không làm. Hy-vọng tuy chỉ còn mỏng manh như tơ tóc, nhưng ông quyết theo đuổi tới cùng. Vì quá ưu tư, thân hình ông khô hạc hẳn đi. Hai-Kế luôn luôn săn sóc anh và an ủi anh phải lấy thân làm trọng để cho quân tướng khỏi nản lòng.

Biết Bải-Sậy lúc này đang lâm tình cảnh ngửa nghiêng : nào tướng chết quân tan, nào kẻ bỏ đi người ngã lòng, quân Pháp và quân tuần-tiểu lại càng sẵn đánh ráo riết ; quân Bải-Sậy cứ thua hoài. Chẳng những thế, các làng bị tình nghi là đã giúp đỡ và giấu diếm quân Bải-Sậy đều bị nghiêm phạt. Có nhiều làng để cho quân Bải-Sậy ăn núp đều bị phá hết tre lũy, có làng bị bắt hết trâu bò hay cả làng phải đi làm những công sự hàng tuần, có người hàng tháng. Dân trong hạt Mỹ-Hào bị tình nghi, bắt bố rất đông và nhiều nhà cửa bị đốt phá. Gia-quyển ông Nguyễn-thiện-Thuật cũng đều bị bắt trong dịp này. Hai người cháu ông tỏ ý kháng-cự đều bị chết chém ngay tại làng.

Trước cái cảnh quốc phá gia-vong, ông Thuật tuy có gan sắt đá, cũng không cầm nổi đau xót giầy xéo trong tâm.

Quân Bải-Sậy chỉ quanh quẩn trong vùng Bải-Sậy, trừ có đêm là còn dò dẫm ra một vài làng xung quanh.

Hồi này người Pháp cắt hẳn Mỹ-Hào (Hải-Dương), Văn-Lâm (Bắc-Ninh), Yên-Mỹ (Hưng-Yên) hợp lại thành một vùng giao cho viên phó-sứ Muselier coi. Ông này là một nhà quân-sự đại tài, đem hết sở-trường của mình ra phụng-sự công-cuộc bình-định một cách đặc lực. Quân Bải-Sậy đang cơn bĩ cực lại gặp viên-tướng chỉ huy bên đối-phương là Muselier rất khôn-ngoa mưu-lược, thành thử gắng sức, gắng trí mà vẫn trong vòng nguy

nan, không còn phương sách gì mở rộng thêm được phạm-vi hoạt-động ra nữa !

Vinh chết, Đốc-Sùng lên cầm quân thay. Trận đầu rất gay go xảy ra cách Bãi-Sậy độ mười cây số, hai bên đều thiệt hại nhưng không phân rõ ràng sự thắng bại. Trận thứ hai, quân Sùng, lúc nửa đêm kéo ra khỏi sào-huyệt được độ năm sáu cây số thì bị đối-phương phục kích. Sùng tử trận. Moliner trừ được Sùng rồi, hạ lệnh tiến quân công phá Bãi-Sậy. Cuộc xung sát chung quanh sào-huyệt Bãi-Sậy cứ kéo dài tháng này sang tháng khác mãi. Đốc-Tính, Đốc-Bân lần lượt được cử lên cầm quân, nhưng cũng lần lượt gục trước trăm nghìn đạn của đối-phương. Tại Chúc-Xá, khi giáp chiến cùng toán quân Lambert, Bellisent, và Durban, em trai Đốc-Bân thấy anh bị đạn xuyên qua ngực ngã vật xuống ; chàng vội vàng vác xác anh lên vai mở một đường máu chạy thoát ra ngoài. Nhưng mấy phút sau, một viên đạn chẳng rõ từ xó nào bay tới, kết liễu đời ngang dọc của chàng. Ở bên lề đường, xác hai anh em Bân ôm nhau lạnh dần trong máu đỏ.

Bãi-Sậy thật là chông chất khăn tang !

Anh em ông Thuật lòng đau như cắt, khóc dở cười dở !

Cái lực-lượng oai-hùng của đoàn quân ông chúa Bãi-Sậy ! Sự bí-mật âm-u của chốn rừng lau đây nguy-hiểm !

Đến nay, còn đâu cái thời ấy nữa !

Bãi-Sậy suy biến và đã rõ ràng đang nặng nề bước trong đường tan rã.

Tiếp sau những trận đại bại liên tiếp vừa qua, Đốc-Sào bị đạn, Lãnh-Văn ra hàng, Lãnh-Điều bị bắt và rất nhiều người của Bãi-Sậy tuyệt vọng bỏ đi, trở về với tiếng gọi đồng quê.

Ông Nguyễn-thiện-Thuật qua nhiều đêm suy nghĩ : Tình nhà nợ nước luôn luôn ám ảnh trong trí óc ông, khiến cho gan dạ anh-hùng mà cũng phải dâng lệ tràn mi. Chung quanh ông lúc này như bao phủ một lớp màn đen âm-đạm.

Đêm hôm ấy, vũ-trụ đang chìm đắm trong bao la sương lạnh, ông Thuật một mình sang chỗ đóng quân của em là Hai-Kế. Thấy anh sang, Kế sửng-sốt vội vàng đứng dậy vái chào : « Đêm khuya một mình anh sang đây chắc có việc gì, hay có nội biến ? »

Ông Thuật cười gằn, gượng nói : « Em yên tâm, không có gì khác cả, ngoài việc quân ta cơ hồ tan vỡ mà em đã biết đó ».

Hai anh em ông Thuật cùng ngồi và cùng yên lặng ! Những chuỗi ngày của năm qua vừa thoáng trong trí óc hai người và đưa tâm hồn hai bức anh-hùng đang chìm trong thất thế, đến một ngày mai rùng rợn. Suy nghĩ một lát, ông Thuật buồn rầu bảo em : « Không phải là anh sang đây, để cùng em lo sợ trước cái chết. Nhưng nếu cứ bó tay mà chịu chết uổng, thì e không phải là người có chí khuông phù ».

Kế nói : « Lâu nay, em lúc nào cũng trong lo nghĩ những mong đem hết tài trí của mình ra phụng sự công cuộc... Nhưng thưa anh, thế địch rộng và sâu lắm rồi ! »

Ông Thuật thở dài vì sự nhận xét của em ông không ngoài ám ảnh đã làm cho ông mất ăn mất ngủ. Ông buồn rầu nói : « Ta tính rằng : Sào-huyệt hãy tạm giao quyền phòng thủ cho bọn Đề-Thủy, Lãnh-Điền, Tuần-Vân, Đốc-Mỹ chống giữ còn anh em ta nên tạm lánh ra ngoài ».

- Thưa anh, biết nơi đâu mà đến ?

- Ta nói ra ngoài để hoạt động gây thêm lực-lượng chứ không phải đi lánh nạn. Ta muốn sang Trung-Hoa ; ở đây ta sẽ mộ một ít quân thiện chiến rồi trở về mới mong khôi phục lại được cơ-đồ. Gan ở đây không ích gì !

Kế thưa : « Bẩm anh, anh nghĩ thế nào cho thành công mai sau thì làm. Em nguyện tâm giữ trọn bốn phận làm tôi ; miễn sao em được bên anh để có nhau trong sớm tối. Tình anh em, nghĩa chúa tôi, Kế này đâu dám quản mọi gian lao khổ cực ».

Đêm hầu tàn, hai anh em ông Thuật đi vào giấc ngủ mơ-màng đầy rùng-rợn...

Sớm hôm sau, các tướng Bã-Sậy được lệnh lục tục kéo tới trụ-sở Đại-bản-doanh vì ban cơ-mật triệu tập một cuộc họp bất thường. Khi đã tề tựu an vị đông đủ rồi, ông Thuật, Chúa Bã-Sậy bày tỏ quyết định của mình.

Không khí đượm vẻ ngậm ngùi và có nhiều người sa lệ. Mọi người đều cúi đầu vâng lệnh nhưng chúa tể Bã-Sậy vô cùng cảm động tưởng tới giờ phút chia tay.

Ông Thuật ân cần dặn dò : « Bã-Sậy mà bị thất-thủ thì phong-trào khởi-nghĩa của chúng ta không tài nào cứu vãn ! Vậy, trong khi tôi vắng, các ông ở nhà phải gắng tâm gắng sức phòng giữ, tuy những công việc đó các ông làm cũng đã nhiều rồi. Cố lên ! cố nữa ! Thành hay bại, tôi hoàn toàn trông cậy ở các ông. Tôi sẽ cố gắng trở về nước thực sớm ».

Sau ít ngày căn-dặn tỉ-mỉ hết mọi công việc, anh em ông Thuật cặp nón, che ô giả làm hai người lái buôn lên đường. Buổi biệt ly khiến cho cây cỏ Bã-Sậy cũng ngậm ngùi. Một tiểu đội bảo vệ, khí giới giấu kín trong người đi rải rác xa xa. Họ đi từng tốp ba, bốn người một, cười nói rất bình thản vui vẻ như những người đi chợ bán việc buôn bán.

Lòng anh em ông Thuật lúc này nghĩ đến tình nhà nỡ nước thật là trăm mối vò tơ. Cố hương yêu dấu thôi hãy lùi dần lại ! Tất cả mọi quang cảnh xung quanh, từ tiếng chuông chùa văng vẳng, tiếng trống thành dẫn dọc cho đến tiếng giun tiếng dế, cho đến những cây cối âm u, đồng xanh bát ngát, con trâu gặm cỏ, con chim bay lướt, không một thứ gì không gợi trong tâm khảm hai nhà ái-quốc một nỗi nhớ thương cay đắng.

Ngày trốn tránh những bọn lính tuần, đêm lặn lội qua rừng vượt suối, nếu chẳng vì nước vì dân thì người anh-hùng đâu có phải tự đày cái thân mình vào khổ ải.

Mây nước muôn trùng, bọn khách bộ hành ấy ra đi trong gian nan khổ cực nhưng trong lòng nguyên đầy tin tưởng...

XXI

VƯỢT qua trăm nguy nghìn hiểm, ông Tán-Thuật và em là Hai-Kế đã tới chốn rừng rậm âm-u mà xưa kia ông cũng có lần ẩn náu.

Đây là một nơi : an-toàn-khu. Xưa kia và lúc này chim bằng hạ cánh để nghỉ ngơi cho lại sức sau những ngày lênh đênh đầy đe-dọa.

Những tiếng động của rừng thẳm, nghe đã quen tai, bây giờ sao vang lên như những tiếng than náo-nùng bi-đát. Lộc rừng, củi quế đã từng bén mùi quen vị, nay sao thấy cay đắng trăm chiều.

Dăm bảy con nai hốt hoảng bỏ dòng suối trong veo, soái vó chạy nhanh ; Một đàn thỏ rừng đang nhảy nhót phơi mình dưới đốm nắng bỗng xô lên nhau trốn vào bụi rậm ; Mấy con chim đang bình thản rìa lông cánh cho nhau, hốt hải vỗ cánh tung lên bay biến.

Ông Thuật cùng các bộ-hạ dừng lại trước cái phút xáo trộn sự yên tĩnh của rừng sâu. Thấy cảnh trước mắt, ông liên tưởng đến Bãi-Sậy, một sào-huyệt mà ông đã bao công phu vun đắp, rồi đây chẳng biết khỏi bị đoàn người lạ bước vào ! Ông rùng mình hồi-hộp vì tâm-hồn ông vừa bị ám ảnh một cảnh hãi hùng : « Lửa bốc rực trời ở trung-tâm Bãi-Sậy, quân tướng ông tuyệt đường chiến đấu xô nhau chạy ».

Cổ xưa đuổi những hình ảnh không hay ấy, ông Thuật cười to nói với các tùy-tòng : « Ngày xưa, nơi đây đã che chở cho ta thoát được nanh vuốt của địch, để có ngày trở về ta làm cho chúng nhiều phen mất mặt. Nay lại qua đây, tạm nghỉ ở đây, để rồi sẽ có một ngày mai ta đại thắng địch, đem giang-sơn ra thoát khỏi vòng lao-lung sào-thẳm ».

Nói xong, ông cùng bộ-hạ ngồi tựa vào những gốc cây, người nào cũng đuổi cặp giò đã mỏi rời.

Đang mơ-màng, ai nấy đều lắng tâm-hồn vào tịch-mịch của rừng sâu ; bỗng có tiếng loạt soạt, tiếng động của chân bước phía đằng sau.

Mọi người đều hoảng-hốt, nắm chặt cán dao, lăm lăm khẩu súng để nghe ngóng động tĩnh.

Ngay lúc ấy, có ba thiếu-phụ hiện ra rào bước tới. Người đi trước mặc đồ tang trắng, còn hai người đi sau mặc đồ thổ màu xanh. Cả ba người chấp tay kính cẩn cúi đầu chào bọn ông Thuật.

Sau một phút ngạc nhiên, ông Thuật nhận ra người mặc tang phục là Cô Mai, bà quả-phụ Đề-Vinh. Ông cúi đầu đáp lễ và hỏi ngay : « Bà Vinh, có việc gì quan-hệ không ? »

Bằng một giọng nói nghiêm trọng, cô Mai đáp : « Thưa Nguyễn Đại-nhân, xin tiến vào cùng thẳm của rừng sâu hãy nghỉ ngơi, vì địch đã biết Nguyễn Đại-nhân vào rừng này ! Toán người theo dõi mình còn cách đây không xa mấy ».

Bọn người chưa kịp ăn, vội vàng theo đường cô Mai chỉ dẫn, cất bước, lạng-lẽ trong rừng rậm, đi không nghỉ cho mãi tới chiều.

Tới một khu rừng thưa thớt nhìn lên thấy rõ từng khoảng trời xanh cao ngất, yên chí là một nơi đã được phơi nhiều ánh nắng của ban ngày, Cô Mai nói : « Đây mới thực là an-toàn-khu, Đại-nhân cùng các anh em có thể nghỉ lại dùng cơm và sẽ qua một đêm không lo ngại ».

Màn đêm vừa buông xuống.

Nhanh nhẩu và vui vẻ, hai cô Thổ nhặt những cành lá khô vun lại, rồi một cô lấy ở trong lảng ra hai hòn đá sỏi với năm bông, đánh xiết mạnh đá vào nhau cho lửa tia bật bén vào bông, rồi nhóm một đống lửa hồng.

Lửa bốc cháy cao, mọi người đem cơm ra ăn, chuyện trò hể hả, khiến cho cảnh rừng thưa hiu-quạnh lúc này như ấp-ủ trong một bầu không khí nóng hổi đượm vẻ nồng nàn mật thiết.

Cơm nước xong, mọi người đứng dậy vơ hết những lá rụng lại rồi giải ra thành một chỗ nằm cho Chủ. Xong, họ lại tiếp tục làm mỗi người một cái đệm để duỗi chân tay cho đỡ mỏi. Riêng có cô Mai và hai cô gái Thổ thì

chung nhau một đệp lá. Còn màn là những chòm cây che đỡ những giọt sương đêm. Chương khí của núi rừng đã có đồng lửa hồng khu diệt.

Đệp lá, màn cây đã được kiến-thiết một cách nhanh chóng, đầu vào đây cả rồi. Tuy thế, nhà lãnh-tụ Bã-Sậy cũng chưa đi nằm nghỉ. Ông ngồi trầm-ngâm ngắm những ngọn lửa khi bốc cao, khi lụi xuống và thỉnh thoảng ông tiếp thêm củi thêm lá vào. Nhìn ngọn lửa bùng bùng reo cháy ông nói với các tùy-tòng : « Việc đời có khác chi : Lá rụng của rừng hợp cả lại, sẽ tạo nên một ngọn lửa ngất trời, ai mà dập tắt được ; Người ta mà biết quây quần lại thì hỏi việc gì mà chẳng thành. Nhưng tiếc rằng : Ai là người có tài thu lá rụng, ai là người có đức hợp lòng người ».

Suy nghĩ một lát, ông nói tiếp : « Giang-sơn ngày nay phải nghiêng ngửa để bao nhiêu người cũng như chúng ta đây phải lao đao, đâu có phải lỗi của chúng ta mà cũng vì kết quả của bao đời trước không có lấy ai là người có tài có đức. Lòng người trong nước chia rẽ đã từ lâu ! »

Càng suy nghĩ, càng thấy một thất-vọng xâm chiếm tâm-hồn, ông Thuật không muốn thế, ông ngoái ra hỏi truyện cô Mai để xua đuổi hết những ý-tưởng có phương-hại đến chí-hướng của ông : « Bà Vinh làm thế nào biết được chúng tôi đi vào rừng này ! »

Mai đang xì-xào với hai bạn gái bằng tiếng thổ, vội quay lại, chấp tay lễ-phép nói : « Thưa Đại-nhân, khi Ngài từ biệt tỉnh nhà ra đi, chị em chúng tôi lúc nào cũng có người lưu ý đến tình hình chung quanh Đại-nhân. May mắn là từ Hưng-Yên đến Thái-Nguyên, địch không biết gì về cuộc hành trình này, có lẽ một phần vì các tùy-tòng của Đại-nhân đã dẫn đường một cách tài tình và bí-mật. Nhưng đến Phủ-lạng-Thương thì bị bại lộ, nên họ hoạt động ráo-riết để theo dõi ; tuy thế, chị em tôi cũng dò biết là họ chưa rõ chắc chắn bọn ta ở đâu, đi đường nào nên chúng tôi chưa ra mắt Đại-nhân vội. Mãi tới buổi chiều hôm nay, chúng dò biết rõ vết chân Đại-nhân cùng các tùy-tòng nên chúng lấy thêm binh ở các đồn lân cận gấp đường theo dõi. Ba chị em chúng tôi vội lần theo một con đường riêng tới trước để báo cho Đại-nhân biết tin dữ-dội đó ».

Cô Mai ngừng nói và đôi mắt quầng thâm bừng sáng lên trước ánh lửa, rồi tiếp : « Hẳn lúc này, chúng đang tiu nghỉu ở quăng rừng thưa ngoài và rồi cũng đến kéo nhau ra, chứ biết sao nổi đường mà mò mẫm tới đây ».

Ông Thuật cảm-động về sự tận tụy của đoàn phụ-nữ do thám. Ông tỏ ý thán phục và cảm ơn trước sự tận tâm tận lực đáng kính trọng đã tỏ ra một cố-gắng không bờ.

Bằng một lời diễm-đạm, nhà lãnh-tụ Cần-vương nói : « Bà Vinh cùng các chị em trong đoàn, thực xứng đáng với dòng-dõi Trưng-Triệu. Riêng tôi xin ghi hành-động của đoàn vào trang công đầu của phong-trào nghĩa-cử của rừng lau ».

Đêm khuya dần... và lửa cũng rụi dần.

Mấy chị em cô Mai tiếp thêm củi vào.

Lúc này cả bọn người đều về chỗ mình và đã bắt đầu có tiếng ngáy đều đều.

Nằm duỗi chân tay cho giãn xương cốt, ngoài mấy người quá mệt ngủ thiếp đi, ông Thuật và bọn tùy-tòng vẫn tỉnh táo lắng tâm-hồn vào những tiếng động của rừng khuya.

Hồi những tiếng nói của hoang-vu thăm-thăm kia, có thấu chẳng tâm-sự của bọn người vì nước, vì nhà mà phải sống những ngày màn cây đềm lá giữa chốn rừng sâu này !

Tuy thế, trong bọn không nghe thấy một tiếng thở dài.

Đau đớn và tuyệt vọng trong tình trường đến như cô Mai mà cũng dẹp nỗi sầu riêng để tìm kiếm niềm an-ủi trong nghĩa-vụ.

Sớm hôm sau, bọn người lại lên đường, đi tuyến đường rừng về phía Lạng-Sơn.

Ba ngày sau, khi đã yên dạ ; cuộc hành trình của nhà lãnh-tụ Bãi-Sậy được vẹn toàn, bọn cô Mai ba người từ biệt trở về.

Tới đây, nơi mà trái tim lần đầu tiên hồi-hộp mở đón hình ảnh yêu đương, cô Mai dừng bước lại, để ôn những ngày qua, những ngày không còn tài nào tìm thấy nữa !

Cây dừa vẫn còn đó ! Dòng suối còn đây !

Riêng cố nhân thì đã gục trước đạn thù, để giai nhân rũ buồn soi bóng lẻ.

Nghĩ lại những ước mơ xưa, Mai rưng rưng lệ tủi cho tấm thân lẻ bạn. Cánh chim trời, những tưởng tung khắp bốn phương chỉ đợi có một ngày. Than ôi ! Ngày ấy hôm nay chỉ còn trong mộng tưởng.

Mai khóc lên rưng rức. Đôi mắt mờ lệ thấy thấp thoáng dưới lòng suối bóng Vinh, người anh-hùng trẻ tuổi. Nàng rú một tiếng thất thanh nhào đầu xuống thì may lúc ấy hai cô bạn Thổ đứng bên níu lại và ôm vào lòng.

Mai bàng hoàng nằm như thiếp đi trong lòng bạn để hưởng lấy những phút yêu đương đắm thắm. Một cô bạn quì bên cạnh cầm lấy hai tay nàng và cả hai cùng rỏ lệ.

Đôi mắt quầng thâm lim dim bỗng mở to, nước mắt lại ràn ra và nàng nhìn hai bạn gượng cười.

Cái cảnh ấy đã nạm trên bức tranh của thiên nhiên những nét linh động, dịu dàng, tô-điểm tăng thêm bội phần tuyệt mỹ.

Từ biệt hai cô gái Thổ, Mai một mình đi về vùng xuôi.

Lòng nặng, chịu đau thương của kiếp chim trời lui thúi một thân, nàng chỉ còn biết lao mình vào công việc để được lãng quên đôi phần lạnh lẽo của chiếc khăn tang.

Nếu không lấy việc nước làm trọng thì người quả-phụ kia đứng sao vững được trước trận bão táp ác nghiệt của đời. Dòng sông, lạch suối chẳng đã là nơi mà nàng giữ sạch bụi trần rồi sao ! Nơi thế-giới bên kia, hãn tình quân còn chờ đợi để cho trọn lời nguyện ước buổi bình sinh.

Thương hại thay, cô Mai về tới Hưng-Yên thì được tin thân-phụ cô lâm trọng bệnh.

Gặp cha, nàng sấn sóc thuốc thang năm ngày thì cụ từ giã cõi trần !

Trước giờ phút lâm chung, hai mắt cụ già sáng ngời như dâng lên tất cả tiết tháo của cuộc đời trong trắng của cụ. Cụ nắm tay con lâu lâu, rồi thều-thào nói câu cuối cùng : « Cha tiếc cái tài khuấy nước chọc trời của Vinh... Chồng con và... »

Mai nhìn cha giàn giụa nước mắt, nàng nghĩ đến cả một cuộc đời trước mặt mà phải rùng mình. Biết làm sao cho vẹn vẻ mọi đường !

Cụ già lim dim mắt như muốn ngủ rồi lại mở choàng ra nói : « Cha thương con lắm, phải góa bụa giữa lúc đầu xanh, rồi đây sóng gió... tấm thân lẻ bạn... con biết đường nào mà gìn-giữ. Cha chết rồi... con lên trở lại mái tranh xưa ; Bà ngoại và cậu mợ con theo lời cha khuyên đã tới đó ở được hơn nửa năm nay ! Nghe lời cha, con sẽ còn tìm thấy đôi phần an ủi, còn... việc nước, than ôi ! Nhắc đến chỉ thêm đau lòng... »

Nói đến đây, đôi mắt cụ nhắm nghiền lại, mồm còn ú-ớ những tiếng rất nhỏ nghe không rõ điều gì. Thế rồi cụ cứ lịm dần để chấm dứt cuộc đời đấu trí, thi mưu của cụ.

Cô Mai lăn ra khóc, khiến cho mọi người có mặt xung quanh đều sa lệ.

Một dải khăn tang chồng lên một dải khăn tang, cô Mai cảm thấy nỗi lòng chua xót nhường như nhàu nát.

Tang lễ cụ già sơn-cước cử hành ngay ở sào-huyệt Bãi-Sậy, một cách nghiêm trang trọng thể : Một đoàn người lạng lẽ theo sau quan tài và tiếng khóc cha của người thiếu-phụ chỉ còn là những tiếng nức-nở trong hơi thở nhọc mệt. Nghi lễ rất sơ-sài nhưng vô cùng bi-thảm.

Ba hôm âm thầm qua đi !

Sau khi khóc lễ trước mồ cha và sau khi gục xuống trước nấm mồ chung ở đồng làng Bích-Khê, cô Mai, mắt mờ ngấn lệ lủi thủi lên đường.

Lòng sầu trăm mối của nợ nước tình nhà, Mai khác chi chiếc bóng không hồn lá lướt như tàu lá trong sương gió, chẳng biết ngày nào mới giữ sạch hết bụi trần.

XXII

THÁNG 8 năm 1897, Chúa Bãi-Sậy về nước, ông dẫn một toán quân quá một nửa là người Khách lên về được tới Hưng-Yên. Dọc đường tuy có gặp mấy lần xô sát với địch nhưng quân ông đều thắng. Bọn quân này hầu hết là những tay thiện-xạ mà anh em ông Thuật đã cố gắng tổ-chức, tìm kiếm trong đám hảo-hán giang-hồ.

Ông Tán-Thuật trở về lần này, lại thấy trong lòng dâng lên nhiều tin-tưởng.

Nhưng Bãi-Sậy âm-u bí-mật, cái di-sản lịch-sử của nhà lãnh-tụ Đồng-Quế để lại cho ông đã hầu như bị khám phá hoàn toàn !

Anh em ông Thuật hôm ra đi với cái hy-vọng mỏng manh, để hôm nay trở về, cái hy-vọng ấy chỉ còn là một sợi tơ mây giữa trời đang có cơn gió lộng.

Trong khi vắng chủ, các quân-tướng Bãi-Sậy không hề phút nào sao nhãng công-sự đã được phó thác. Nhưng thế địch mạnh mẽ như vũ-bão, biết lấy gì chống đỡ khi căn nhà đã bị xiêu vẹo gặp cơn giông-tổ. Họ đau lòng cam tội với người ra đi, người ấy đang lặn độn ở xứ ngoài !

Đề-Quý cũng đã thiết lập phòng-tuyến cố thủ sào-huyệt. Cũng đã có nhiều lần đem quân đánh úp các đồn Khoái-Châu, Hà-Tiên, Phú-Trạch, Thủy-Lâm, làm cho đối phương thiệt hại, chỉ cốt mong sao cho Bãi-Sậy còn cả cái bí-mật oai hùng của nó khi anh em ông Thuật kéo quân về. Trong thời kỳ ấy, ba viên giám-binh Porlo-Carrero, Festhmel, Lesage và hai viên quan Chính và Leglée đều bị quân Bãi-Sậy đánh giết cả. Tuy thế, Bãi-Sậy sau cùng không thể nào chịu nổi những cuộc tấn công liên tiếp hàng tháng trời. Mỗi lần vì sào-huyệt là một lần tướng chết quân mòn. Lãnh-Điều bị tử trận, Lãnh-Hữu, Thống-Du, Đốc-Lãng ra hàng. Dần dần, thế cùng lực kiệt, Đề-Quý cũng ra hàng nốt. Đốc-Thủy, Đốc-Mỹ, Tuần-Vân đem một số tàn quân bỏ sào-huyệt lên đường trốn và lẩn lút trong các làng. Binh lính Pháp tha hồ lùng kiếm không còn thấy tung-tích đâu nữa !

Sào-huyệt Bãi-Sậy thất thủ !

Rừng sậy đã bao nhiêu lâu ấp-ủ và che-chở cho đoàn con yêu của Đất nước, nay đã biến thành một ngọn núi lửa bốc cháy ngất trời !

Mảnh đất lịch-sử oai hùng ấy từ đây mang đầy uất hận dưới lòng sâu. Lửa cháy, tàn tro, lòng người Bãi-Sậy sôi bên lửa đỏ và nay đang nguội lạnh dần !

Anh em ông Thuật về nước thì ôi thôi ! cả một công trình vĩ-đại trong đám rừng lau và cả dưới lòng đất sâu hâu như bị hoàn toàn khám phá.

Bãi-Sậy âm thầm thương xót cố-nhân ! Và cố-nhân đã về đây cũng đang ngậm ngùi nuốt hận trước cảnh tan tành của tổ ấm.

Ông Tán-Thuật rùng mình khi nhìn thấy trong tường-tượng Bãi-Sậy yêu dấu của ông phơi mình dưới nắng sớm, trăng đêm, một xác hình khổng-lồ nhưng đổ vỡ tơi bời. Ông than rằng : « Thân chim bằng dù có còn cất cánh tung bay, đâu còn hy-vọng cái ngày trở về đất cũ ! »

Bãi-sậy bị chiếm đóng rồi ! Không còn bóng một tên lính nào của Cần-vương nữa ! Binh lính Pháp và khố-xanh đang san bằng mảnh đất kháng-chiến ấy để chôn vùi dưới đất sâu, những phần bí-mật hãi hùng.

Người ta đã bắt đầu xì-xào : Thôi thế cũng là yên (?)

Nhưng rồi bỗng nhiên người ta lại thêm một lần ngạc nhiên vì tiếng súng Cần-vương lại tới tấp nổ ở vùng Khoái-Châu (Hưng-Yên) ! Binh lính Pháp và tuần-tiểu của Hoàng-cao-Khải chắc mẫm đến lúc tọa hưởng công danh phú quý, có ngờ đâu lại được lệnh : Dồn cả về nơi súng nổ !

Đã có một lần, viên quân Littaye thúc quân liều mạng lăn xả vào chống với quân ông Thuật, để cứu viên tri-phủ Khoái-Châu. Ông này khi ấy chỉ còn cách cái chết trong sợi tóc.

Quân ông Thuật nay làng này mai làng khác. Hầu hết các phủ huyện lần lượt trong hai tỉnh Hải-Dương và Hưng-Yên đều bị quân ông đánh kịch liệt. Nhưng lần nào cũng bị quân đối-phương kéo tới đông như kiến, vừa cứu nguy vừa săn đuổi. Vì thế, không còn biết đóng quân đâu cho yên, ông

Thuật đem quân vượt khỏi vòng vây này lại sa vào lưới khác. Thật là trăm nguy nghìn hiểm, quân-đội không còn được nghỉ-ngơi và cứ hao hụt dần.

Quanh quẩn mãi, cứ với cái chiến-thuật du-kích ấy, lợi thu về không được là bao, quân tướng bị hao tổn gần hết. Đối-phương đông nên sự hao-hụt tuy nhiều mà vẫn là một điều không đáng kể. Đốc-Mỹ, Đốc-Thủy, Tuần-Vân, những viên tướng cuối cùng của ông Thuật lần lượt bỏ mình trong những trận đột kích.

Biết giờ tàn cuộc đã rõ, cơ đồ thế là sụp đổ, ông Thuật lệ ngập sâu rơi. Ông cùng em nuốt túi từ giã quê hương tìm đường lại trở ra nước ngoài. Trong bước hành trình đẫm lệ, anh em nhà lãnh-tụ Bãi-Sậy lại gặp một biến cố xẩy tới : Một cạm bẫy do một bọn mưu cầu danh lợi chăng để bắt cả ông Thuật lẫn ông Hai-Kế đem nộp cho người Pháp.

Ông Thuật thoát được cái cạm bẫy xấu-xa ấy, nhưng em ông, viên tướng cuối cùng mấy tháng sau, cái thân hùm thiêng sa cơ phải ngậm ngùi giữa thành nước mông mênh kiên cố ngoài Côn-đảo !

Rồi, trong quãng đường sang xứ người, còn bao nhiêu nguy-hiểm, gian lao, ông Thuật một mình lủi thủi với mấy tên thủ-hạ trung thành. Phong cảnh quanh mình thấy đều mờ trong giấc lệ biệt ly : Hương-hồn Bãi-Sậy toi bời, người em độc-nhất chốn lao tù và xứ sở đau thương !

*

Bên trời, ông Tham-tán Nguyễn-thiện-Thuật ngày đêm nguyên mưu tính đại-sự những mong có ngày chim bằng đủ lông cánh, hùng mạnh bay về ! Ngày ấy than ôi có bao giờ thấy nữa !

Mỗi khi hướng tâm-hồn về Quê-hương, lệ vong quốc chan hòa, ông Thuật, lòng đau như chết vì đất nước nguyên trong gió bụi mịt mù !

Ông ngậm ngùi cho nợ nước tình nhà, cho thân mình và nghĩ tới hoài-bảo của cụ Đồ thầy học ngày xưa, lòng ông se lại.

Thế nhưng, người anh-hùng ái-quốc mặt lộ ấy vẫn còn hy-vọng. Hy-vọng ấy đã biểu-lộ trong lời nói cuối cùng : « Ta không thành nhưng người

sau đi vào đường ta tất đạt ».

Đến nay, người anh-hùng lịch-sử đã trả về lịch-sử rồi, nhưng phải chăng lời nói ấy đã được thời gian chứng minh, để bây giờ ngọn cờ Độc-lập đã nêu cao, đem lại cho Tổ-quốc những ngày rực-rỡ huy-hoàng.

MẤY DÒNG THAY ĐOẠN KẾT

Thời gian qua nhanh chóng, không trách người ta ví như tên bay, như gió thoảng.

Không ai nhìn thấy nó vun vút trước mắt mình nhưng những biến chuyển chất đống của thời gian để lại thì hễ mở mắt là thấy. Những ghi tích của thời gian biến chuyển ấy đã từng làm xúc động bao nhiêu người còn mang nặng u-uẩn trong lòng.

Cũng như :

Bãi-Sậy xưa đã có một thời lịch-sử, nay tuy không còn một vết tích nhưng cái danh Bãi-Sậy bí-hiểm, sào-huyệt của nghĩa-binh thì dẫu cho đến nghìn năm cũng vẫn còn trong lòng người.

Trước thời ấy, đất Bãi-Sậy đều là những làng mạc tuy người ở thưa thớt nhưng có một hòa-khí dưới mái nhà tranh. Một trận thủy-lạo hung hãn đã gieo sự biến đổi tang thương, san phẳng cả một vùng, phá tan cuộc sống đầm ấm của dân lành, đập phũ-sa vào để cho lau-sậy tự do thi nhau mọc lên thành rừng rậm âm-u.

Sau thời ấy, Bãi-Sậy lại không còn một cây sậy nữa ! Ngọn lửa thời gian đã âm ý cháy liên tiếp bao ngày và sau cùng Bãi-Sậy chỉ là một đồng tro tàn phơi mình đầy thương-tích dưới mưa nắng gió sương.

Rồi người nông-phu của huyện Mỹ-Hào với nét mặt đen lánh, biểu-lộ một đức tính kiên nhẫn, lại thường xuyên-cuốc xới để biến hình Bãi Sậy dần dần thành những đồng ruộng bát ngát, phì nhiêu.

Bãi-Sậy thay hình đổi dạng.

Và lòng người ta cũng không phải là bất-di-bất-dịch.

Cũng vì những biến chuyển do thời gian đã tàn ác gieo vào lòng người mà ông Tham-tán Nguyễn-thiện-thuật phải thất bại.

Vạn vật biến đổi thế nhưng dòng máu ái-quốc của họ Nguyễn không hề phai nhạt.

Bao năm ròng, ẩn náu ở trong các gia-đình những bậc nghĩa-khí, cậu cả Tuyền, con trai lớn ông Nguyễn-thiện-Thuật đã tránh thoát được con mắt dòm dõi nguy-hiểm của thời gian.

Nghĩ đến cha chú, tới gia-đình tan tác, nghĩ tới sự-nghiệp của các Người nơi Bãi-Sậy khi xưa, nay chỉ còn là vang bóng một thời, lòng tuổi trẻ thấy căm gan tím ruột và không lúc nào bầu nhiệt-huyết không sôi lên trước thù nhà nợ nước.

Chí đã quyết, lòng nặng tình cha chú, cậu Tuyền ra đi ; hết năm này sang năm khác vẫn tuyệt vô âm tín !

Bỗng tiếng súng khởi-nghĩa Thái-Nguyên bùng nổ, làm chấn động trong toàn quốc.

Cậu Cả Tuyền ngang nhiên cùng các nghĩa-binh tiến ra trường chiến đấu và khi tiếng súng ngừng nổ thì cậu hai tay vướng trong vòng xích sắt.

Rồi một hôm, ở ngay trên đất tổng Bạch-Xam, nơi quê hương, cậu Cả Tuyền thản nhiên nhận lấy những nhát chém rùng-rợn của mấy tên đao phủ lạnh lùng !

Nơi tuổi vàng gặp các bậc Tiên-bối, hãn người cháu, con tiết-tháo ấy cũng không phải tủi hờn...

1951

Á-CHÂU ẤN-THU'-XUẤT-BẢN CỤC

TỦ SÁCH TRINH-THẨM PHIÊU-LƯU

Tác giả NGỌC-CẦM :

- 1) DAO BAY (47đ)
- 2) Mũi tên thù (10đ)
- 3) Xông pha (48đ)
- 4) Món nợ kỳ khôi (8đ)
- 5) Người thiếu nữ áo xanh (12đ)

Tác giả TRẦN-VĂN-QUÝ :

- 6) Bộ quần áo đàn bà (8đ)
- 7) Lão già đeo kính đen (15đ)
- 8) VỤ ÁN MẠNG. Không có thủ phạm (24đ)

Tác giả NGÔ-VĂN-TY :

- 9) Đàng Bí mật (12đ)
- 10) Rừng núi về chiều (15đ)

TỦ SÁCH LỊCH-SỬ TRUYỀN KỶ

- 11) Một thời oanh liệt (8đ)
- 12) Dưới bóng cờ son (24đ)
- 13) ĐỀ-THÁM (32đ)
- 14) Thủy khấu anh hùng. Nguyễn-hữu-Cầu (20đ)

TỦ SÁCH VÕ HIỆP

Tác giả HẢI-BĂNG :

- 15) Điện-ảnh-Nhi xuất thế (12đ)
- 16) Chí Thiện Thiên Sư (14đ)
- 17) Cừu đầu sơn (14đ)
- 18) Ô-Đầu Hiệp-sĩ (12đ)

LOẠI TIỂU THUYẾT HAY

Tác giả LÊ-VĂN-TRƯỜNG :

- 19) Trường đời (hết)
- 20) Trước cảnh hoang tàn (23đ)
- 21) Cánh sen trong bùn (35đ)
- 22) Người anh cả (40đ)

Tác giả VĂN LÂU và bà T. T. AN :

- 23) Những kẻ lạc loài (24đ)

Tác giả Tạ-hữu-Thiên :

- 24) Đứa con hư của hai THỜI ĐẠI (12đ)

Tác giả THANH-NAM :

- 25) Sau cơn binh lửa (14đ)

TỦ SÁCH QUÍ :

- 26) Một truyện tình 15 năm về trước (hết)
- 27) Con đường sáng của Hoàng Đào

TỦ SÁCH DỊCH :

- 28) Nghìn lẻ một đêm (24\$)
- 29) Những chuyện thần thoại
- 30) Tiếng gọi đồng quê (Giải thưởng nobel 1938)

TỦ SÁCH NỘI TRỢ :

- 31) Những món ăn Việt-Nam (16đ)
- Và nhiều sách khác...

59 MIRIBEL HANOI – SAIGON 16 BARBÉ
Giấy phép số 1606, ngày 20 tháng 11 của UBND

Tủ sách Lịch-sử, Truyện-kỳ

CÒN RẤT ÍT :

1) DƯỚI BÓNG CỜ SON CỦA H. B. NGUYỄN-ÂN. Cuốn sách hào hùng của những người Việt-Nam yêu nước. Giá 24\$.

2) MỘT THỜI OANH LIỆT của Trần-văn-Khải. Giá 12đ.

MỚI RA :

3) Thủy khấu Anh hùng. Lịch-sử Quận-hẻo Nguyễn-hữu-Câu, người đã từng làm mưa làm gió một giải Hải-Dương Đồ-Sơn. Giá 24\$.

4) ĐỘI CẤN. Khởi Nghĩa Thái-Nguyên của Nguyễn-Tò

2) Phong trào Cần vương của Huyền-Quang.

SẮP TÁI BẢN : ĐỀ-THÁM Hùm thiêng Yên-Thế

Số in có hạn. Xin đặt mua trước.

Tổng phát hành : Nhà sách Nguyễn-bá-Châu

92b Boudonnet-Saigon

Á-CHÂU ẤN CỤC

59 Miribel-HANOI

16 Barbé-SAIGON

Bắc, Trung, Nam : 250đ.

tve-4U

CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Notes

[\[←1\]](#)

Trương-quang-Ngọc sau khi dẫn Pháp bắt Vua Hàm-Nghi, được Vua Đồng-Khánh phong chức Lãnh-binh, xong đến đâu người ta cũng khinh bỉ coi y như con vật xấu xa. Y nhục nhã quá, không chịu được xin cáo quan về làng Thanh-Lang là nơi quê quán. Ngày 24-12-1893, một toán quân nghĩa-cử của ông Phan-đình-Phùng tới Thanh-Lang giết y để chấm dứt cuộc đời hèn mạt của tên mãi chúa cầu vinh. Còn Nguyễn-đình-Thanh được phong Phó lãnh-binh, di chúc ở Bình-thuận nhưng sau cũng tự nhiên mất tích.

[\[← 2\]](#)

Lúc này ông Thiệp lại có ý : nếu không trừ được địch trước mặt để giải thoát Vua thì giết Vua đi để Ngài giữ trọn được danh tiết.

Table of Contents

I

II

III

IV

V

VI

VII

VIII

IX

X

XI

XII

XIII

XIV

XV

XVI

XVII

XVIII

XIX

XX

XXI

XXII

MẤY DÒNG THAY ĐOẠN KẾT